ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA LỊCH SỬ

Sưu tầm - Biên soạn

HÀ MINH HỒNG - LÊ HỮU PHƯỚC
TRẦN THUẬN - TRẦN THỊ MAI - TRẦN NAM TIẾN
LƯU VĂN QUYẾT - HUỲNH BÁ LỘC

CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

100 NĂM NHÌN LẠI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916

100 NĂM NHÌN LẠI

Sưu tầm - Biên soạn

HÀ MINH HỒNG, LÊ HỮU PHƯỚC
TRẦN THUẬN, TRẦN THỊ MAI, TRẦN NAM TIẾN
LƯU VĂN QUYẾT, HUỲNH BÁ LỘC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN THỊ LIÊN

Biên tập : **NGUYỄN THỊ LIÊN**
HOÀNG THỊ HƯỜNG

Sửa bản in : **HOÀNG HÀ - MINH TÂM**

Trình bày : **HOÀNG TRUNG**

Bìa : **NGỌC KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38223637 - 38256713 - 38247225 - 38277326

Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14.5 x 20.5 cm

Tại: Xí nghiệp in FAHASA - 774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.

XNĐKXB: 1945-2016/CXBIPH/01-127/THTPHCM cấp ngày 21/6/2016

QĐXB số: 798/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 24/6/2016

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 5 3 3 8 - 2

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2016

https://tieulun.hopto.org

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916

100 NĂM NHÌN LẠI

https://tieulun.hopto.org

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP. HCM

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 – 100 năm nhìn lại / Hà Minh Hồng ... [và nh.ng. khác]. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

276 tr. ; 21 cm
ISBN: 978-604-58-5338-2
1. Trung Việt Nam. 2. Việt Nam -- Lịch sử -- 1858-1930. I. Hà Minh Hồng.

1. Vietnam, Central. 2. Vietnam – History -- 1858-1930

959.703 -- ddc 23
C973

ISBN: 978-604-58-5338-2

https://tieulun.hopto.org

ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LỊCH SỬ

Sưu tầm - Biên soạn
HÀ MINH HỒNG, LÊ HỮU PHƯỚC
TRẦN THUẬN, TRẦN THỊ MAI, TRẦN NAM TIẾN
LƯU VĂN QUYẾT, HUỲNH BÁ LỘC

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916

100 NĂM NHÌN LẠI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Lời nói đầu 7

Phần thứ nhất
BỐI CẢNH LỊCH SỬ

1. Phong trào dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX..... 13
2. Phong trào dân tộc Việt Nam trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á 31
3. Việt Nam Quang Phục hội 43
4. Vai trò của nhà vua yêu nước trong phong trào dân tộc Việt Nam 57

Phần thứ hai
VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

5. Thời cơ của cuộc vận động khởi nghĩa 83
6. Lực lượng tham gia cuộc vận động khởi nghĩa ... 99
7. Lãnh đạo chủ chốt cuộc vận động khởi nghĩa ... 123
8. Mục tiêu cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ .. 140
9. Quy mô cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ... 152

https://tieulun.hopto.org

10. Tính chất cuộc vận động khởi nghĩa..... 162

11. Kết cục cuộc vận động khởi nghĩa 186

Phần thứ ba
DẤU ẤN TRĂM NĂM

12. Giá trị lịch sử của cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 199

13. 100 năm phát huy hào khí lẫm liệt xưa (1916 - 2016)..... 213

Phụ lục..... 243

Tài liệu tham khảo..... 266

https://tieulun.hopto.org

Lời nói đầu

100 năm trước, trên dải đất Trung kỳ đã diễn ra một sự kiện bi hùng có tiếng vang to lớn, để lại dấu ấn không phai mờ trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc. Đã có nhiều cách gọi khác nhau về sự kiện này trong các tác phẩm sử học, như: *"Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội năm 1916"*, *"Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân năm 1916"*, *"Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân tháng 5/1916"*, *"Cuộc mưu khởi Duy Tân ở Trung kỳ"*, *"Cuộc bạo động kinh thành năm 1916" v.v...*

100 năm sau, với lòng ngưỡng mộ và trân trọng một trong những trang sử đáng tự hào ở những thập niên đầu của thế kỷ XX, chúng tôi muốn phục dựng những nội dung cơ bản của chuỗi sự kiện để lại nhiều dấu ấn hào hùng ấy với tên gọi *Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916.*

Định danh như vậy vì mặc dù đã có chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa và đã có quá trình chuẩn bị về

https://tieulun.hopto.org

mọi mặt trong suốt hai năm - tính từ cuộc họp mặt các nhà yêu nước Trung kỳ tại Đà Nẵng (tháng 3/1914) cho đến khi bị thực dân Pháp đàn áp (tháng 5/1916), nhưng trong thực tế chủ trương và kế hoạch hành động này chưa kịp tiến hành, chưa biến thành một cuộc khởi nghĩa thực sự (trừ cuộc nổi dậy duy nhất ở phủ Tam Kỳ đêm 3/5/1916). Từ nhận thức đó, chúng tôi cho rằng gọi sự kiện tháng 5/1916 cùng những hoạt động diễn ra ròng rã hơn hai năm trước đó tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Trị, Quảng Bình và kinh đô Huế là *cuộc vận động khởi nghĩa* có lẽ sẽ chuẩn xác và phù hợp hơn gọi là *cuộc khởi nghĩa, cuộc mưu khởi* hay *cuộc bạo động*.

Để hệ thống được những vấn đề cốt yếu của chuỗi sự kiện lịch sử này, cuốn sách sẽ tập trung làm rõ các nội dung:

- Bối cảnh lịch sử của phong trào dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX dưới góc nhìn so sánh với phong trào dân tộc dân chủ ở châu Á và trên thế giới;
- Những thành tố cơ bản của cuộc vận động khởi nghĩa: thời cơ và mục tiêu khởi nghĩa, thành phần lãnh đạo và lực lượng tham gia, tính chất và kết cuộc khởi nghĩa;
- Giá trị, ý nghĩa và dấu ấn của cuộc vận động khởi nghĩa trên miền đất Trung kỳ sau 100 năm;

https://tieulun.hopto.org

- Tiếp nối truyền thống hào hùng trên quê hương khởi nghĩa.

Không có tham vọng làm chuyên khảo bởi chưa đủ điều kiện tiếp cận và khai thác nguồn tài liệu gốc, cuốn sách này chỉ mong góp thêm một nhịp cầu đưa bạn đọc đến với tri thức lịch sử phổ thông, nhằm khơi dậy lòng yêu thích và sự quan tâm của mọi người đối với lịch sử dân tộc, nhất là khi việc dạy và học sử trong nhà trường cũng như sự quan tâm của giới trẻ đối với lịch sử dân tộc gần đây liên tục có những tiếng chuông báo động.

Hy vọng rằng qua cuốn sách này, bạn đọc sẽ hiểu thêm và trân trọng hơn những ưu tư trăn trở và hoài bão của các bậc tiền nhân trong công cuộc dựng nước và giữ nước, mặc dù sự nghiệp của thế hệ tiến hành cuộc vận động khởi nghĩa 1916 - nói như nhà ái quốc Phan Bội Châu - rốt cuộc chỉ là "trăm thất bại, mà không một thành công". Đó chính là thực tế lịch sử, đan xen thắng lợi với bất thành, vinh quang với cay đắng, nụ cười với nước mắt... Nhận thức rõ điều này, chúng ta sẽ càng thêm tin yêu đất nước mình, đồng bào mình, sẽ càng nỗ lực để sống cho xứng đáng với những giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc được vun bồi qua hàng ngàn năm lịch sử.

Mong ước lớn nhất của những người làm sách là như vậy. Trên tinh thần đó, rất mong bạn đọc sẽ đóng góp

https://tieulun.hopto.org

nhiều ý kiến bổ ích và chỉ ra những hạn chế, thiếu sót của cuốn sách này, để chúng tôi có thêm động lực thực hiện những cuốn sách tiếp theo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của bạn đọc.

CÁC TÁC GIẢ

https://tieulun.hopto.org

Phần thứ nhất

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

1

PHONG TRÀO DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Từ năm 1858 thực dân Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam hòng chiếm lấy quốc gia phong kiến Đại Nam, biến nơi đây thành thuộc địa - nơi áp đặt nền cai trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, nơi cung cấp nguyên nhiên liệu cho nền công nghiệp tư bản Pháp phát triển, nơi tiêu thụ hàng hóa của tư bản Pháp. Cuộc chiến tranh xâm lược ấy kéo dài hàng chục năm và chịu nhiều hao binh tổn tướng, đến giữa năm 1884 đã cơ bản đánh bại được quân đội triều Nguyễn; sau đó tiếp tục dùng bạo lực quân sự đàn áp các cuộc khởi nghĩa vũ trang. Đến những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp mới thực sự có một thuộc địa Việt Nam gồm 3 xứ, hợp với các xứ khác thành Liên bang Đông Dương.

https://tieulun.hopto.org

Ngay từ đầu, nhân dân Việt Nam đã đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Đến những năm cuối thế kỷ XIX, khi quân đội triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn thua cuộc, triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn bất lực trong các chính sách chống ngoại bang xâm lược, thì phong trào vũ trang khởi nghĩa ở các địa phương vẫn liên tiếp nổ ra từ Bắc kỳ vào Trung kỳ và Nam kỳ; trong đó rầm rộ nhất là phong trào Cần Vương.

Khi vua Tự Đức mất, Hội đồng Phụ chính được thành lập gồm: Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Trần Tiễn Thành. Do nắm binh quyền và từ lâu vẫn toan tính ý đồ chống Pháp, Tôn Thất Thuyết đã liên tục phế truất các vị vua có tư tưởng thân Pháp như: Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc, cuối cùng đưa Hàm Nghi lên ngôi. Từ đó trong triều đình xuất hiện vị vua kháng Pháp, tạo điều kiện cho phái chủ chiến thắng thế. Được sự hỗ trợ của nhân dân và sự ủng hộ của những người yêu nước trong triều đình, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã củng cố và tập hợp binh lực, xây dựng hệ thống sơn phòng, bí mật chuẩn bị những kế hoạch tấn công các vị trí quân Pháp ở Huế... Đêm mồng 4 rạng ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công các vị trí của Pháp ở Huế, đồng thời tổ chức cho Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng rời khỏi kinh thành, hướng lên miền Tân Sở (Quảng Trị) bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngày 13/7/1885 tại miền sơn phòng

https://tieulun.hopto.org

Tân Sở, Hàm Nghi - Tôn Thất Thuyết ra chiếu Cần Vương lần thứ nhất, kêu gọi sĩ dân trong nước tề tựu cần vương chống thực dân Pháp xâm lược. Tiếp đó ngày 20/9/1885 Hàm Nghi - Tôn Thất Thuyết hạ chiếu Cần Vương lần thứ hai, kêu gọi sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước phò vua cứu nước(1).

Với các chiếu Cần Vương ban ra, lá cờ "Cần Vương" chống xâm lược phất lên, Hàm Nghi - Tôn Thất Thuyết đã tạo ra danh chính ngôn thuận cho sĩ dân trong nước đứng lên kháng chiến. Có cả một lớp sĩ phu văn thân yêu nước đứng về phía nhân dân tụ nghĩa đánh giặc cứu nước như: Mai Xuân Thưởng ở Bình Định; Trịnh Phong ở Khánh Hòa; Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Thanh Phiến ở Quảng Nam; Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân ở Quảng Ngãi; Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như ở Quảng Trị; Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình; Lê Ninh, Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh; Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ ở Nghệ An; Tống Duy Tân, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Cao Điền ở Thanh Hóa; Tạ Hiện ở Thái Bình; Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên... Lớp lớp nhân dân ở các nơi từ đồng bằng Bắc bộ vào đến Bắc Trung bộ và Nam Trung bộ đã đứng lên chiến đấu dưới sự lãnh đạo của các văn thân sĩ phu yêu nước. Đi theo đường lối quân sự phong kiến,

---

(1) Hà Minh Hồng, *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858 - 1975)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005 tr. 19 - 20.

https://tieulun.hopto.org

các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương đã tập hợp nông dân tình nguyện làm nghĩa quân, xây dựng căn cứ dựa vào thế hiểm trở của núi rừng và địa hình địa vật, tổ chức những trận đánh theo chiến thuật du kích làm hao tổn binh tướng của quân Pháp và tay sai. Thực dân Pháp phải huy động lực lượng quân sự lớn và sử dụng nhiều vũ khí hiện đại với sức cơ động cao để công phá các căn cứ của nghĩa quân, sử dụng cả lực lượng bội phản và đội quân tay sai để đánh phá lực lượng khởi nghĩa[1].

Cùng lúc đó, phong trào nhân dân Yên Thế ở Bắc kỳ bùng nổ. Nghĩa quân do thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã xây dựng căn cứ vững chắc và từ bàn đạp này mở rộng hoạt động ra các vùng thuộc Bắc Ninh, Bắc Giang, tổ chức những trận đánh làm thất điên bát đảo quân Pháp. Quân Pháp đã hai lần buộc phải đình chiến với nghĩa quân (tháng 10/1894 và tháng 12/1897), nhưng vẫn không thể tiêu diệt được phong trào nông dân Yên Thế.

Trên các vùng trung du và thượng du ở Tây Bắc và Đông Bắc cũng xuất hiện nhiều cuộc nổi dậy của người Mường, Thái, Mông vùng Lai Châu dưới sự lãnh đạo của Ngô Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp; người Thái, Dao vùng Sơn La, Yên Bái nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Đèo Văn Trị, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh,

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 21.

https://tieulun.hopto.org

Cần Văn Hoan, Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành, Bàn Văn Siêu; người Dao, Hoa do Lưu Kỳ lãnh đạo đứng lên chống Pháp ở vùng Móng Cái, Đông Triều; người Mường ở Thanh Hóa do Hà Văn Mao lãnh đạo; người Thái do Cầm Bá Thước lãnh đạo cũng nổi dậy chống Pháp.

Một số phong trào mang màu sắc tôn giáo ở miền đồng bằng, nhưng phát triển thành các cuộc khởi nghĩa chống Pháp như phong trào của Kỳ Đồng - Mạc Đĩnh Phúc phát triển khắp các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Kiến An, Hải Phòng, Nam Định, Hà Nam, chuyển thành khởi nghĩa chống Pháp trong những năm 1895 - 1897; phong trào của Vương Quốc Chính ở Hà Tây với hội Thượng Chí lấy chùa Ngọc Long Động làm căn cứ, sau chuyển thành lực lượng khởi nghĩa chống Pháp năm 1898.

Ở Trung kỳ cũng có nhiều phong trào mang màu sắc tôn giáo và phát triển thành khởi nghĩa chống Pháp, như phong trào của Võ Trứ, Trần Cao Vân ở Phú Yên, Bình Định, lấy cơ sở là chùa Chánh Danh để chuẩn bị khởi nghĩa. Người Thượng ở Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của M'Trang Guh, Ama Wal, Ama Kol, Ama Jhao nổi dậy chống Pháp[1].

Ở Nam kỳ, mặc dù chế độ thuộc địa đã được thiết lập, nhưng chính quyền Pháp không thể dập tắt hoàn

(1) Đinh Quân Lâm (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006 tr. 90 - 94.

https://tieulun.hopto.org

toàn tinh thần quật khởi của người dân như thủ lĩnh Nguyễn Trung Trực từng tuyên bố chừng nào quân xâm lược *"trừ hết cỏ trên mặt đất, thì mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này"*. Khi phong trào nông dân Yên Thế bùng nổ ở trung du Bắc kỳ, thì ở Nam kỳ cũng xuất hiện âm mưu khởi nghĩa tại *vùng Hóc Môn Bà Điểm, trung tâm là Mười tám Thôn Vườn Trầu.* Đêm giao thừa năm Ất Dậu (ngày 8 rạng ngày 9-2-1885), Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Quá cùng hơn ngàn nghĩa quân chia làm ba mũi, tấn công vào dinh huyện Bình Long, giết chết Đốc phủ Trần Tử Ca, bêu đầu trên cột đèn trước chợ Hóc Môn(1).

Cuộc khai thác thuộc địa trên quy mô lớn của thực dân Pháp bắt đầu từ năm 1897 với chương trình hành động của Paul Doumer. Với chính sách khai thác thuộc địa, nền kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XX đã có bước chuyển biến mới, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu và đơn điệu, nay đã có một cơ cấu nhiều ngành nghề, gồm cả nông nghiệp, công nghiệp, tài chính, thương mại, giao thông vận tải, mở ra nhiều cơ hội khách quan cho các thành phần kinh tế dân tộc phát triển. Tuy nhiên trong khuôn khổ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, các thành phần kinh tế dân tộc khó trỗi dậy và luôn bị tư bản nước ngoài chèn ép, kìm

(1) *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Bà Điểm (1930 - 2005)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 24 - 25.

https://tieulun.hopto.org

hãm. Kinh tế Việt Nam bị cuốn vào cơn lốc kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhưng bị trói buộc chặt chẽ chứ không được tự do phát triển.

Cùng với chính sách về kinh tế nhằm khai thác thuộc địa, thực dân Pháp còn áp dụng nhiều chính sách cai trị khác về chính trị, văn hóa, xã hội, gây nên sự phân hóa xã hội ở thuộc địa ngày một sâu sắc, trong đó các giai cấp cũ bị phân hóa nhưng không hề mất đi, những giai tầng mới hình thành nhưng ngay từ đầu đã bị chèn ép, không được phát triển.

Mâu thuẫn lớn trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là mâu thuẫn giai cấp (giữa giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân) tồn tại từ lâu, chưa được giải quyết, thì mâu thuẫn dân tộc (giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp cai trị áp bức dân thuộc địa) đã xuất hiện. Hai mâu thuẫn căn bản này song song tồn tại và đan xen vào nhau, trong đó mâu thuẫn dân tộc bao trùm lên mâu thuẫn giai cấp. Đó là các mâu thuẫn đối kháng, đòi hỏi phải được giải quyết bằng phương pháp đối kháng; các mâu thuẫn ấy tồn tại gắn bó chặt chẽ với nhau, cái này làm điều kiện cho cái kia, vì thế nhất thiết phải giải quyết cùng lúc cả hai mâu thuẫn ấy.

Sự xuất hiện các tầng lớp, giai cấp mới trong quá trình phân hóa xã hội vừa là một sản phẩm của lịch sử, vừa là sự đáp ứng yêu cầu của lịch sử, là điều kiện vật chất để giải quyết các mâu thuẫn chủ yếu đang đặt

https://tieulun.hopto.org

ra trong xã hội. Các tầng lớp, giai cấp ấy lúc đầu còn nhỏ bé và không được phát triển thuận lợi, nhưng nhìn chung đều có tinh thần dân tộc, sớm nhận thức được thân phận mất nước của mình. Những giai cấp, tầng lớp mới ấy chính là những nhân tố chủ quan trọng yếu để giải quyết nhiệm vụ mà lịch sử đặt ra.

Đồng thời với quá trình ấy, đầu thế kỷ XX trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản từng bước du nhập vào Việt Nam. Dù còn nguyên bản hay đã được "phương Đông hóa", tư tưởng dân chủ tư sản đã được truyền vào thuộc địa này qua lăng kính muôn hình muôn vẻ của những người yêu nước. Đó chính là những nhân tố khách quan quan trọng, tác động trực tiếp vào sự phân hóa xã hội về mặt tư tưởng. Một bộ phận trong các tầng lớp, giai cấp ôm tư tưởng bảo thủ, không chịu nhìn nhận sự chuyển biến của xã hội, họ an phận thủ thường. Nhưng có những bộ phận khác đã tiếp thu tư tưởng mới với nhiều cách thức khác nhau, dẫn đến suy nghĩ và hành động không giống nhau. Đáng chú ý nhất là đội ngũ sĩ phu cấp tiến, họ vừa là sản phẩm của xã hội phong kiến còn lại, vừa là sản phẩm của xã hội mới đang hình thành, họ trở thành những sứ giả của dân tộc đón tiếp tư tưởng mới; đồng thời họ chính là lực lượng tiên phong, trực tiếp lãnh đạo phong trào theo hướng dân chủ tư sản một cách tự giác và sáng tạo, thổi bùng lên ngọn lửa mới của phong trào dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

https://tieulun.hopto.org

Trước hết là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo đường lối bạo động, mở đầu là phong trào Đông Du.

Tháng 5/1904 tổ chức Duy Tân hội đã được thành lập tại Quảng Nam, do Phan Bội Châu và các đồng chí của ông vận động với mục đích "cốt sao khôi phục được nước Nam, lập ra một chính phủ độc lập"(1). Duy Tân hội chủ trương dùng bạo động đánh đuổi thực dân Pháp, nhờ nước ngoài giúp đỡ đào tạo xây dựng lực lượng nòng cốt cho toàn dân nổi dậy. Việc cầu ngoại viện lúc đó chỉ có thể là Nhật Bản, vì đó là nước tiên tiến, cùng máu đỏ da vàng. Theo đó, lãnh tụ Phan Bội Châu và các sĩ phu trong tổ chức Duy Tân hội đã giương lên ngọn cờ Đông Du từ tháng 7-1905 kéo dài đến 9-1908. Quá trình ấy, có lúc tại trường quân sự Chấn Vũ của Nhật (sau đó là Đông Á Đồng văn Thư viện), đã có khoảng 200 thanh niên Việt Nam được gửi sang, đào tạo thành những cán bộ có kiến thức về văn hóa và quân sự, có năng lực hoạt động phong trào và được bồi dưỡng lòng yêu nước, chí đánh đuổi thực dân Pháp.

Phong trào Đông Du đã giới thiệu cho phong trào dân tộc một hình thức hoạt động mới; nó cũng giúp các nhà yêu nước thấy rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc, như Phan Bội Châu thấm thía ghi lại trong *Niên biểu*:

---

(1) Phan Bội Châu, *Niên Biểu*, Nhóm nghiên cứu Sử - Địa xuất bản, Sài Gòn, 1975, tr. 26.

https://tieulun.hopto.org

đã là đế quốc thì da vàng hay da trắng đều là phường cướp nước như nhau mà thôi.

Cùng lúc với phong trào Đông Du đang phát triển ở bên ngoài, thì trong nước dấy lên phong trào Duy Tân, sôi nổi nhất là phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907.

Đông Kinh Nghĩa Thục không chỉ giới hạn ở hoạt động văn hóa, mà còn cố gắng vươn tới những hoạt động kinh tế và chính trị. Các sĩ phu Đông Kinh Nghĩa Thục vừa hô hào thực nghiệp, chấn hưng kinh tế, vừa tham gia hoạt động công thương, mở xưởng, lập hãng buôn, cổ động cho hàng nội hóa ở Hà Nội và các nơi khác. Đông Kinh Nghĩa Thục rất tích cực giúp đỡ, ủng hộ, tham gia phong trào Đông Du. Thơ văn của Phan Bội Châu cũng được lưu truyền trong Đông Kinh Nghĩa Thục. Thậm chí Đông Kinh Nghĩa Thục còn liên hệ với nhiều lực lượng có âm mưu bạo động ở Hà Nội... Chứng tỏ trên bước đường trưởng thành của mình, Đông Kinh Nghĩa Thục đang đi từ cải lương hợp pháp sang bạo động bất hợp pháp[1].

Trong khi ở Bắc kỳ sôi nổi với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, thì ở Trung kỳ, phong trào Duy Tân cũng từng bước phát triển đến cao trào và vượt khỏi giới hạn ôn hòa. Các sĩ phu Duy tân cùng với các tầng

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 52.

https://tieulun.hopto.org

lớp nhân dân, nhất là ở nông thôn đã nhằm vào cái cổ hủ lạc hậu của xã hội phong kiến để đả phá, công kích, đồng thời hồ hởi lao vào xây dựng cái mới tiến bộ, dân chủ. Những cơ sở kinh tế của những sĩ phu xuất hiện như "Quảng Nam Hiệp Thương Công Ty" của Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí, "Chiêu Dương Thương Quán" của Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... Các hoạt động kinh tế này ở Trung kỳ, cùng những hoạt động chấn hưng thực nghiệp trên cả nước những năm đầu thế kỷ XX đã góp phần hình thành và phát triển bộ phận kinh tế mới của dân tộc.

Trên lĩnh vực văn hóa, các sĩ phu Duy tân đã nô nức mở trường học theo lối mới và biến các trường ấy thành các trung tâm cải cách xã hội. Phan Chu Trinh đã tham gia vận động thành lập được 48 trường; Đặng Nguyên Cẩn chủ trì Công ty nước mắm Liên Thành và mở trường Dục Thanh ở Phan Thiết... Các địa phương thuộc Trung kỳ có tới 333 trường có giáo viên tham gia phong trào. Các trường học theo lối mới ở Trung kỳ phát triển nhanh về nông thôn, trở thành phong trào của quần chúng đông đảo với sức sáng tạo mãnh liệt của nó. Có nơi tổ chức trường riêng cho nam và trường riêng cho nữ; nhiều trường tổ chức học tập chính khóa và sinh hoạt ngoại khóa với hình thức và nội dung rất phong phú; lại có nơi trường học đảm nhận cả công tác trật tự trị an trong thôn xã...

https://tieulun.hopto.org

Nhiều phong trào từ trong nhà trường mở rộng ra ngoài trường và trở thành phong trào chung của xã hội, như: phong trào cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, chống mê tín dị đoan, cổ động hàng nội hóa... Những vấn đề nóng bỏng của nông thôn phong kiến lúc đó cũng được đề cập đến như: tô thuế, sưu dịch, phu phen, chúng cần được bãi bỏ cùng với tất cả những hủ bại của xã hội phong kiến.

Đầu năm 1908, từ những buổi diễn thuyết trong các trường học, quần chúng nhân dân đã nhận thấy vấn đề sưu thuế đang ngày càng trở nên bức xúc trong đời sống hàng ngày. Cuối tháng 2/1908, ở Quảng Nam xuất hiện cuộc biểu tình của nhân dân huyện Đại Lộc đòi bổ lại sưu dịch. Quần chúng đấu tranh ôn hòa, nhưng địch đã đàn áp và làm tăng thêm mâu thuẫn, do đó phong trào quần chúng bị đẩy lên cao. Từ Đại Lộc lan ra cả Quảng Nam, từ Quảng Nam lan vào Quảng Ngãi, Bình Định, lan ra Trị Thiên và miền Thanh - Nghệ - Tĩnh, các địa phương Trung kỳ rầm rộ biểu tình chống thuế, chống phu phen sưu dịch. Đó là cuộc nổi dậy rộng lớn của nhân dân Trung kỳ, đóng góp hình thức mới hết sức độc đáo, thể hiện sự chuyển biến căn bản của phương thức hoạt động trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, làm khơi dậy và phát huy sáng tạo chủ nghĩa yêu nước, đưa những tư tưởng mới vào quần chúng, quy phong trào dân tộc về một mối với xu

https://tieulun.hopto.org

hướng bạo động phù hợp với truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc[1].

Ở Nam kỳ, phong trào Duy Tân chuyển thành Phong trào Minh Tân do Minh Tân hội của Trần Chánh Chiếu chủ trương. Với mục đích phát triển công thương nghiệp, mở mang trường học, sửa đổi phong tục là những vấn đề tương quan nhau để đạt mục đích sau cùng là đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp, phong trào Minh Tân lập những cơ sở kinh tài để vừa lấy tiền lời cho Hội, vừa là nơi tập hợp và dung chứa các đồng chí, phân phát các tài liệu cách mạng, như: *Nam Trung khách sạn* ở Sài Gòn, *Minh Tân khách sạn* ở Mỹ Tho, *Nam Kỳ Minh Tân Công Nghệ xã* trụ sở chính đặt ở Mỹ Tho, *Chiêu Nam lầu* ở Sài Gòn. Ngoài ra, còn rất nhiều hiệu buôn do các thành viên trong Hội thành lập, như: *Tân Hóa thương hội* ở Chợ Gạo (Tiền Giang), *Hội tương trợ giáo viên* ở Gò Công (Tiền Giang), *Minh Tân thương cuộc* ở Tầm Vu (Tân An, Long An), hiệu buôn *Nam Hòa* ở Bến Tre, *Công ty Nam Chấn Thành* ở Chợ Lớn, hiệu buôn *Nam Hòa Lợi* ở chợ Mỏ Cày (Bến Tre), hiệu buôn *Nam Đồng Hưng* ở chợ Rạch Giá... tờ *Lục tỉnh tân văn* được xem như là cơ quan ngôn luận chính thức của Minh Tân hội, đăng nhiều tin bài về cải cách xã hội, chấn hưng dân trí, bồi dưỡng dân khí và phát triển công thương, cạnh tranh với tư bản Pháp và tư bản Hoa

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 53 - 55.

https://tieulun.hopto.org

kiều nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập cho đất nước[1].

Khi cách mạng Tân Hợi bùng nổ (ngày 10/10/1911), đưa đến việc lật đổ triều Mãn Thanh, lập ra chính phủ Trung Hoa Dân quốc, xuất hiện một hình mẫu mới cho các nhà cách mạng Việt Nam, những người yêu nước trong phong trào dân tộc Việt Nam lại chuyển theo hướng mới. Ngày 19/6/1912, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Phan Bội Châu, hơn 100 người đại diện cho nhiều lực lượng yêu nước Việt Nam cả trong và ngoài nước đã lập ra một tổ chức mới thay cho Duy Tân hội, lấy tên là Việt Nam Quang Phục hội; với tôn chỉ nhấn mạnh đến việc đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam

Ngay khi ra đời, Việt Nam Quang Phục hội đã tích cực vận động sự giúp đỡ của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc để tranh thủ xây dựng lực lượng, chuẩn bị một cuộc vũ trang khởi nghĩa. Để gây tiếng vang thúc đẩy quá trình này, đầu năm 1913 Phan Bội Châu quyết định thực hiện một số hoạt động có tính chất "kinh thiên động địa", bằng cách cho hội viên Việt Nam Quang Phục hội thi hành các bản án viết sẵn đối với

(1) Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, "*Đặc điểm của phong trào yêu nước phi vô sản ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX và vị trí của nó trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam*". Trong sách *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam bộ thời kỳ cận đại* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Cần Thơ, 2008), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009 tr. 310 - 312.

https://tieulun.hopto.org

Toàn quyền Đông Dương và những tên ác ôn tay sai khét tiếng như: Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn...

Cho đến trước khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra, phong trào dân tộc ở trong nước theo xu hướng bạo động hay duy tân với nhiều hoạt động rầm rộ đều đã bị kẻ thù dân tộc đàn áp đến thất bại, nhiều thủ lĩnh phong trào bị bắt bớ, giam cầm tù đày, nhiều người yêu nước bị kẻ thù tàn sát. Tuy vậy, phong trào dân tộc không bao giờ tắt lịm, nhất là những lực lượng đấu tranh theo con đường vũ trang bạo động, dù có bị tổn thất lớn, cũng vẫn âm ỉ nuôi chí phục thù, chỉ chờ dịp là bùng lên.

Ở Bắc kỳ, phong trào nông dân Yên Thế sau các cuộc ngưng chiến với Pháp để củng cố, xây dựng lực lượng, đã có thêm căn cứ mới ở Phồn Xương và đồn Tú Nghệ, đã phối hợp với các lực lượng yêu nước ở Hà Nội và Trung kỳ chuẩn bị những kế hoạch tấn công quân Pháp. Những trận đánh ác liệt diễn ra làm tổn thất lớn cả binh lực của Pháp và nghĩa quân. Nhiều thủ lĩnh khởi nghĩa đã hy sinh hoặc sa vào tay giặc. Khi thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám bị giết hại (1913), cuộc khởi nghĩa đã đi vào thất bại hoàn toàn sau gần 30 năm tồn tại bền bỉ dẻo dai, với sức mạnh và danh tiếng từng vang khắp 4 tổng vùng Nhã Nam - Yên Thế. Nhưng nhiều nghĩa quân thoát khỏi sự tàn sát của giặc đã tìm đến những tổ chức và lực lượng yêu nước khác để nuôi chí báo thù.

https://tieulun.hopto.org

Ở Nam kỳ, phong trào Hội kín tiếp tục lan rộng, tuy mang màu sắc tôn giáo, nhưng do chính sách tàn bạo của địch nên xuất hiện nhiều hoạt động khủng bố, ám sát cá nhân nhằm vào quân Pháp và ác ôn người Việt. Nhiều hoạt động trừng trị kẻ nợ máu với dân đã diễn ra. Ngày 28/3/1913 lực lượng các Hội kín tổ chức tấn công vào Sài Gòn - Chợ Lớn. Thực dân Pháp theo dõi và khi có cuộc tấn công, thì chúng đã đàn áp thẳng tay phong trào này. Nhiều người bị bắt tù đày, thủ lĩnh Phan Xích Long bị bắt giam trong Khám Lớn Sài Gòn; nhưng các Hội kín vẫn tìm cách hoạt động và nhằm vào việc phá Khám Lớn để cứu thủ lĩnh Phan Xích Long.

Tháng 8/1914, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất nổ ra. Để tập trung cho chiến tranh ở châu Âu, thực dân Pháp ở thuộc địa thi hành chính sách nới rộng độc quyền. Chính quyền thuộc địa không chỉ vơ vét của cải và lương thực thực phẩm từ Đông Dương đưa về chính quốc phục vụ chiến tranh, mà còn tăng cường tuyển mộ lính thợ và lính chiến để đưa sang các chiến trường châu Âu, châu Phi làm thay, chết thay cho người Pháp.

Những điều kiện thuận lợi cho một số giai tầng mới trong xã hội thuộc địa xuất hiện; nhưng đồng thời mâu thuẫn dân tộc cũng ngày một lên cao - thực dân Pháp ra sức cai trị, nắm giữ, khai thác thuộc địa phục vụ chiến tranh đế quốc. Toàn thể dân tộc Việt Nam đang

https://tieulun.hopto.org

rên xiết dưới ách cai trị của thực dân Pháp, muốn giành độc lập, tư do và giải phóng.

Một cơ hội mới cho phong trào dân tộc lại đến.

Trong khi các nhà công thương ra sức hùn vốn, tăng cường đầu tư, cạnh tranh với tư bản Pháp, thay thế nhiều cơ sở kinh tế của thực dân bị phá sản; khi tư bản Pháp bị hút về châu Âu, các giai cấp mới ở thuộc địa đã biết chớp thời cơ chiến tranh để vươn lên thoát khỏi sự chèn ép, kìm hãm của ngoại bang.

Tư bản bản xứ có mặt ở hầu hết các ngành kinh tế thuộc địa dưới dạng hùn vốn, góp cổ phần hoặc tiếp thu cơ sở bỏ lại của tư bản ngoại quốc, hay xây dựng cơ sở mới. Việc kinh doanh của tư sản dân tộc đã sớm phát đạt kể từ khi chiến tranh thế giới nổ ra, với qui mô lớn của Nguyễn Hữu Thu, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Sơn Hà... Đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại, các đại thương gia như Hà Kim Bảng, Sơn Xuân Hoan, Hồ Tá Bang, Trần Gia Thụy cùng hàng loạt các thương gia khác ở Bắc - Trung - Nam đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường nội địa.

Trong khi ở các đô thị, trung tâm kinh tế khắp các xứ thuộc địa Bắc - Trung - Nam đang tận dụng sự nới lỏng ở thuộc địa để vươn lên; thì nhiều hội viên bí mật của Việt Nam Quang Phục hội trong nước lại liên lạc với hội viên từ nước ngoài về, vạch ra những kế hoạch

https://tieulun.hopto.org

táo bạo chuẩn bị khởi nghĩa chống lại kẻ thù là thực dân Pháp và tay sai.

Cuộc vận động khởi nghĩa do các yếu nhân Thái Phiên và Trần Cao Vân tổ chức và lãnh đạo đã giương cao ngọn cờ yêu nước của vua Duy Tân; tuy chưa thể nổ ra được, nhưng cũng đủ để thấy phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX, trong hoàn cảnh của cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, đã đạt đến đỉnh cao đương thời.

https://tieulun.hopto.org

2

PHONG TRÀO DÂN TỘC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á chống bọn thực dân xâm lược phương Tây bùng nổ ngay khi chúng vừa đặt chân đến những nước này. Phong trào càng phát triển mạnh mẽ và lan rộng khắp nơi khi chủ nghĩa thực dân đã thực hiện việc bình định quân sự và thiết lập bộ máy quân sự. Các cuộc đấu tranh diễn ra theo những chiều hướng khác nhau trong tiến trình của lịch sử. Lúc đầu các cuộc đấu tranh đều do thế lực quân sự của triều đình phong kiến đảm nhận, nhưng dần dần thế lực này yếu đi, dẫn đến nhượng bộ rồi đầu hàng. Thực tế đó cho thấy vai trò lãnh đạo của các lực lượng phong kiến trong việc bảo vệ đất nước đã không còn nữa. Thay vào đó là các cuộc

https://tieulun.hopto.org

khởi nghĩa của nhân dân dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu chống lại sự xâm lược của đế quốc. Tuy mỗi nước có đường lối đấu tranh cụ thể khác nhau, nhưng tất cả đều hướng đến một mục đích chung là đánh đuổi thực dân đế quốc, giành lại độc lập tự do cho nước nhà. Có thể nói, ở Đông Nam Á, phong trào đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân đã bùng nổ ngay từ ngày đầu chống xâm lược phương Tây để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Đầu tiên có thể kể đến Indonesia - nước đầu tiên ở Đông Nam Á bị chủ nghĩa thực dân xâm lược. Sau khi thực dân Hà Lan trực tiếp can thiệp vào công việc nội bộ của triều đình nước này, chúng tiến hành thao túng quyền lực và khai thác thuộc địa, bóc lột nhân dân Indonesia một cách tàn bạo. Trước tình hình nước nhà bị xâm lược, hàng loạt cuộc nổi dậy của nhân dân Indonesia chống lại thực dân Hà Lan bùng nổ, nổi bật là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Java dưới sự lãnh đạo của hoàng thân Đipônêgôra (1785 - 1855). Bất bình trước sự xâm lược của thực dân Hà Lan, hoàng thân Đipônêgôra đã đứng lên lãnh đạo nhân dân Java tiến hành cuộc chiến tranh chống thực dân Hà Lan. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của ông đã nhiều lần tấn công vào các trung tâm lớn ở Indonesia như Kalibalec, Balac, Paracan, Kedu... và giành được nhiều thắng lợi quan trọng, thậm chí vào 9/1825, nghĩa quân đã kiểm soát được toàn bộ Kedu.

https://tieulun.hopto.org

Cùng lúc với cuộc khởi nghĩa của Đipônêgôra là cuộc khởi nghĩa của lãnh chúa Xeray nổ ra ở Xemaray cũng thu hút được lực lượng lớn dân chúng tham gia. Về sau, hai cuộc khởi nghĩa này hợp nhất lại với nhau để tăng thêm sức mạnh chống lại thực dân, giải phóng đất nước. Đến tháng 10/1825, phong trào khởi nghĩa được mở rộng trên toàn cõi Indonesia. Với sự tham gia đông đảo của nhân dân, cuộc khởi nghĩa của Đipônêgôra và Xeray mang tính chất nhân dân và trở thành cuộc chiến tranh toàn dân chống ngoại xâm.

Ở Việt Nam, Campuchia, Lào, chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp cũng vấp phải sự kháng cự anh dũng của nhân dân ba nước Đông Dương. Ở Việt Nam nổi lên cuộc khởi nghĩa của Trương Định. Nghĩa quân Trương Định đã bao phen làm cho quân Pháp phải khốn đốn khi đặt chân lên vùng đất Gia Định. Trong cuộc đấu tranh giữ nước, nghĩa quân ba nước Đông Dương đã liên kết với nhau trong liên minh chiến đấu chống ngoại xâm, nổi lên là liên minh giữa Achasoa, Pôkum Pao (Campuchia) với nghĩa quân Việt Nam; giữa nghĩa quân Lào và Việt Nam ở vùng Tây Bắc và Tây Nguyên. Trong đó phải kể đến cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Campuchia do hoàng thân Pôkum Pao lãnh đạo phối hợp với nghĩa quân Việt Nam do Trương Quyền lãnh đạo. Năm 1866, Pôkum Pao, hoàng thân của Campuchia đã phát động phong trào chống Pháp

https://tieulun.hopto.org

ở Tây Ninh. Cuộc khởi nghĩa này đã thu hút được lực lượng của nhiều dân tộc khác nhau cùng tham gia như người Khmer, Chăm, S'tiêng, người Việt... Quân khởi nghĩa đã tổ chức nhiều trận đánh Pháp thành công, đặc biệt là trận đánh ở tỉnh Tây Ninh ngày 7/6/1866. Trận đánh này có sự phối hợp với nghĩa quân Việt Nam do Trương Quyền chỉ huy, đã giết được quan chủ tỉnh Tây Ninh và nhiều tên tay sai khác. Quy mô của cuộc khởi nghĩa đã làm cho thực dân Pháp ở 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ phải hoang mang lo sợ. Tiếp theo đó là phong trào Cần Vương thu hút nhiều sĩ phu tham gia đã gây cho Pháp nhiều khó khăn trong việc bình định Việt Nam.

Ở Myanmar, trong thời gian này, thực dân Anh cũng vấp phải sự chống trả mãnh liệt của quân đội và nhân dân Myanmar. Ở các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á cũng có những cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, nhưng phần lớn chỉ diễn ra với qui mô nhỏ.

Thực tế cho thấy, những cuộc khởi nghĩa của nông dân hay những phong trào Cần Vương tuy diễn ra rất sôi nổi và liên tục nhưng đều không vượt qua ý thức hệ phong kiến, vẫn nhằm mục tiêu duy trì triều đại đang trị vì trước sự tấn công từ bên ngoài. "Những phong trào này được dẫn dắt bởi các giai cấp lãnh đạo cũ nhưng được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân: nó thể hiện phản ứng bản năng và cuồng nhiệt trước sự xâm

https://tieulun.hopto.org

nhập của phương Tây cũng như nỗ lực của tầng lớp quý tộc cũ để nắm giữ quyền lực và uy tín"[1]. Từ đó có thể nêu lên một kết luận chung về nguyên nhân thất bại của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á lúc này là "vẫn mang tính chất cũ, ngọn cờ cứu nước dựng lên vẫn là ngọn cờ phong kiến"[2]. Mặc dù vậy, các cuộc khởi nghĩa này cũng đã nêu cao được tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân Đông Nam Á trong những năm nửa cuối thế kỷ XIX.

Sang đầu thế kỷ XX, tình hình khu vực đã đổi khác. Ách thống trị của thực dân đã lộ nguyên hình bằng những thủ đoạn bóc lột tàn tệ, giai cấp phong kiến sau những phản kháng ban đầu đã quay sang đầu hàng bọn thực dân. Những cuộc khởi nghĩa dưới ngọn cờ phò vua cứu nước đều thất bại. Lớp sĩ phu tiến bộ thời kỳ này đã nhận ra sự bế tắc của con đường cũ, bèn hướng ra ngoài tìm lối thoát. Chính lúc này, một trào lưu tư tưởng mới đã xuất hiện, xuất phát từ phương Tây.

Chiến thắng của thực dân phương Tây trước các quốc gia ở Đông Nam Á đã góp phần đưa các nước trong khu vực tới những nhận thức mới. Bên cạnh sức mạnh của khoa học - kỹ thuật phương Tây, các quốc gia ở

---

(1) Lê Thành Khôi (chủ biên), *L'histoire du XXe siècle - L'Asie du Sud-Est*, Sirey, Paris, 1970, pp. 1-2.

(2) Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam: Một số vấn đề nghiên cứu*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 84.

https://tieulun.hopto.org

Đông Nam Á cũng dần nhận thức được những tư tưởng tiến bộ của phương Tây, trong đó có những học thuyết xã hội tiến bộ về quyền tự do cá nhân và quốc gia dân tộc. Chính các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây thắng lợi đã giải phóng con người về mặt ý thức và thân phận khỏi sự kìm chế của chế độ phong kiến, qua đó đề cao quyền con người, các quyền tự do dân chủ cá nhân và hình thành các nhà nước quốc gia - dân tộc. Và khi các nước phương Tây sang Đông Nam Á, những tư tưởng, quan điểm mới mẻ về dân tộc, về chủ nghĩa dân tộc cũng sẽ theo vào và đem lại một luồng gió mới cho phong trào dân tộc ở Đông Nam Á. Đến đầu thế kỷ XX phong trào dân tộc bắt đầu có những biến chuyển quan trọng, ý thức hệ dân tộc chủ nghĩa không chỉ tập trung dựa vào các giá trị truyền thống bản địa, mà bắt đầu hướng ra bên ngoài, tiếp thu các tư tưởng mới từ phương Tây. Luồng gió mới này ngay lập tức đã được đón nhận ở các nước Đông Nam Á thuộc địa. Đó là những thành tựu của cuộc Duy tân Minh Trị, cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) và cao trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ (1905 - 1908). Những tư tưởng mới, từ chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đến Học thuyết Bất bạo động của Mahatma Gandhi đều được giới trí thức yêu nước và nhân dân các nước Đông Nam Á đón nhận với khát vọng mở đường cho đất nước. Tuy các phong trào trên có sắc thái khác nhau song đều có chung cốt lõi: Khơi dậy ý thức dân tộc và truyền bá tinh thần dân chủ.

https://tieulun.hopto.org

Bên cạnh đó, sự du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm cho nền kinh tế của các nước Đông Nam Á biến đổi, cơ cấu giai cấp trong xã hội bắt đầu chuyển dịch với sự xuất hiện nhà tư sản và người công nhân bản địa. Đồng thời, nền vắn hóa và giáo dục phương Tây đã góp phần hình thành nên một tầng lớp trí thức mới, họ tiếp thu tư tưởng dân chủ tự do từ nhà trường thuộc địa hay chính quốc. Họ đã vượt qua khuôn khổ ý thức hệ phong kiến và sự kìm kẹp của chế độ thực dân để hướng về lý tưởng độc lập, tự do, bình đẳng, hướng về nền dân chủ tư sản. Dù có những khác biệt trong phong trào dân tộc ở các nước, song các tổ chức và hoạt động của phong trào dân tộc Đông Nam Á đều có chung mục đích là tuyên truyền ý thức dân tộc - dân chủ, quyền độc lập của quốc gia dân tộc và giành lại chủ quyền đất nước từ thực dân. Trong các phong trào dân tộc ở Đông Nam Á đầu thế kỷ XX, lần đầu tiên người ta nói đến văn minh tư sản là "công nghiệp mở trí khôn cho dân", hô hào học cái mới của Âu - Mỹ, Nhật. Như vậy, thực chất của phong trào dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á đầu thế kỷ XX dưới tác động của phương Tây là độc lập dân tộc gắn liền với cải cách xã hội.

Philippines là nơi đi đầu ở khu vực Đông Nam Á trong hoạt động yêu nước theo chiều hướng mới. Ngay từ những năm 90 của thế kỷ XIX, ở Philippines đã bùng lên cuộc đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha

https://tieulun.hopto.org

dưới ngọn cờ tư tưởng của Hôxê Ridan, nhà trí thức yêu nước đã tiếp nhận tinh thần bình đẳng và dân chủ ngay từ chính quốc Tây Ban Nha, trở về đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân Philippines "được xem là mốc mở đầu cho giai đoạn đấu tranh dưới ảnh hưởng dân chủ tư sản"(1). Năm 1892, Hôxê Ridan đã thành lập Liên minh Philippines nhằm tập hợp trí thức yêu nước và giai cấp thương nhân, công nhân, nông dân đấu tranh đòi cải cách, bình đẳng theo khuynh hướng cải lương ôn hòa. Nhiều liên minh khác cũng được thành lập trong thời gian này ở Philippines, đưa phong trào đấu tranh của nhân dân Philippines phát triển mạnh mẽ, với nhiều hình thức đa dạng và phong phú(2).

Ở Việt Nam, sau khi phong trào Cần Vương thất bại, các sĩ phu yêu nước tiếp nhận tư tưởng tư sản phương Tây qua tân thư tân văn từ Trung Quốc, Nhật Bản, đã đưa phong trào yêu nước chống Pháp sang một hướng mới. Tiêu biểu cho trào lưu này có thể kể đến các phong trào như Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng, mục đích đưa học sinh Việt Nam ra đào

---

(1) Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lược sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 78.

(2) Tháng 4-1898, cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha và Mỹ bùng nổ. Philippines rơi vào tay người Mỹ. Đến năm 1931, dưới áp lực từ các cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Philippines, Mỹ đã trao trả lại quyền tự trị quốc gia cho nhân dân Philippines.

https://tieulun.hopto.org

tạo ở nước ngoài sau này quay về hoạt động cách mạng trong nước. Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập cũng nhằm mục đích cổ xúy cho xu hướng dân chủ tư sản. Bên cạnh xu hướng bạo động của Phan Bội Châu là xu hướng tư sản cải lương của Phan Châu Trinh, cùng các phong trào khác như cuộc vận động Duy tân, phong trào chống thuế ở Trung kỳ... Sự ra đời của Việt Nam Quốc dân đảng với khởi nghĩa Yên Bái (1930) là cố gắng của tư sản dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Pháp, trước khi quyền lãnh đạo cách mạng thuộc về giai cấp công nhân.

Ở Indonesia, giai cấp tư sản dân tộc đã phát triển khá mạnh. Đầu thế kỷ XX, giới trí thức Indonesia đã thành lập Uđi Utômô (Lương tri xã) rồi sau đó là Hiệp hội sinh viên Indonesia. Cũng giống như Đông Kinh Nghĩa Thục ở Việt Nam, các hiệp hội này đã xuất bản nhiều sách báo nhằm du nhập tư tưởng mới, giới thiệu văn hóa mới và truyền bá nền giáo dục chứa đựng tinh thần yêu nước, ý chí phục quốc, khuyến khích phát triển doanh nghiệp và tiếp thu khoa học kỹ thuật mới. Năm 1911, Liên minh thương nhân Hồi giáo đã ra đời ở Indonesia, chủ yếu gồm các tín đồ Hồi giáo có khuynh hướng dân chủ tư sản, song lại mang tính chất thỏa hiệp với chính phủ. Cùng thời gian đó, hàng loạt các tổ chức yêu nước khác đã ra đời ở Indonesia như: Liên minh Indonesia, Hiệp hội

https://tieulun.hopto.org

liên hiệp công nhân Indonesia, Hội phụ nữ... đã mang đến cho phong trào đấu tranh giải phóng ở Indonesia một bước phát triển mới. Năm 1912, Đảng Indonesia được thành lập, sau đổi tên thành Đảng Quốc dân có xu hướng tư sản, đấu tranh mạnh mẽ hơn cho sự bình đẳng với người Âu.

Ở Xiêm (Thái Lan), các cuộc cải cách của Rama IV và Rama V vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dân tộc trong nước. Những cuộc cải cách mang tính chất tư sản này có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, giúp cho Xiêm không rơi vào tình trạng một thuộc địa, giữ được chủ quyền dân tộc, dù là độc lập về hình thức. Cuộc đấu tranh để thoát khỏi sự lệ thuộc của chủ nghĩa đế quốc thực dân vẫn là nhiệm vụ của Xiêm lúc bấy giờ.

Ở các nước khác trong khu vực Đông Nam Á cũng đã hình thành các tổ chức, hiệp hội theo khuynh hướng dân chủ tư sản như: Hiệp hội liên hiệp thanh niên Phật giáo ở Myanmar, phong trào cải cách tôn giáo "Kaum muda" ở Malaysia v.v... Nhìn chung các tổ chức này phần nhiều là những tổ chức mang tính tự phát do sinh viên, những người đứng đầu tôn giáo hoặc những nhà cải cách theo chủ nghĩa tư sản lãnh đạo. Do đó, mục đích của họ chú trọng nhiều đến việc đòi hỏi quyền lợi cho bản thân hoặc một nhóm, một tổ chức nào đó mà

https://tieulun.hopto.org

không chú trọng đến việc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì vậy, quy mô và ảnh hưởng của các tổ chức này không đáng kể.

Tóm lại, phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á những năm đầu thế kỷ XX mang đậm màu sắc dân chủ tư sản. Các tổ chức yêu nước được hình thành đã góp phần tuyên truyền ý thức dân tộc và dân chủ, thức tỉnh người dân về quyền độc lập tự chủ, hướng về một xã hội công bằng, thịnh vượng. Để đạt được mục tiêu trên, cần có hai giải pháp: hoặc tiến hành cải cách, hoặc sử dụng bạo lực. Sự khác biệt đó lộ rõ trong phong trào yêu nước của Hôxê Riđan với Bônêphaxioo ở Philippines; giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh ở Việt Nam... Nhưng tinh thần cơ bản chung của hai xu hướng đó là giải phóng đất nước khỏi ách áp bức thực dân, giải phóng nhân dân thoát khỏi bần cùng.

D.G.Hall đã nhận xét như sau: "Vào đầu thế kỷ XX, có thể nhận thấy các nhân tố mới có tầm quan trọng sâu rộng trong sự phát triển lịch sử ở Đông Nam Á. Hơn bất cứ một thời điểm nào trước đó cả lục địa châu Á đang tự nhận thức về mình" và ông coi đó là "sự vùng lên của Đông Nam Á"[1]. Sự vùng lên hay thức tỉnh ở đây nên hiểu là "sự xuất hiện yếu tố dân chủ tư sản"

(1) D.G. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 1037.

https://tieulun.hopto.org

hơn là sự gia tăng số lượng các cuộc đấu tranh[1]. Đây là một trong nhiều giá trị của phương Tây chỉ có thể đến với phong trào dân tộc qua những tiếp xúc văn hóa giữa phương Tây và Đông Nam Á. Cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á ngoài mục tiêu vì ***độc lập dân tộc*** còn xuất hiện yếu tố ***dân chủ***. Tuy nhiên cho đến khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc (1918), vẫn chưa có một nơi nào ở Đông Nam Á giành được thắng lợi. Tuy vậy, đây cũng được xem là một hồi chuông thức tỉnh, khơi dậy ý chí quật cường dân tộc, hướng về độc lập dân chủ. Mục tiêu chung ấy đã đoàn kết mọi lực lượng yêu nước chống đế quốc thực dân và chống phong kiến. Trong đó, Việt Nam nổi lên như một ngọn cờ đầu của khu vực trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành lại độc lập dân tộc và sau đó giành thắng lợi cuối cùng bởi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

---

(1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á tháng Tám năm 1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005, tr. 51.

https://tieulun.hopto.org

3

VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

Sau khi phong trào Đông Du bị chính phủ Nhật đàn áp, những hoạt động cách mạng do Phan Bội Châu lãnh đạo chính thức bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn chịu ảnh hưởng trực tiếp của cách mạng Trung Quốc với đường lối dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn. Trên cơ sở đó, Phan Bội Châu cũng đã nghĩ đến việc liên kết toàn châu Á, đoàn kết với các chí sĩ có cùng cảnh mất nước, đoàn kết với các chí sĩ lưu vong của các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Philippines hiện sống ở Nhật Bản để cùng nhau bàn định, trao đổi kế hoạch cứu nước, họp nhau trong một tổ chức chính trị gọi là Đông Á đồng minh hội (tháng 10/1908). Sau khi Đông Á đồng minh hội được thành lập không lâu "khoảng vài tuần", muốn có một cơ sở quần chúng vững chắc hơn, có tác dụng trực tiếp hơn cho cuộc vận động

https://tieulun.hopto.org

cách mạng chung của hai nước anh em gần gũi, Phan Bội Châu đã liên lạc với các lưu học sinh Vân Nam và Quảng Tây để lập ra một hội nữa lấy tên là Hội Điền - Quế - Việt liên minh[1]. Hội Điền - Quế - Việt liên minh thành lập là sáng kiến của Phan Bội Châu[2], mục đích là đoàn kết với anh em đồng chí Trung Quốc để đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến, giải phóng cho nhân dân, Tổ quốc.

Nhưng vì lúc đó theo Phan Bội Châu thì "giặc hùng mình yếu, sức mỏng bạn hèn, chạy ngược chạy xuôi, chung quy thành việc hỏng!"[3]. Trong Hội đồng minh Đông Á đa số là người thuộc đảng cách mạng chống Anh - Pháp, Đảng Xã hội bị Chính phủ Nhật rất ghét và chính phủ Anh, Pháp lại tăng sức ép nên "sau khi thành lập được 5 tháng" đã có "lệnh giải tán của cảnh sát Nhật Bản"[4]. Hội Điền - Quế - Việt liên minh thì do chính phủ Mãn Thanh và chính phủ Pháp thúc bách, chính phủ Nhật buộc chúng tôi phải thủ tiêu"

---

(1) Phan Huy Lê, "Phong trào Đông Du trong giao lưu văn hóa Việt - Nhật", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 12, 2005, tr. 5.

(2) Nguyễn Văn Hòa, "Tư tưởng của Phan Bội Châu về nội lực", Tạp chí *Triết học*, số 3 (202), 2008, tr. 31 - 38.

(3) Nhóm nghiên cứu Sử - Địa, *Phan Bội Châu niên biểu*, Sài Gòn, 1971, tr. 128.

(4) Chương Thâu (sưu tập và biên soạn), *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr. 128.

https://tieulun.hopto.org

sau khi "thành lập được vẻn vẹn có ba tháng, tôi (Phan Bội Châu) và Chương Bỉnh Lân (người Trung Quốc) bị người Nhật đuổi ra nước ngoài, cho nên Hội cũng phải giải tán ngay"(1). Tháng 9/1910, Phan Bội Châu đến Xiêm và cùng các đồng chí đã từng hoạt động ở đấy, trước mắt là vừa làm ruộng để sống, vừa viết những bài "Ái quốc ca", "Ái chưng ca", "Ái quần ca", chờ thời cơ xây dựng lại phong trào. Nhưng để tìm địa bàn hoạt động Phan Bội Châu vẫn hướng về Trung Quốc.

Tháng 10/1911, khởi nghĩa Vũ Xương bùng nổ và sau không đầy hai tháng hầu khắp các tỉnh đều tuyên bố độc lập, chính quyền Dân quốc lâm thời được thiết lập ở Nam Kinh. Cách mạng Tân Hợi đã lật đổ ách thống trị của nhà Thanh, kết thúc chế độ quân chủ chuyên chế Trung Quốc. Sự thực đó đã đem lại cho các thành viên của Duy Tân hội và Phan Bội Châu một nguồn phấn khởi, niềm tin tưởng mới.

Lúc này, tình hình phong trào đấu tranh ở Việt Nam đã lắng xuống, nghĩa quân Yên Thế ở vào tình thế bị cô lập, cơ sở Duy Tân hội bị khủng bố đến phải tan rã, gần hết các yếu nhân của hội đã bị bắt. Trước tình hình này, các thành viên của Duy Tân hội quyết định trở lại Trung Quốc hoạt động. Phan Bội Châu đã viết cuốn "Liên Á sô ngôn" đề ra việc đoàn kết các dân tộc

---

(1) Nhóm nghiên cứu Sử - Địa, *Phan Bội Châu niên biểu*, Sài Gòn, 1971, tr. 128.

https://tieulun.hopto.org

châu Á gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines... để đánh đuổi quân xâm lược. Hội viên của Duy Tân hội ở Quảng Đông còn được hơn 100 người từ Xiêm đến, Nhật Bản về, trong nước sang. Với đà phấn khởi đó, họ cùng nhau họp lại để bàn định phương châm hoạt động. Phan Bội Châu quyết định lấy Quảng Đông làm căn cứ để bắt đầu thực hiện ba phương sách như sau:

(1) Xem lại "Điều lệ Duy Tân hội" đã có từ trước, nhằm "quyết định lấy một chủ nghĩa, và giải quyết vấn đề đoàn thể".

(2) Chuẩn bị bố trí lực lượng làm "công tác phong trào ở ba kỳ".

(3) Liên kết với đảng cách mạng Trung Quốc lập một cơ quan để vận động những người có tài lực của Trung Quốc giúp đỡ về mặt khí giới và lương thực. Vì lúc này người trong đảng đều hai bàn tay trắng, không thể không nhờ vào người ngoài giúp sức được[1].

Trong hội nghị tháng 2/1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà (Quảng Đông) chủ trương của Phan Bội Châu được các đồng chí ở Trung và Bắc kỳ như Đặng Tử Mẫn, Lương Lập Nham (Lương Ngọc Quyến), Hoàng Trọng Mậu tán thành ngay; còn mấy người ở Nam kỳ và "Lão tiền bối Hải Dương Nguyễn Công" (Nguyễn Thiện Thuật, tỉnh Hải Dương đã hoạt động

(1) Nhóm nghiên cứu Sử - Địa, Sđd, tr. 150 - 151.

https://tieulun.hopto.org

trong phong trào Cần Vương trước đây và đang lưu vong ở Quảng Đông) phản đối. Thế nhưng vì bản thân Cường Để đã tán thành đề án của Phan Bội Châu, nên hiệp nghị đã quyết định giải tán Việt Nam Duy Tân hội và cả chương trình của Hội đó để lập Việt Nam Quang Phục hội và thảo ra chương trình của Hội. Tổ chức mới do Cường Để làm Hội trưởng và Phan Bội Châu làm Phó Hội trưởng kiêm Tổng lý được đặt ở Quảng Đông. Tôn chỉ duy nhất của Hội là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc.

Song song đó, việc sắp xếp cơ quan lãnh đạo của Việt Nam Quang Phục hội cũng được Phan Bội Châu tích cực hoàn thiện. Cơ quan lãnh đạo Việt Nam Quang Phục hội được thành lập gồm ba bộ phận lớn như sau:

- Bộ Tổng vụ: do Cường Để làm Hội trưởng kiêm Bộ trưởng, Phan Bội Châu làm Tổng lý của hội, kiêm Phó Bộ trưởng.

- Bộ Bình nghị: gồm đủ đại biểu ba kỳ, chọn người có tuổi, có học thức và đức vọng sung vào. Cụ thể: Bắc kỳ có Nguyễn Thượng Hiền, Trung kỳ có Phan Bội Châu, Nam kỳ có Nguyễn Thành Hiến.

- Bộ Chấp hành: có 10 ủy viên gồm Quân vụ có Hoàng Trọng Mậu, Lương Lập Nham; Kinh tế có Mai Lão Bạng, Đặng Tử Kính; Giao tế có Lâm Đức Mậu,

https://tieulun.hopto.org

Đặng Bỉnh Thành; Văn thư có Phan Bá Ngọc; Thứ vụ có Phan Quý Chuân và Đinh Tế Dân.

Ngoài ủy viên Bộ Chấp hành, có ba ủy viên vận động trong nước gồm Đặng Bỉnh Thành (Nam kỳ), Lâm Quảng Trung (Trung kỳ) và Đặng Xung Hồng (Bắc kỳ). Với cơ cấu như vậy, cơ quan lãnh đạo của Việt Nam Quang Phục hội còn được gọi là Việt Nam quân chính phủ, tựa như một chính phủ lâm thời của nước Việt Nam sau này.

Việt Nam Quang Phục hội chủ trương "đánh đuổi giặc Pháp" bằng bạo lực nên tổ chức này đã thành lập một đội quân ở biên giới Trung - Việt. Cán bộ được lấy từ số học viên các trường quân sự như Trường Sĩ quan Bắc Kinh (Lương Lập Nham, Lâm Quảng Trung, Đặng Hồng Phấn, Phan Bá Ngọc, Nguyễn Thiệu Tổ, Hà Dương Nhân, Hồ Hinh Sơn), Trường Quân nhu Bắc Kinh (Lưu Khải Hồng, Nguyễn Yến Chiêu), Trường Lục quân cán bộ Quảng Tây (Trần Hữu Lực, Nguyễn Tiêu Đẩu, Nguyễn Thái Bạt), các học sinh Đông Du đã từng công tác trong quân đội Trung Quốc (Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn Quỳnh Lâm, Đặng Xung Hồng, Nguyễn Hải Thần) giữ những địa vị trọng yếu trong Việt Nam Quang Phục hội, v.v...

Việt Nam Quang Phục hội có quốc kỳ hình chữ nhật, nền vàng, 5 ngôi sao đỏ; quân kỳ nền đỏ, 5 sao trắng kiểu "ngũ tinh liên châu" (một chuỗi năm ngôi sao);

https://tieulun.hopto.org

Ngôi sao ở đây chỉ là chấm tròn chứ không có cánh. Màu vàng tượng trưng cho nòi giống "Việt" da vàng. Màu đỏ biểu ý phương "Nam" lửa đỏ. Màu trắng là mục đích chính đại[1].

Về vũ khí, ngoài một số súng đạn mua được, hội còn bí mật mở xưởng chế bom ngay trên đất Trung Quốc. Phương châm và quy chế xây dựng quân đội được trình bày trong cuốn *Việt Nam Quang Phục quân phương lược.*[2] Cuốn "Phương lược" dày hơn trăm trang, nội dung có 5 chương: chủ nghĩa và tôn chỉ của đội quân Quang Phục, Kỷ quân của đội quân Quang Phục, Cách biên chế của đội quân Quang Phục, Viên chức và lương bổng của đội quân Quang Phục và Kế hoạch dự định tiến hành của đội quân Quang Phục. Chương "Chủ nghĩa và tôn chỉ của đội quân Quang Phục" và chương "Kỷ quân của đội quân Quang Phục" do Phan Bội Châu soạn thảo; các chương còn lại do Hoàng Trọng Mậu là Ủy viên trưởng Bộ Quân vụ biên soạn.

Nguồn tài chính của hội lúc đầu hoàn toàn trông cậy vào sự quyên giúp của những người Trung Quốc ủng hộ cách mạng Việt Nam. Nhưng hội ngày một phát

---

(1) Trần Đức Thanh Phong (chủ biên), *Kỷ niệm 100 năm Phong trào Đông Du*, Đông Kinh, Nhật Bản: Tân Văn, 2005. tr. 117.

(2) Chương Thâu, "Tác phẩm Việt Nam Quang Phục quân phương lược của Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu", trong Chương Thâu (sưu tầm và biên soạn), *Phan Bội Châu toàn tập,* sđd, tập 3, tr. 357.

https://tieulun.hopto.org

triển, nên cần nhiều chi phí hơn. Theo đề nghị của Tô Thiếu Lâu, một đảng viên cách mạng Trung Quốc, Việt Nam Quang Phục hội đã phát hành quân dụng phiếu ở Lưỡng Quảng và trong nước để lấy tiền chi dùng. Hội đã quyết định lập thêm "Chấn Hoa Hưng Á hội" ở Quảng Đông (Trung Quốc) để lôi cuốn sự quyên góp của người Hoa bằng cách bán quân dụng phiếu. Ngoài ra, hội phát hành hai loại tín phiếu là Quân dụng ngân phiếu và Thông dụng ngân phiếu. Quân dụng ngân phiếu có bốn loại: 5 đồng, 10 đồng, 30 đồng (20 đồng), 100 đồng, trên mỗi phiếu có chữ ký của Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu. Thông dụng ngân phiếu có bốn loại: 5 đồng, 10 đồng, 50 đồng và 100 đồng. Trên phiếu có chữ ký của Cường Để. Nhờ Chấn Hoa Hưng Á hội vận động, các tín phiếu, đặc biệt là Quân dụng phiếu được dân chúng Trung Quốc mua ủng hộ với số tiền khá lớn[1].

Thời gian đầu, Phan Bội Châu hy vọng rất nhiều vào sự tiếp xúc với những nhân vật quan trọng của chính phủ Nam Kinh là Tôn Văn, Hoàng Hưng. Khi từ Xiêm trở lại Trung Quốc, Phan Bội Châu đã đi ngay Nam Kinh để gặp những người này. Nhưng trước mắt, ông chỉ được họ hứa hẹn hợp tác về mặt giáo dục, đào tạo cán bộ cách mạng, kể cả đào tạo cán bộ quân sự, còn

(1) Chương Thâu (sưu tập và biên soạn), *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 224, 227, 229.

https://tieulun.hopto.org

việc viện trợ về mặt quân trang, quân dụng thiết yếu thì không được họ trả lời tích cực. Chỉ có Đô đốc Thượng Hải là Trần Kỳ Mỹ đã giúp Phan Bội Châu 4.000 đồng và 30 quả tạc đạn dùng cho quân sự"[1].

Do đã có kinh nghiệm trong những lần thất bại trước, đến thời điểm năm 1912, Phan Bội Châu đã không còn chuyên tâm vào những hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, hoạt động khai sáng mà đã hướng vào việc chuẩn bị gấp rút cuộc đấu tranh vũ trang. Như vậy Phan Bội Châu cũng không hy vọng gì vào Tôn Văn, Hoàng Hưng khi những chính khách này hứa hẹn việc đào tạo cán bộ. Phan Bội Châu nôn nóng và luôn kỳ vọng về những cuộc khởi nghĩa vũ trang nhưng muốn thực hiện vũ trang bạo động thì chỉ có hai phương pháp: trong nước thì vận động binh lính, ngoài nước thì trông nhờ sự giúp đỡ của quân đội Trung Quốc về vũ khí, quân nhu. Trên tinh thần đó, Phan Bội Châu đứng ra vận động thành lập Chấn Hoa Hưng Á hội vào tháng 8/1912. Hội có 200 người tham gia. Đặng Cảnh Á, người Trung Quốc, làm hội trưởng, Phan Bội Châu làm phó hội trưởng; các ủy viên đều do người hai nước đảm nhiệm; trụ sở của Hội Chấn Hoa hưng Á đặt ở Quảng Đông.

---

(1) Nhóm nghiên cứu Sử - Địa, Sđd, tr. 155 - 156.

https://tieulun.hopto.org

Mục đích của Hội là liên hiệp những người cách mạng Trung Quốc với cách mạng Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc. Bản tuyên ngôn của Hội nêu rõ nhiệm vụ của Trung Quốc đối với các nước nhỏ yếu: muốn đánh đổ người Âu trước hết phải đánh đuổi người Pháp, vì Pháp tương đối yếu, đánh chắc thắng; muốn thắng Pháp thì Trung Quốc phải viện trợ cho Việt Nam, kéo quân vào Việt Nam đánh Pháp, vì có thể chuyển vận lương thực dễ dàng từ Lưỡng Quảng sang. Pháp cần tiếp tế thì sẽ rất khó khăn vì xa xôi; quân đội Trung Quốc lại hợp khí hậu nhiệt đới hơn người Pháp, lại còn được sự hưởng ứng của binh lính Việt Nam. Trong khi Trung Quốc chưa tuyên chiến với Pháp thì nên giúp đỡ nhiều cho cách mạng Việt Nam để có thể quấy rối, kiềm chế được lực lượng Pháp.

Việt Nam Quang Phục hội ra đời khi cách mạng Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn thoái trào, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đang đẩy mạnh khủng bố sau những vụ Đông Du, chống thuế ở Trung kỳ, đầu độc ở Hà Nội; các sĩ phu yêu nước bị bắt gần hết, nhân dân các nơi bị sát hại hàng loạt. Đứng trước tình hình đó, các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang Phục hội nhận thấy cần có một dấu hiệu gì kịch liệt để "gọi tỉnh hồn nước", thức tỉnh dân chúng. Giữa năm 1912, trong lần tiếp 3 ủy viên của Quang Phục hội ở trong nước, Phan Bội Châu đã nghe họ nói rằng: Muốn vận động quân

https://tieulun.hopto.org

đội ở trong nước, tất trước phải có một tiếng kinh thiên động địa thì vận động mới có hiệu lực. Bởi vì họ chỉ muốn cho thành công ở nay mai, nếu kế hoạch bằng hằng năm thì không thể thổi họ dậy được. Chính vì vậy mà ngay sau đó, hội đã cử về một số người thi hành những bản án đối với những tên thực dân đầu sỏ và tay sai.

Ngày 13/4/1913, Phạm Văn Tráng, một chiến sĩ Quang Phục hội đã ném bom giết chết Tuần phủ Thái Bình. Tối 26/4/1913 Nguyễn Khắc Cần (một hội viên Quang phục hội quê ở Yên Viên - Gia Lâm) và Nguyễn Văn Túy (công nhân nhà máy xe lửa Gia Lâm) đã tổ chức ném tạc đạn tại khách sạn Hà Nội. Quả tạc đạn nổ giữa sân trong và mái hiên của khách sạn làm chết hai viên thiếu tá Pháp đã về hưu là Sapuy (Chapuis) và Mông-gơ-răng (Montgrand) với một người nữa và làm cho 12 người khác bị thương. Hai chiến sĩ ném bom sau đó đã lên xe kéo chạy qua Gia Lâm về Yên Viên ẩn náu. Vụ ném bom ở Hà Nội đã tạo tiếng vang lớn cho Việt Nam Quang Phục hội và gây cho bè lũ thực dân nhiều hoang mang. Ngày 30/4/1913, hơn 200 người Pháp ở Sài Gòn nhân vụ ném bom ở Hà Nội đã họp mít tinh đòi bọn cầm quyền phải có những biện pháp nghiêm khắc đối với người bản xứ. Phan Châu Trinh lúc đó đang ở Pháp cũng nhân vụ này mà vạch mặt bọn thực dân Pháp ở Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

Những cuộc tấn công trên khiến thực dân Pháp choáng váng. Chúng tổ chức cuộc vây ráp, bắt bớ quy mô lớn. Trong cuộc khủng bố này, Phạm Văn Tráng và Nguyễn Khắc Cần bị bắt khi đang tìm đường trở lại Trung Quốc. Nguyên nhân là do hai tên phản bội là Đặng Kinh Luân và Đặng Vũ Hoán đã báo cho Pháp. Tháng 5/1913, cả hai tên này đã bị tiêu diệt bởi hai chiến sĩ Quang phục hội khác là anh em Phạm Hoàng Quế và Phạm Hoàng Triết. Cả hai sau đó cũng đều bị bắt. Tổng cộng thực dân Pháp đã bắt được 254 người đưa về tập trung tại Hà Nội. Hội đồng đề hình đã tuyên 7 án tử hình trong đó có Nguyễn Khắc Cần, Phạm Văn Tráng, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết, 8 án lưu đày và rất nhiều án tù khác. Chúng cũng tuyên 6 án tử hình vắng mặt, trong đó có Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Văn Túy.

Bên cạnh kế hoạch khủng bố và đàn áp, thực dân Pháp còn câu kết chặt chẽ với đế quốc Anh và Tổng đốc Quảng Đông để thao túng và khống chế các chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Ngày 8/7/1913, Cường Để bị cảnh sát Anh bắt trên đường đi vận động tài chính cho hội. Sau đó, ông nhờ luật sư biện hộ và sang châu Âu lánh nạn. Ngày 24/12/1913, Tổng đốc Long Tế Quang bắt Phan Bội Châu, mưu đồ nộp cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Nhưng sau đó hắn lại đưa Phan Bội Châu vào nhà tù Quảng Đông. Mãi đến tháng 2/1917 Phan Bội Châu mới được giải thoát.

https://tieulun.hopto.org

Do chưa có cơ sở vững chắc ngay trong lòng quần chúng trong nước, lại mô phỏng một cách phiến diện Đồng Minh hội của Trung Quốc, nên Việt Nam Quang Phục hội không duy trì được lâu sau khi cách mạng Trung Quốc thất bại. Dù vậy, Việt Nam Quang Phục hội cũng đã tiến hành được nhiều cuộc đấu tranh vũ trang khắp Trung, Nam, Bắc và kéo dài hoạt động đến những năm 1917, 1918, chứng tỏ lực lượng cách mạng lúc này đã mạnh hơn so với thời Duy Tân hội. Việt Nam Quang Phục hội không thành công nhưng cũng đã khẳng định được rằng sự ra đời của nó cùng những hoạt động tích cực với sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng Trung Quốc đã đánh dấu bước tiến bộ quan trọng trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Có thể nói, những hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội với các cuộc bạo động lẻ tẻ ít nhiều đã khuấy động được dư luận trong và ngoài nước. Nhưng trước sự khủng bố của thực dân Pháp, hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội dần dần bị thu hẹp và mất thế lực. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự tan rã của hội là tổ chức chính trị này chưa có thế lực nội tại nói chung, kinh tế nói riêng. Nguyên tắc của một đảng cách mạng tuyệt đối không thể nương nhờ vào người khác. Nhìn chung, đường lối bạo động cách mạng của Phan Bội Châu được đánh giá là có ý nghĩa rất lớn. Tôn chỉ và phương châm của Hội đi đúng xu thế phát triển của

https://tieulun.hopto.org

lịch sử. Đường lối bạo động cách mạng đã phát động mạnh mẽ tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân. Đó là những cống hiến lớn lao của Phan Bội Châu và Việt Nam Quang Phục hội vào sự nghiệp cách mạng giải phóng của dân tộc.

* * *

https://tieulun.hopto.org

4

VAI TRÒ CỦA NHÀ VUA YÊU NƯỚC TRONG PHONG TRÀO DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong phong trào dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một số nhà nho yêu nước và cấp tiến đã nhận thức được sự yếu kém và lạc hậu của đất nước mình và yêu cầu lịch sử đối với công cuộc canh tân. Tiếc là họ vẫn chưa có đủ khả năng làm xoay chuyển tình thế, mà trước hết là xoay chuyển được tư duy và tầm nhìn của các vua Nguyễn từ khi thực dân Pháp xâm lược và cai trị Việt Nam.

Các vua Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức trong nửa đầu thế kỷ XIX đã dần dần nhận rõ được nguy cơ bị xâm lược từ chủ nghĩa thực dân và tư bản bành trướng tìm

https://tieulun.hopto.org

kiếm thuộc địa. Nhưng các vua Nguyễn không có những đối sách phù hợp, loay hoay và bị động, không vượt qua được chính mình, cũng không vượt qua được những cái đầu thủ cựu của các quan lại trong triều. Những lời dạy của Thánh nhân về Đạo làm vua xem ra không còn giữ được, mà có giữ vững thì e lúc này cũng không thể giúp các vị vượt qua khó khăn. Khách quan mà nói, trong khi tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trước những điều trần và dự án cải cách của các quan lại và sĩ phu, trong một chừng mực nào đó, triều đình Huế cũng đã tiến hành một vài chính sách cải cách nhưng do tầm nhìn hạn hẹp, thiếu kiên quyết trong việc thực hiện cải cách và do tình thế khó khăn của cuộc chiến, những cải cách nhỏ giọt của triều đình Huế đã không mang lại những hiệu quả tốt đẹp.

Trước họa mất nước, nhà vua nghẹn ngào vì bất lực, không thể giương lên ngọn cờ cứu nước. Vua Tự Đức và triều đình Huế đã phải ký với Pháp những hiệp ước để giao cho họ quyền cai trị từ Nam kỳ đến cả nước để đổi lấy sự yên vị trên ngai vàng cho đến cuối đời (1883), để rồi khi ông vừa nhắm mắt, thực dân Pháp buộc triều đình Huế ký Hiệp ước Harmand (1883) rồi sau đó là Hiệp ước Patenôtre (1884) để Pháp chia đất nước ta làm ba kỳ với ba chính sách cai trị khác nhau.

Nỗi đau mất nước, sự nhiễu nhương của người Pháp, sự khát khao và kỳ vọng của nhân dân đã khiến cho

https://tieulun.hopto.org

một số vua Nguyễn như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, thay vì phục tùng và ngoan ngoãn làm tay sai cho Pháp như Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại, các vị đã tỏ rõ thái độ bất bình, coi khinh, thậm chí khởi binh chống lại người Pháp. Các vị đã thực sự trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng trong phong trào dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Vua Hàm Nghi lên ngôi ngày 2 tháng 8 năm 1884, sau khi liên tiếp các vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc băng hà.

Trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp của nhân dân diễn ra rất quyết liệt, sĩ phu Việt Nam nhanh chóng bị phân hóa. Ngoài bộ phận sĩ phu đứng lên vũ trang kháng chiến chống xâm lược và bộ phận sĩ phu có tư tưởng canh tân đất nước để tự cường dân tộc, đưa Việt Nam sánh vai với các nước phát triển trên thế giới thì cũng có một bộ phận sĩ phu Việt Nam ra làm việc cho Pháp và trong số họ, có người đã trở thành tay sai đắc lực cho Pháp trong công cuộc xâm lược và cai trị Việt Nam,... Thực tế này đã làm cho cả vua Tự Đức lẫn triều đình trở nên lúng túng, không có được một lập trường kiên định để giải quyết vấn đề đại cuộc.

Sau khi vua Tự Đức qua đời vào tháng 7 năm 1883, mặc dù các phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết (đại diện cho phái chủ chiến trong

https://tieulun.hopto.org

triều) nắm trọn quyền hành trong việc phế lập ngôi vua khác, nhưng họ lại rất bị động trong việc tìm người trong hoàng gia có cùng chí hướng để đưa lên ngôi. Trước thời Hàm Nghi, cả ba vua Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc đều lần lượt đi ngược lại đường lối của phái chủ chiến hoặc bị mất sớm, trở thành những phần tử không thể không bị loại bỏ khỏi việc triều chính đang rối ren. Vua Kiến Phúc đột ngột qua đời trong lúc tình hình đang có lợi cho phái chủ chiến. Sau khi nhà vua mất, đáng lẽ con nuôi thứ hai của vua Tự Đức là Nguyễn Phúc Ưng Kỷ lên ngôi, nhưng Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết sợ lập một vị vua lớn tuổi sẽ mất quyền hành và hai ông chủ trương dứt khoát lựa chọn bằng được một vị vua ủng hộ lập trường chống Pháp nên đã chọn Nguyễn Phúc Ưng Lịch. Đây là một người có đủ tư cách về dòng dõi, nhưng chưa bị cuộc sống giàu sang của kinh thành làm vẩn đục tinh thần tự tôn dân tộc và quan trọng hơn hết là hai ông có thể định hướng nhà vua về đại cuộc của đất nước một cách dễ dàng[1]. Bởi Ưng Lịch từ nhỏ sống trong cảnh bần hàn, dân dã với mẹ ruột chứ không được nuôi dạy trong nhung lụa như hai người anh ruột ở trong cung.

Sử chép rằng, khi thấy sứ giả đến đón, cậu bé Ưng Lịch hoảng sợ và không dám nhận áo mũ người ta dâng

---

(1) "Hàm Nghi", *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*.

https://tieulun.hopto.org

lên. Sáng ngày 12 tháng 6 năm Giáp Thân (tức ngày 2 tháng 8 năm 1884, lúc này ông mới 13 tuổi), Ưng Lịch được dìu đi giữa hai hàng thị vệ, tiến vào điện Thái Hòa để làm lễ lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Hàm Nghi[1]. Khâm sứ Rheinart trách cứ rằng việc đặt vua Hàm Nghi lên ngôi không có xin phép nước Pháp và Guerrier đem 600 quân cùng một đội pháo binh từ Bắc vào Huế để thị uy. Quân Pháp do Guerrier chỉ huy được lệnh chiếm đồn Mang Cá. Sau đó ông Rheinart và Guerrier sang làm lễ phong vương cho vua Hàm Nghi rồi mới rút binh sĩ về Hà Nội.

Tình hình ngày càng trở nên căng thẳng khi thực dân Pháp quyết tiêu diệt phái chủ chiến trong triều đình và truất phế Hàm Nghi. Tình thế bức bách đã khiến Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường cùng vua Hàm Nghi ra tay tổ chức đánh Pháp ngay tại kinh thành Huế vào đêm ngày 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 (đêm 22 tháng 5 năm Ất Dậu).

Cuộc chiến đấu nhanh chóng thất bại, Pháp chiếm đóng toàn bộ kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết đưa

---

(1) Có ý kiến cho rằng, Hàm Nghi được lên nối ngôi là theo di chúc của vua Kiến Phúc trước đây. Tuy nhiên, trên thực tế ta thấy, vua Kiến Phúc hầu như chưa nghĩ đến chuyện băng hà, truyền ngôi; việc Hàm Nghi được đưa lên ngôi là do ý đồ và sự sắp đặt của phái chủ chiến và nhân vật cầm đầu phái chủ chiến bấy giờ là Tôn Thất Thuyết - Phụ chính đại thần đồng thời là Thượng thư bộ Binh triều đình Huế.

https://tieulun.hopto.org

vua Hàm Nghi xuất bôn ra Tân Sở (Quảng Trị), nơi ông đã cho xây dựng căn cứ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Tại đây, nhân danh vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết đã phát động phong trào Cần Vương chống Pháp, kêu gọi văn thân, sĩ phu giúp vua, giết giặc cứu nước. Dụ Cần Vương với danh nghĩa vua Hàm Nghi ban ra kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên giúp vua diệt giặc xâm lăng với lời lẽ thống thiết:

"*Mối luân thường quan hệ, trăm quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, chắc không nỡ xa bỏ trẫm, người trí giúp mưu, người dũng giúp sức, người giàu xuất của để giúp quân nhu, cùng nhau đoàn kết, chẳng ngại gian hiểm, làm cách gì mà có thể cứu nguy đỡ ngã, gỡ chỗ khó, giúp khi bí, thảy đều hết lòng hết sức*"(1).

Để tránh sự lùng bắt của Pháp, Tôn Thất Thuyết tiếp tục đưa vua Hàm Nghi vượt qua đất Lào đến sơn phòng Ấu Sơn. Trong lúc ở Huế, thực dân Pháp đưa Ưng Đường lên làm vua, dựng nên triều đình Đồng Khánh thân Pháp; thì ngày 20/9/1885 tại sơn phòng Ấu Sơn, vua Hàm Nghi lại xuống chiếu Cần vương để tiếp tục kêu gọi nhân dân kháng chiến và nhằm khẳng định tính "chính thống" của mình trong việc kế nghiệp đế vương của dòng họ Nguyễn. Tờ chiếu đã tổng kết quá

(1) Phan Canh, Đào Đức Chương, *Thi ca Việt Nam thời Cần Vương (1885 - 1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 16.

https://tieulun.hopto.org

trình xâm lược Việt Nam, lên án hành động cướp nước của thực dân Pháp và cả những người Việt đã cộng tác với Pháp. Tờ chiếu tiếp tục kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên tiêu diệt giặc ngoại xâm:

"*Trẫm hy vọng rằng tất cả mọi người, quan lại, binh sĩ và thường dân, đều đồng tâm hiệp lực, như thế thì không còn nghi ngờ gì nữa, nước Nam vẫn cứ là của người Nam, mặc dù quân Pháp có mạnh, chúng cũng không thể chinh phục được ta*"(1).

Thực hiện dụ và chiếu Cần vương, nhân dân ta ở khắp nơi đã sôi nổi đứng lên chống Pháp dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước. Phong trào này đã diễn ra rầm rộ với nhiều cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như: Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê,... thu hút đông đảo các tầng lớp sĩ phu văn thân yêu nước và một số quan lại trong triều đình nhà Nguyễn, đặc biệt là huy động được đông đảo nhân dân tham gia. Phong trào khởi nghĩa vũ trang, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi diễn ra trên khắp cả nước, kéo dài từ năm 1885 cho đến năm 1896. Mặc dù đã bị Pháp bắt (đêm 30/10/1888), ra sức dụ dỗ thuyết phục, mua chuộc nhà vua trẻ cộng tác, nhưng vua Hàm Nghi đã kiên quyết từ chối. Không thể mua chuộc được, thực dân Pháp đưa Hàm Nghi đi đày tại Algérie (Bắc Phi).

---

(1) Vũ Văn Tỉnh, "Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 140, 1971, tr. 56.

https://tieulun.hopto.org

Vua Thành Thái lên ngôi lúc lên 10 tuổi (1889), sớm bộc lộ tinh thần yêu nước, chống Pháp. Ông khinh ghét bọn quan lại xu phụ thực dân, chỉ biết vun vén cho đầy túi tham, chấp nhận làm tay sai cho ngoại bang, không biết lo cho dân, cho nước.

Là người thông minh, có sở trường về Nho học, vua Thành Thái rất thích đọc những tân thư chữ Hán của Trung Quốc và Nhật Bản. Nhờ đó nhà vua có tư tưởng duy tân và đầu óc cải cách. Những người Pháp thường xuyên gần gũi với nhà vua không được ông trọng thị lắm vì vậy họ thường có thành kiến với ông. Có những tài liệu nói là nhà vua đã toan bí mật sang Trung Quốc, nhưng mới đi đến Thanh Hóa đã bị người Pháp ngăn chặn. Cũng có ý kiến cho rằng ông đã đồng tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho Cường Để xuất dương theo Phan Bội Châu sang Nhật. Vua Thành Thái còn bí mật lập các đội nữ binh để che mắt Pháp. Một số tài liệu ghi rằng vua đã chiêu nạp được 4 đội, mỗi đội 50 người, đội trước huấn luyện xong thì trở về gia đình và nạp đội mới, khi có thời cơ sẽ cùng nổi dậy chống Pháp. Nhưng sự việc cuối cùng bị lộ khi Thượng thư bộ Lại và Cơ mật viện báo cho Khâm sứ Pháp Lévêcque.

Trước những ý tưởng cấp tiến của vua Thành Thái, người Pháp lo ngại tìm cách ngăn chặn. Để che mắt, Thành Thái giả hành động như một người mất trí. Lợi

https://tieulun.hopto.org

dụng cơ hội này, người Pháp vu cho ông bị điên, ép ông thoái vị, nhường ngôi cho con vì lý do sức khỏe. Khâm sứ Pháp còn nói thẳng là đã biết ông có ý đồ chống Pháp nên không để ông ở ngôi được. Còn nếu Thành Thái muốn tại vị thì ông phải ký vào một tờ giấy xin lỗi, tuyên bố với quốc dân là có âm mưu chống lại nước Pháp, nay phải thành thực hồi tâm. Nhưng ông đã ném tờ tuyên cáo thảo sẵn ấy xuống đất, từ chối.

Ngày 29/7/1907, nhân dịp Thành Thái không phê chuẩn việc bổ nhiệm một số quan lại đã được Khâm sứ Lévêque và Hội đồng Thượng thư thỏa thuận, Lévêque đã tuyên bố truất quyền và quản thúc Thành Thái trong Đại nội. Một Hội đồng Phụ chính do Trương Như Cương cầm đầu được thành lập và ngày 3/9/1907, triều thần theo lệnh của Pháp vào điện Càn Thành dâng vua dự thảo chiếu thoái vị, có chữ ký của các đại thần (trừ Ngô Đình Khả)(1), với lý do sức khỏe không bảo đảm, xin tự nguyện thoái vị. Xem xong bản dự thảo, Thành Thái chỉ cười, ghi ngay hai chữ "phê chuẩn" rồi quay lưng đi vào.

---

(1) Ngô Đình Khả là thân sinh của Ngô Đình Diệm, không chịu ký vào dự thảo chiếu thoái vị của vua Thành Thái. Vì vậy, sĩ phu miền Trung có câu: "Phế vua không Khả". Sau đó, Ngô Đình Khả bị buộc tội lập giáo đường không xin phép, phải về hưu tại nguyên quán xã Đại Phong, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, không được lãnh hưu bổng. Theo Hoàng Trọng Thược, *Hồ sơ vua Duy Tân*, Mõ Làng, Paris, 1993, tr. 52 - 53.

https://tieulun.hopto.org

Ngày 12/9/1907, Thành Thái bị đưa đi quản thúc ở Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu ngày nay). Về sau, năm 1916 ông bị đày ra đảo Réunion cùng với con trai là vua Duy Tân.

Là một ông vua có tư tưởng canh tân đất nước, nhưng một mặt bởi các quan thời bấy giờ vẫn còn thủ cựu, nhút nhát, không ai dám ra mặt ủng hộ nhà vua; mặt khác nhà vua luôn bị người Pháp theo dõi nên những ý tưởng cấp tiến không tài nào thực hiện được. Mặc dù sự nghiệp chống Pháp của vua Thành Thái không thành và chưa thực sự nổi bật, nhưng rõ ràng thái độ bất hợp tác và khinh thường Pháp đã khiến nhà vua trở thành một biểu tượng cao đẹp trong lòng người Việt Nam yêu nước. Sự dấn thân của nhà vua và cái giá của nó chính là nguồn năng lượng tiếp vào dòng chảy của phong trào yêu nước chống Pháp của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Vua Duy Tân (Nguyễn Phúc Vĩnh San), là con thứ 5 của vua Thành Thái. Chuyện kể rằng, hôm Khâm sứ Lévêcque cầm danh sách các Hoàng tử con vua Thành Thái vào Hoàng cung chọn vua, trong lúc điểm danh thì thiếu mất "mệ Vĩnh San". Triều đình hốt hoảng chạy đi kiếm thì thấy Vĩnh San đang chui dưới gầm giường bắt dế. Vĩnh San bị lôi ra, mặt mày lem luốc, quần áo ướt nhẹp vì mồ hôi. Không kịp đưa

https://tieulun.hopto.org

về nhà tắm rửa, thị vệ đưa ngay Vĩnh San ra trình diện quan Pháp.

Mới trông thấy Vĩnh San, các quan Pháp vừa ý ngay vì theo họ đứa bé mặt mày dơ tèm lem trông có vẻ nhút nhát và đần độn. Thế là Pháp chọn Vĩnh San làm vua khi mới 7 tuổi đầu với hy vọng nhà vua còn nhỏ tuổi, họ nói gì vua cũng nghe. Triều đình thấy vua nhỏ bèn xin tăng thêm một tuổi thành tám. Nghĩ tình vua Thành Thái suốt đời ước nguyện đổi mới mà không làm được, nên những người phò tá còn chút quyền hành đã lấy niên hiệu cho người nối nghiệp là Duy Tân.

Thế nhưng, người Pháp đã nhầm! Hoàng tử Vĩnh San - vua Duy Tân không như họ tưởng. Cậu bé Việt Nam tám tuổi này tỏ ra không phải là một cậu bé dễ bị bắt nạt, không muốn làm một ông vua bù nhìn. Chỉ một ngày sau lễ tôn vương (5/9/1907), vua Duy Tân đã tỏ ra khác hẳn, nhà vua không còn là một "cậu bé bắt dế" nữa. Nhà vua không hề tỏ ra nhút nhát và sợ Tây, ngược lại, ông tiếp quan Toàn quyền Đông Dương một cách tự nhiên, với tư thế của một ông vua và trao đổi bằng tiếng Pháp, vì vậy, một nhà báo Pháp đã phát biểu rằng: "Un jour de trône a complètement changé la figure d'un enfant de huit ans" ("*Một ngày lên ngai vàng đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của cậu bé lên tám*"). Để kiểm soát hành vi của nhà vua, người Pháp đã lập một

https://tieulun.hopto.org

phủ Phụ chính gồm sáu đại thần đặt dưới sự điều khiển của Khâm sứ Pháp; đưa ông Ebérhard, một tiến sĩ sinh học qua dạy cho vua Duy Tân học khoa học với mục đích theo dõi những hành động của nhà vua.

Thái độ chống Pháp của vua Duy Tân sớm bộc lộ ngay khi còn nhỏ. Nguyễn Đắc Xuân trong bài viết *Vua Duy Tân - Lòng yêu nước của một vị vua trẻ,* đã kể lại rằng, chẳng bao lâu sau khi đưa hoàng tử Vĩnh San lên ngôi, người Pháp đã phải làm một ngôi nhà ở Cửa Tùng, xa Kinh đô Huế hàng trăm cây số để cho Duy Tân ra đó chơi đùa, sao nhãng bớt chuyện làm vua.

"Ở Cửa Tùng, giữa cảnh trời cao bể rộng, vua Duy Tân không thể quên được lý do vì sao vua cha bị đày. Ông lại càng không quên trách nhiệm làm vua của ông đối với nỗi khổ cực lầm than của dân, của nước. Một hôm ông ngồi vốc cát biển lên chơi, hai tay bẩn. Một ông quan thị vệ bưng nước đến cho ông rửa tay. Vừa thò tay vào nước rửa lõm bõm, ông vừa nhìn ông quan thị vệ hỏi rằng:

- Tay nhớp lấy nước mà rửa. Nước nhớp lấy chi mà rửa?

Ông quan sợ quá, nhìn ông hai môi mấp máy mà không nói được nên lời. Nhà vua thông cảm cho người quản gia tội nghiệp, ông tự trả lời:

https://tieulun.hopto.org

- Máu!"[1]

Năm vua 12 tuổi, khi đến dự yến ở Tòa Khâm sứ, một viên cố đạo Pháp giỏi cả tiếng Việt lẫn tiếng Hán, thấy vua vẻ mặt khôi ngô bèn đưa ra câu đối "Rút ruột ông vua, tam phân thiên hạ". Đây là một câu chiết tự, chữ Vương khi bỏ đi nét Cổn ở giữa thành chữ Tam, vừa mượn tích Tam Quốc, vừa ám chỉ việc chia nước Việt Nam thành ba kỳ. Không chút bối rối, vua Duy Tân đối lại ngay "Chặt đầu thằng Tây, Tứ hải giao huynh", vua cũng đối lại bằng một câu chiết tự, chữ Tây bỏ bớt phần đầu phía trên trở thành chữ Tứ. Tuy vế sau chưa thật hoàn chỉnh nhưng đã thể hiện chí khí chống Pháp dứt khoát của nhà vua[2].

Năm 1912, Khâm sứ Georges Marie Joseph Mahé đã mở chiến dịch tìm vàng ở Huế, thậm chí đào cả lăng vua Tự Đức để tìm vàng. Trừ đại thần Nguyễn Hữu Bài[3], cả triều đình đều nhắm mắt làm ngơ. Duy Tân tức tốc thân hành đến ngăn chặn, nhưng tới nơi thì đã muộn, mọi việc đã xong xuôi. Vua Duy Tân nổi giận đóng cửa hoàng cung, tuyên bố không giao tiếp với người Pháp

---

(1) Có tài liệu viết rằng, vua Duy Tân đã tự trả lời với viên thị vệ rằng: "*Nước bẩn thì phải tìm cách trừ khử những chất ngoại lai lẫn vào trong đó, hiểu không?*".

(2) Theo báo *Tri Tân* số 196.

(3) Vì vậy trong dân gian có câu: "Phế vua không Khả, đào mả không Bài".

https://tieulun.hopto.org

cho đến khi Mahé bị toàn quyền Albert Sarraut khiển trách[1]. Tuy nhiên, với Nguyễn Hữu Bài, một đại thần lớn trong triều, vua Duy Tân cũng bày tỏ sự thất vọng. Một lần đi câu ở Phú Văn Lâu, vua Duy Tân ra vế đối "*Ngồi trên nước mà không ngăn được nước, trót buông câu nên lỡ phải lần*". Nguyễn Hữu Bài đối lại: "*Nghĩ việc đời mà ngán cho đời, đành nhắm mắt đến đâu hay đó*". Vì vậy, vua Duy Tân cho rằng Nguyễn Hữu Bài là người cam chịu trước số mạng, tinh thần cầu an đó không thể cùng vua lo đại nghiệp cứu nước, từ đó vua Duy Tân không bao giờ thổ lộ tâm tình với ông này một lần nào nữa.

Vua Duy Tân nhiều lần bày tỏ sự phản kháng của mình đối với người Pháp. Đầu năm 1914, Duy Tân họp các vị Thượng thư, chỉ thị cho hai người phải qua Pháp trình Tổng thống Pháp một dự án sửa đổi bản hiệp ước Patenôtre (ký năm 1884) vì nhà vua cảm thấy việc thi hành hiệp ước ấy không đúng với những điều kiện mà hai bên đã ký kết với nhau. Trong việc thực thi hiệp ước,

---

(1) Về sự việc này, sách của Hoàng Trọng Thược cho rằng: ngày hôm sau, vua Duy Tân viết thư cho chính phủ Pháp hạch tội và yêu cầu khiển trách những viên chức đã lộng hành, nhờ Toàn quyền Pháp chuyển. Viên Toàn quyền không chuyển, mà còn đích thân đem thư ấy vào cung đưa cho Hoàng thái hậu, mẹ đích của vua. Bà là con gái Cần chánh đại học sĩ Nguyễn Thân, tuy không có con, song vẫn có thế lực lớn trong triều. Bà đòi vua vào cung, buộc vua xin lỗi viên Toàn quyền Pháp. Bất đắc dĩ Duy Tân phải bấm bụng tuân theo. Hoàng Trọng Thược, Sđd, tr. 373 - 374.

https://tieulun.hopto.org

người Pháp đã vi phạm rất nhiều. Kết quả là không vị quan nào dám nhận sứ mạng nầy. Thượng thư Huỳnh Côn lại đi mách với Hoàng thái hậu để Bà la rầy nhà vua một cách gắt gao.

Về sau, trong một buổi học chữ Hán với Thượng thư Huỳnh Côn, Duy Tân phàn nàn: "*Không có ông Thượng thư nào chịu nghe ta cả. Ta làm vua chỉ có hư danh thôi*". Huỳnh Côn tức tốc đi mời Chủ tịch hội đồng và Thượng thư bộ Hình đến. Duy Tân lặp lại câu đã nói. Vừa lúc Nguyễn Hữu Bài đi ngang qua, nghe được, tâu: "*Ngài muốn đánh Pháp, nhưng Ngài lấy gì mà đánh? Ngài không có tài chánh mà cũng không có quân đội*". Nhà vua làm thinh một chốc, rồi nổi giận la to lên: "*Lúc nầy chính là lúc phải xúi dân nổi dậy, lúc mà nước Pháp đang lâm chiến*"(1). Có lẽ, quan điểm dựa vào dân chúng để khởi nghĩa chống Pháp của vua Duy Tân đã manh nha từ lúc này.

Năm 15 tuổi, vua Duy Tân đã triệu tập cả sáu ông Phụ chính đại thần, buộc các vị phải ký vào biên bản để đích thân vua sẽ cầm qua trình với Tòa Khâm sứ, nhưng việc không thành vì các quan trong triều đều sợ người Pháp nổi giận nên họ đã báo cho Thái hậu để nhờ Thái hậu can vua. Điều này đã khiến vua Duy Tân

---

(1) Huỳnh Côn, *Hồi ký*, do Jean Jacnal ghi lại bằng tiếng Pháp, đăng trong *Revue Indochinoise năm 1924*. Hoàng Trọng Thược, Sđd, tr. 95.

https://tieulun.hopto.org

không còn tin tưởng vào triều đình trong việc chống Pháp nữa.

Cuộc Chiến tranh thế giới đã khiến nước Pháp tổn thất nhiều về người và của. Để bù đắp cho những thiệt hại này, chính quyền Đông Dương buộc phải tăng cường bắt lính một cách ráo riết. Chúng tập trung hàng ngàn binh lính ở Huế chuẩn bị đưa xuống tàu sang chiến trường châu Âu. Điều này gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong nhân dân và binh lính, nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế. Các sĩ phu yêu nước ở Trung kỳ, đặc biệt là các hội viên Quang phục hội, xem đây là cơ hội để vận động quần chúng đứng lên khởi nghĩa.

Tình hình ngày càng trở nên cấp thiết. Song, trong cuộc họp của các yếu nhân tại nhà Đoàn Bổng, một thư lại bộ Hộ ở đường Đông Ba (Huế) vào tháng 9/1915, do Thái Phiên chủ trì, sau khi bàn bạc, phân tích kỹ lưỡng đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa thêm một thời gian và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa để yên lòng dân chúng[1]. Hội nghị đã phân công nhiệm vụ xúc tiến chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Thái Phiên và Trần Cao Vân đảm nhận tiếp xúc với vua Duy Tân và mời nhà vua tham gia khởi nghĩa.

---

(1) Có lẽ có sự nhầm lẫn, bởi nếu căn cứ vào Chỉ dụ của vua Duy Tân ban bố ngày *22 tháng 3 năm Duy Tân thứ chín, tức ngày 5/5/1916,* thì việc liên hệ này đã diễn ra trước đó rồi.

https://tieulun.hopto.org

Sau cuộc gặp gỡ lịch sử bên hồ Tịnh Tâm, Thái Phiên và Trần Cao Vân trở lại đất Quảng khẩn trương vạch kế hoạch để đón thời cơ khởi nghĩa, còn nhà vua lặng lẽ trở về hoàng cung. Ngày 5/5/1915 (22 tháng 3 năm Duy Tân thứ chín), vua Duy Tân ra Chỉ dụ kêu gọi thần dân trong nước nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh chống Pháp với lời lẽ thống thiết:

"Kính thừa Thiên mệnh

Hoàng đế truyền rằng:

Trẫm thấu tỏ rằng trong khắp đất nước Đại Nam ta, biết bao những thần dân can trường, dũng cảm, tận tụy, tràn đầy lòng hy sinh cao cả cho non sông đất nước, đang phải trôi dạt lẩn khuất giữa chốn núi rừng. Những thần dân cao cả đó giờ đây đang rời nơi ẩn náu để cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống lại bọn người Tây phương.

Hỡi các ngươi! Các thần dân can trường bất khuất của Vương quốc ta. Tất cả các ngươi đều là những thần dân dũng cảm, giàu lòng ái quốc, sục sôi bầu nhiệt huyết cao quý. Nếu các ngươi muốn thấy gia đình dòng tộc được bền vững dài lâu và còn muốn bảo vệ Đức Vua của đất nước Đại Nam, các ngươi hãy cùng tụ hội về lãnh địa làng Văn Xá phủ Thừa Thiên. Đó là nơi vốn có một ngọn núi nhỏ.

https://tieulun.hopto.org

Trẫm chỉ định các thần dân dưới đây được lãnh trọng trách làm tướng:

Một người là ông Nguyễn Đức Công ở tỉnh Hà Tĩnh,

Một người là ông Nguyễn Bùi Lễ ở tỉnh Quảng Nam,

Một người là ông Trần Phu ở tỉnh Hà Tĩnh,

Một người là ông Vũ Đình Xán ở tỉnh Nghệ An.

Trẫm phong cho ông Nguyễn Đức Công làm Tả quân chính đạo, thống lĩnh toàn thể các đạo quân cánh trái; phong các ông Lễ, Phu, Xán làm Thủ toán, chỉ huy các đạo quân.

Ngày 22 tháng 3 Duy Tân thứ chín.

Ngự bút"[1]

Sau nhiều ngày hội họp bí mật, một kế hoạch khởi nghĩa đã được thông qua, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập, trong đó Chỉ huy tối cao là vua Duy Tân.

Sắp đến ngày khởi nghĩa, vua Duy Tân còn ban bố mật chiếu gọi là *Chiếu Phục quốc* hay *Chiếu Khởi nghĩa* với nội dung:

---

(1) Bản dịch của Nguyễn Trương Đàn dựa vào bản chữ Hán và tham khảo bản dịch tiếng Pháp ở Trung tâm Lưu trữ quốc gia hải ngoại, khố Toàn quyền Đông Dương. Dẫn theo Ngô Văn Minh (2012), *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 210 - 212.

https://tieulun.hopto.org

"Thuận theo ý Trời, Trẫm công bố Chiếu chỉ Phục quốc:

Tình yêu Tổ quốc khiến Trẫm không đội trời chung với kẻ thù; đó là nguyên tắc xử thế trong quá khứ của các vị vua lớn cũng như của các nhà ái quốc anh minh.

Từ tuổi nhỏ ngồi lên ngai vua, đến nay Trẫm tính đã có mười năm trị vì. Nhìn cảnh đất nước Trẫm thật xiết bao đau buồn, tình thế của vương triều càng đem lại cho Trẫm nỗi thống khổ biết chừng nào. Tấm lòng của Trẫm ưu sầu vì nhân dân đã trải qua những thời gian thử thách nặng nề và hai vị vua đã không trở về.

Mong muốn phục quốc cháy sáng trong tâm can Trẫm, và đối với Trẫm, đã trở thành một lý do để trăn trở, vì Trẫm vẫn chưa tìm thấy một con đường giải quyết thuận lợi. Ý Trời cũng vừa tỏ ra thuận theo mong muốn của Trẫm, đã cổ súy tất cả những người cùng chung nguyện vọng được bộc lộ vào một thời cơ tốt lành. Mọi người đã cùng Trẫm bàn bạc, rồi thảo ra một văn kiện cho lưu hành khắp nơi, nhằm giành lại di sản của tổ tiên Hồng Bàng.

Sau đây là Cương lĩnh của Trẫm tóm tắt qua những đường lối lớn:

1. *Rất coi trọng việc thi hành những nhiệm vụ xã hội, được thể hiện ở nguyên tắc cơ bản về sự trung thành với các vị vua của triều Nguyễn.*

https://tieulun.hopto.org

2. *Tạo dựng một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu "Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường Văn Minh".*

3. *Thiết lập một Hiến chương chính trị liên quan đến Nhà nước lập hiến và những quyền tự do chính trị.*

4. *(Câu này đề cập sự tôn trọng các tôn giáo hay một giáo phái, không thật rõ).*

Mục đích mà Trẫm theo đuổi có tầm quan trọng lớn nhất. Cần biết rằng con người khi bắt tay thực hiện một mưu sự nào, phải có sự phù hộ của Trời Đất để có thể thành công. Vậy thì, khi mà Đấng Chí tôn đã biểu thị sự đồng cảm với con người, chúng ta còn có gì phải do dự nữa? Chính vì vậy, không chút chậm trễ, Trẫm gửi đi Chiếu chỉ này và đặt vào đây Danh dự và Tính mệnh của mình. Trong tất cả mọi việc, Trẫm trao quyền hành động cho Hồng Việt, Hoàng Anh, Thanh Minh và Lam Giang, với sự hợp tác của những người có tấm lòng cao cả trong ba kỳ của Quốc gia Annam, dù họ là quan chức, viên chức, đương nhiệm hay không đương nhiệm, các nho sĩ, thân hào, người bình dân, và tất cả đều vì mục đích theo đuổi là đem lại một kỷ nguyên Văn Minh.

Ngay sau khi sự nghiệp hoàn thành, tất cả những ai có cống hiến sẽ được nhận những phần thưởng xứng đáng và sẽ trở thành bất tử qua thời gian.

https://tieulun.hopto.org

Bất cứ ai cản trở sự nghiệp này sẽ bị truy tố và trừng phạt không tha thứ.

Nay kính báo".

Với bức Chiếu này, vua Duy Tân trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, là linh hồn của cuộc khởi nghĩa và trong tất cả mọi việc, nhà vua đã "trao quyền hành động cho Hồng Việt, Hoàng Anh, Thanh Minh và Lam Giang" là các yếu nhân của Việt Nam Quang Phục hội để họ cùng "với sự hợp tác của những người có tấm lòng cao cả trong ba kỳ của Quốc gia Annam" mà làm nên nghiệp lớn[1].

Công việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cơ bản đã hoàn thành. Nhưng thực dân Pháp đã bóp chết cuộc vận động khởi nghĩa từ trong trứng nước. Các lãnh tụ khởi nghĩa lần lượt bị bắt, kể cả vua Duy Tân; nhiều thành phần cốt yếu bị lùng bắt và giết hại, binh lính bị tước vũ khí, nhiều nghĩa sĩ khác cũng phải vào nhà tù thực dân.

Sau khi bắt được vua Duy Tân, Khâm sứ Trung kỳ Charles và Toàn quyền Đông Dương ra sức thuyết phục vua trở lại ngai vàng nhưng không có kết quả.

---

(1) Về bức Chiếu khởi nghĩa đề ngày 29/4/1916 của vua Duy Tân, ông Nguyễn Trương Đàn cho biết, ông có được là nhờ những người được vua Duy Tân trao quyền hành động trong tất cả mọi việc, và là những người được tiếp nhận chiếu chỉ của nhà vua để thi hành theo như đoạn cuối của bức chiếu.

https://tieulun.hopto.org

Vua Duy Tân ra điều kiện: Các ngài muốn bắt buộc tôi phải làm vua nước Nam, thì hãy coi tôi như là một ông vua đã trưởng thành và có quyền tự do hành động, nhất là quyền tự do trao đổi tin tức và ý kiến với chính phủ Pháp. Pháp đưa vua Duy Tân về giam tại đồn Mang Cá (Trấn Bình Đài, Huế), yêu cầu hoàng gia và các đại quan trong triều thuyết phục nhà vua thay đổi thái độ, chấp nhận hợp tác với Pháp, nhưng nhà vua từ chối. Để tránh tiếng trong việc phế lập ngôi vua, Pháp giao cho triều đình An Nam xét xử, trước khi chúng đưa vua Duy Tân đi đày ở Réunion, Trung Phi.

* * *

Những nhà vua yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là hệ quả từ sự phân hóa của triều Nguyễn trước cuộc tấn công của chủ nghĩa tư bản thực dân phương Tây, đồng thời cũng là sản phẩm của phong trào dân tộc bất khuất kiên cường chống chiến tranh xâm lược. Trong gần 4 thập kỷ với bao thăng trầm triều chính, thay lên đổ xuống 6 - 7 đời vua, mà đã có 3 nhà vua yêu nước, kiên quyết đi cùng dân tộc chống ngoại xâm và chế độ cai trị ngoại bang. Các vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân đã có nhiều cố gắng vượt lên khỏi những hạn chế của triều Nguyễn trước thời cuộc; đã cùng các bộ phận chủ chiến trong triều, các sĩ phu yêu nước và cấp tiến, đáp ứng nhiệm vụ của đất nước và sứ mệnh

https://tieulun.hopto.org

lịch sử. Đặc biệt là họ đã cố phất lên ngọn cờ cứu nước, dù muộn màng hay lỡ làng, dù thế nào thì cũng đã thực sự tạo ra danh chính ngôn thuận cho nghĩa sĩ và quân dân tề tựu vì nghĩa lớn.

Những kết cục bi hùng của các vị vua yêu nước trong phong trào dân tộc âu cũng là khó tránh khỏi khi xã hội phong kiến Việt Nam từ thế kỷ 18 trở đi đã chìm sâu trong khủng hoảng suy vong trầm trọng. Đã đến lúc ngọn cờ dân tộc phải được phất lên bởi những lực lượng mới, làm nên nhân tố mới, sức mạnh mới; Mặc dù vậy, những tấm gương yêu nước sáng ngời của ba vị vua yêu nước Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân vẫn đi vào sử sách với những trang vàng lẫm liệt, vẫn in trong trí nhớ của những thế hệ tìm đến con đường cứu nước mới.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Phần thứ hai

VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

5

THỜI CƠ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ dẫn: chiến tranh đế quốc trên quy mô thế giới thường là cơ hội thuận lợi cho các dân tộc vùng dậy chống lại nền cai trị thuộc địa. Thực chất của cơ hội thuận lợi được gọi là thời cơ chiến lược ấy, là việc các đế quốc vì mải tham dự vào cuộc chiến tranh thế giới nhằm phân chia lại thuộc địa, tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng của nhau, buộc phải lơi lỏng chính sách cai trị ở thuộc địa. Do đó các dân tộc có thể lợi dụng tình trạng nới lỏng chính sách cai trị ở thuộc địa cũng như tình hình sa lầy ở chính quốc để xây dựng, phát triển nhanh lực lượng dân tộc, thực hiện khởi nghĩa vũ trang lật đổ ách thống trị của ngoại bang, giành lại tự do độc lập và giải phóng dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

Thời cơ trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất - một trong những cuộc chiến tranh lớn của thế kỷ XX, mở đầu cho lịch sử đại chiến thế giới - được bắt đầu bằng việc Áo - Hung tấn công Serbia, dẫn đến việc Đức tuyên chiến với Nga (ngày 1/8/1914) và tuyên chiến với Pháp (ngày 3/8/1914), Anh tuyên chiến với Đức và đổ bộ vào lục địa (ngày 4/8/1914), chiến tranh lớn đã nổ ra và kéo dài hơn 4 năm, đến tháng 11/1918 mới kết thúc. Đó là cuộc chiến tranh đế quốc diễn ra trên phạm vi rộng lớn, giữa các cường quốc phe Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga, Hoa Kỳ) và phe Liên minh (Đức, Áo, Hung, Bulgaria), lôi kéo nhiều cường quốc và quốc gia khác vào vòng chiến. Mâu thuẫn từ lâu giữa các quốc gia thuộc hai phe là nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ chiến tranh để giải quyết các mâu thuẫn đối kháng, phân chia lại hệ thống thuộc địa và thị trường, lập lại trật tự thế giới mới.

Ngay khi chiến tranh thế giới vừa nổ ra, Lênin trong tác phẩm "*Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga*" (tháng 10/1914) đã vạch trần bản chất của cuộc chiến tranh và lần đầu tiên nêu ra khẩu hiệu có tính chất gợi mở một cơ hội hành động: "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng". Liên tiếp trong các tác phẩm viết sau đó (*Sự phá sản của Quốc tế II*, tháng 6/1915; *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh*, tháng 8/1915, *Bàn về khẩu hiệu liên bang Châu Âu*, tháng 8/1915...),

https://tieulun.hopto.org

Lênin tiếp tục vạch rõ nguyên nhân cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc và chỉ ra ba dấu hiệu của tình thế cách mạng và điều kiện nổ ra cách mạng khi có tình thế cách mạng (phần lớn các nước Châu Âu lúc đó đều có tình thế cách mạng); Người cũng phân biệt rõ các loại hình chiến tranh, chỉ rõ "chiến tranh là sự kế tục của chính trị bằng những thủ đoạn khác" và bắt đầu nêu lên những tư tưởng lớn có tính chất cương lĩnh về quyền dân tộc tự quyết. Đặc biệt là khi phê phán việc đưa ra khẩu hiệu Liên bang châu Âu, Lênin cho rằng đó chỉ là cách lập khối thực dân tập thể, một tổ chức thế lực phản động chống chủ nghĩa xã hội, một khối kinh tế và quân sự của chủ nghĩa đế quốc; Người đề ra tư tưởng cách mạng vô sản không thắng lợi đồng thời ở các nước tư bản phát triển mà "có thể và tất yếu thắng lợi trước tiên ở một số nước, thậm chí ở một nước"(1).

Nước Nga dưới chế độ phong kiến - quân sự chuyên chế của Sa Hoàng có nhiều thuộc địa. Khi chiến tranh thế giới nổ ra, mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chế độ chuyên chế Sa Hoàng ngày càng sâu sắc, đồng thời mâu thuẫn giữa đế quốc Sa Hoàng với các đế quốc phương Tây như Anh, Pháp cũng lên cao, cùng nhiều mâu thuẫn khác đã làm cho nước Nga trở thành nơi hội tụ nhiều mâu thuẫn dân tộc - giai cấp - thời

(1) *Lênin toàn tập*, tập 27, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1980 - Nxb Sự thật, Hà Nội, 1996

https://tieulun.hopto.org

đại và trở thành khâu yếu nhất trong hệ thống dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Khi tham gia vào đại chiến, nước Nga thực sự bị đẩy vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội - chính trị trầm trọng, chế độ Nga Hoàng bị phân hóa cao độ. Trong tình thế đó, những cuộc cách mạng trong lòng chế độ Nga Hoàng đã bùng nổ, trước hết là bùng nổ lại cách mạng dân chủ tư sản (tháng 2/1917)[1]. Nhưng sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng dân chủ tư sản ấy trong thời kỳ chiến tranh thế giới, theo chủ trương của những người cộng sản Nga (Bolshevik) chống chiến tranh đế quốc "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng", đã đồng thời dẫn đến việc ra đời các Xô Viết. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại như thế đã cho phép Đảng Cộng sản Nga đưa ra Luận cương tháng Tư (4/4/1917) với khẩu hiệu "Tất cả chính quyền về tay Xô Viết". Từ đó, cuộc Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ, chỉ 10 ngày làm rung chuyển thế giới[2].

Như vậy, theo các chỉ dẫn của Lênin và thực tế chiến tranh ở nước Nga, sẽ nhận ra một cơ hội - thời cơ chiến lược đã thực sự xuất hiện khi chiến tranh thế

---

(1) Trước đó, vào năm 1905, khi chiến tranh Nga - Nhật vừa kết thúc, đã nổ ra cuộc cách mạng dân chủ tư sản Nga lần thứ nhất, do Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga lãnh đạo.

(2) Nguyễn Quốc Hùng, *Cuộc cách mạng 10 ngày làm rung chuyển thế giới - Những giá trị xuyên thế kỷ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 21 - 44

https://tieulun.hopto.org

giới lần thứ nhất bùng nổ; các nước - không chỉ châu Âu mà cả các dân tộc thuộc địa ở các châu lục - đều có thể tranh thủ và ráo riết chuẩn bị trực tiếp cho một cuộc cách mạng giải phóng. Bởi chiến tranh thế giới lần thứ nhất không chỉ tác động trực tiếp trên khắp các chiến trường châu Âu, mà còn tác động không nhỏ đến nhiều châu lục khác, kể cả các nước chính quốc và hệ thống thuộc địa.

Nước Pháp tham gia cuộc chiến ngay từ đầu và là một trong những chiến trường chính của chiến tranh ở châu Âu; nơi đây diễn ra nhiều trận đánh khốc liệt với những tổn thất lớn về sức người sức của. Bởi vậy tất yếu nước Pháp sẽ lôi kéo các thuộc địa vào vòng chiến.

Thuộc địa của Pháp cho đến thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất có ở châu Phi và miền viễn Đông, trong đó có 6 thuộc địa lớn là Đông Dương, Madagascar, Maroc, Sudan, Tunisie, Congo. Các thuộc địa ở Bắc Phi rất gần với chính quốc nên việc cung ứng sức người đã diễn ra từ sớm và suốt những năm chiến tranh. Thuộc địa Đông Dương gồm 5 xứ, có khoảng 25 triệu dân với nguồn tài nguyên khoáng sản, lương thực thực phẩm hết sức dồi dào; Pháp đã huy động cả sức người và sức của từ Đông Dương cung cấp cho chiến tranh.

Ở Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh, để giữ thuộc địa, chính quyền thực dân đã thi hành chính sách mới nới rộng độc quyền, tạo điều kiện cho nhiều

https://tieulun.hopto.org

bộ phận tư bản chính quốc và bản xứ hoạt động thuận lợi hơn; nhưng mục đích chủ yếu của chính sách ấy là vơ vét sức người sức của từ Đông Dương để cung ứng cho chiến tranh.

Thuộc địa Đông Dương (chủ yếu là 3 xứ ở Việt Nam), đã phải cung ứng cho chiến tranh của Pháp 97.903 thanh niên, trong đó có 92.411 người đã bị đưa sang chiến trường châu Âu, 184.305.204 phrăng vàng, 268.433 tấn gạo, 18.756 tấn ngô, 10.758 tấn đường...[1]

Tổn thất quá lớn trong chiến tranh đã làm cho nước Pháp sớm phải khai thác sức đóng góp của thuộc địa, trong đó Đông Dương tỏ ra là nơi cung cấp nguồn nhân lực cả lính thợ và lính chiến rất dồi dào. Ngay từ năm đầu chiến tranh, Pháp đã phải tuyển mộ người thuộc địa, nhưng chủ yếu từ năm 1915 cho đến khi chiến tranh kết thúc (thậm chí khi chiến tranh đã chấm dứt, năm 1919 vẫn có hàng trăm người thuộc địa phải từ bỏ quê hương để sang chính quốc). Số lao động Đông Dương sang Pháp trong các năm 1915 - 1919 là 48.981 người (cụ thể: năm 1915: 4.631 người, năm 1916: 26.098 người, năm 1917: 11.719 người, năm 1918: 5.806 người, năm 1919: 727 người). Số lao động trên đây được tổ chức thành các tiểu đoàn "Thợ không chuyên" (ONS -

---

(1) Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2001 tr. 382

https://tieulun.hopto.org

ouvriers non spécialistes) và được giao cho Văn phòng Lao động thuộc địa (Service des Travailleurs coloniaux) quản lý[1].

Ở Trung kỳ, chính quyền thuộc địa tuyển mộ lính thợ và lính chiến ngay từ đầu cuộc chiến. Đến năm 1915, lính tuyển mộ được biên chế vào Tiểu đoàn 16 được gọi là tiểu đoàn lính tập tình nguyện, được triều đình An Nam động viên cả những người trong các gia đình hoàng tộc và họ hàng các quan chức cao cấp của triều đình tham gia. Chính quyền thuộc địa cũng tăng thêm khoản tiền thưởng khi đăng lính nhằm quảng bá cho việc tuyển mộ nhanh hơn; từ đó có thể lôi kéo thêm nhiều người gia nhập đội quân làm thuê, đánh thuê cho chính quốc. Tiểu đoàn 16 trở thành đơn vị điển hình và dự kiến đưa sang chiến trường Pháp vào tháng 5/1916, nhưng phải thay đổi nhiều lần lịch di chuyển và phải dùng nhiều "khoản tiền thưởng đăng lính" để giữ chân họ mới có thể có quân đưa đi được[2]. Mặc dù được tuyển mộ như vậy, nhưng đây cũng là đơn vị đã có nhiều người tham gia cuộc vận động khởi nghĩa do Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhà vua yêu nước Duy Tân lãnh đạo - đó là

---

(1) Theo Pierre Daum, *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1945) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên* (Trần Hữu Khánh dịch), Nxb Tri thức, 2014.

(2) *Người lính Việt trong Thế Chiến thứ nhất*, dẫn theo http://www.baomoi.com/nguoi-linh-viet-trong-the-chien-thu-nhat-1/c/12312330.epi

https://tieulun.hopto.org

điều hết sức độc đáo mà chính quyền thực dân không thể giải thích nổi.

Như vậy trong thời gian chiến tranh, chính sách vơ vét sức người sức của từ thuộc địa đưa sang chiến trường châu Âu đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc. Lực lượng dân tộc ở Việt Nam trong phong trào đấu tranh chống thực dân và tay sai lúc này (như tổ chức Việt Nam Quang Phục hội, Hội kín Nam kỳ...) đã nhanh chóng phục hồi và phát triển, đã nhận thức rõ cơ hội thuận lợi đang đến và họ ra sức chuẩn bị cho những kế hoạch hành động.

Phong trào dân tộc Việt Nam trước cơ hội mới

Việt Nam Quang Phục hội là tổ chức yêu nước được thành lập từ giữa năm 1912 do ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi theo chủ xướng của lãnh tụ Phan Bội Châu và những người yêu nước theo xu hướng bạo động chống Pháp. Trước khi chiến tranh thế giới nổ ra (1912 - 1914), Việt Nam Quang Phục hội đã phát triển nhanh hội viên ở cả trong và ngoài nước, bao gồm nhiều thành phần tham gia, đặc biệt là ngoài những sĩ phu yêu nước và các nghĩa quân, còn có cả một bộ phận những binh sĩ Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp, nhờ đó Việt Nam Quang Phục hội đã tổ chức những hoạt động "kinh thiên động địa". Ngày 19/4/1913 nhóm hội viên trong nước của Việt Nam Quang Phục hội thi hành

https://tieulun.hopto.org

các bản án viết sẵn đối với Toàn quyền Đông Dương và những tên ác ôn tay sai khét tiếng như Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn, đã ném tạc đạn giết tên ác ôn Nguyễn Duy Hàn ở Thái Bình. Ngày 26/4/1913 một nhóm khác lại đánh bom vào khách sạn Tràng Tiền ở Hà Nội, giết chết 2 sĩ quan Pháp... Những cuộc ám sát cá nhân ấy gây cho địch nhiều hoang mang, nhưng liền đó chúng đã tập trung đánh phá Việt Nam Quang Phục hội. Hàng trăm người yêu nước bị bắt bớ giam cầm, 7 hội viên tích cực của Việt Nam Quang Phục hội ở Bắc kỳ bị xử tử hình, các cơ sở trong và ngoài nước bị vỡ lở. Đầu tháng 1/1914 đến lượt Phan Bội Châu và Cường Để bị bắt, Việt Nam Quang Phục hội đến đây tan rã về tổ chức và lực lượng, bất lực về con đường cách mạng bạo động[1].

Nhưng khi chiến tranh thế giới nổ ra, những người còn lại của Việt Nam Quang Phục hội tập hợp lại dưới sự lãnh đạo của Hoàng Trọng Mậu, Đặng Tử Kính, Nguyễn Thượng Hiền và tiếp tục hoạt động nhằm tranh thủ viện trợ của các nước để tiến tới chuẩn bị một số cuộc bạo động chống Pháp dọc vùng biên giới Việt Nam. Đầu năm 1915 thông qua một số hội viên Việt Nam Quang Phục hội là các cơ sở nội tuyến trong binh lính, họ đã xây dựng kế hoạch tấn công các đồn binh Pháp dọc biên giới Việt - Trung. Ngày 13/3/1915,

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 47 - 48.

https://tieulun.hopto.org

lực lượng Việt Nam Quang Phục hội đồng loạt nổ súng ở Tà Lùng, Móng Cái, Hà Khẩu và các cứ điểm nhỏ khác dọc đường Cao Bằng - Lạng Sơn; cùng lúc hơn 100 quân ăn mặc đồng phục có phù hiệu "Việt Nam Quang Phục quân" tập kích đồn Tà Lùng đã ném tạc đạn và mìn làm sập các nhà trại, làm một số binh lính Pháp bị thương(1). Một số địa phương có cơ sở của Việt Nam Quang Phục hội được khôi phục đã tích cực hoạt động tổ chức bạo động như: tấn công đồn binh Pháp ở Nho Quan (Ninh Bình) và đột kích đồn binh Pháp ở Lục Ngạn (Bắc Giang) tháng 10/1914, đánh úp tỉnh lỵ Phú Thọ tháng 1/1915, kế hoạch đánh Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Khẩu năm 1915, phá ngục Lao Bảo tháng 9/1915, đột kích đồn Pháp ở Bát Xắc (Lào Cai) tháng 8/1916, Đồng Văn (Hà Giang) tháng 3/1917...(2)

Trong khi đó ở Nam kỳ từ những năm 1910 - 1911, các hội kín phát triển, phổ biến nhất là Thiên Địa hội; đó là các tổ chức tương tế của các tầng lớp quần chúng, mang mầu sắc tôn giáo, hoạt động theo xu hướng và nguyện vọng riêng của mình nhưng cùng chung mục tiêu đề cao tinh thần yêu nước, chống chế độ thuộc địa. Nổi bật nhất là tổ chức Hội kín của Phan Phát Sanh khi thủ lĩnh này nhận là dòng dõi "nhà Trời", xưng là "Phan Xích Long Hoàng Đế", lập căn cứ ở Thất Sơn (Châu

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 62 - 63.

(2) Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Sđd, tr. 195 - 196.

https://tieulun.hopto.org

Đốc) và gây dựng lực lượng, chuẩn bị cho những hoạt động chống Pháp. Trước chiến tranh thế giới, phong trào Hội kín Nam kỳ hoạt động khá mạnh ở cả thành thị và nông thôn với những cuộc rải truyền đơn, ném tạc đạn, trừng trị cảnh cáo bọn ác ôn cường hào, những cuộc biểu tình từ nông thôn kéo vào các thành thị biểu dương lực lượng... Ngày 28/3/1913, Hội kín tổ chức tấn công vào Sài Gòn - Chợ Lớn; quân Pháp đã đàn áp và bắt được thủ lĩnh Phan Xích Long cùng nhiều người khác đưa đi tù đày... Tuy bị đàn áp rất khốc liệt, nhưng các Hội kín ở Nam kỳ vẫn tồn tại[1].

Khi chiến tranh thế giới bùng nổ, phong trào Hội kín Nam kỳ tiếp tục phát triển lan rộng, có tới 70 - 80 tổ chức Hội kín, mạnh nhất là ở Biên Hòa, Bến Tre, Châu Đốc... Các Hội kín đã làm bùng nổ những cuộc bạo động như: bạo động vũ trang chống việc tuyển mộ lính ở Trà Vinh (20/1/1916), phá trụ sở tuyển mộ lính ở Biên Hòa (23/1/1916), tù nhân nổi dậy phá ngục ở Biên Hòa (25/1/1916), Hội kín nổi dậy ở Tây Ninh (2/1916), Hội kín vũ trang tấn công đồn Ô Cấp ở Bà Rịa (2/1916), Hội kín Nghĩa Hòa bao vây vũ trang giải thoát thanh niên bị tuyển mộ lính ở Mỏ Cày Bến Tre (2/1916), Hội kín đột nhập phá Khám Lớn ở Sài Gòn cứu thủ lĩnh Phan Xích Long (15/2/1916)...[2]

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 58.

(2) Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Sđd, tr. 200 - 202.

https://tieulun.hopto.org

Như vậy trước những điều kiện lịch sử mới khi chiến tranh thế giới nổ ra, khi các thuộc địa của Nga Hoàng đã tận dụng cơ hội của chiến tranh theo cách "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng", thì ở Đông Dương cũng có nhiều lực lượng yêu nước nhận thức đúng thời cơ của chiến tranh đế quốc, đã nuôi những âm mưu khởi nghĩa theo con đường bạo động và thực hiện những hành động quả cảm nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ của lịch sử: đứng lên chống đế quốc thực dân Pháp giành lại độc lập tự do và giải phóng dân tộc.

Việt Nam Quang Phục hội chớp thời cơ chiến tranh

Trong số những lực lượng yêu nước ấy, lực lượng Việt Nam Quang Phục hội tuy không còn tổ chức và lãnh đạo như trước, nhưng đó vẫn là lực lượng đông, có nhiều người tâm huyết với sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhận thức rõ cơ hội lớn và ráo riết tập hợp về tổ chức, xây dựng nhiều lực lượng khởi nghĩa trên nhiều địa phương thuộc Bắc kỳ và Trung kỳ. Tại Trung kỳ, một số thành viên còn lại của Việt Nam Quang Phục hội như Thái Phiên, Trần Cao Vân đã thiết thực nắm lấy thời cơ mới khi vận động một cuộc khởi nghĩa rộng lớn.

Cuộc khởi nghĩa rộng lớn ấy cần những điều kiện gì? Lấy thực tế khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, hay thực tế khởi nghĩa tháng Tám 1945

https://tieulun.hopto.org

sau này làm cơ sở, sẽ thấy những vấn đề chính yếu đặt ra cần và đủ cho việc tổ chức vận động khởi nghĩa, trước hết là cho những người lãnh đạo khởi nghĩa, gồm:

- Xác định đây là cuộc khởi nghĩa vũ trang của toàn dân tộc hay là cuộc bạo động của lực lượng vũ trang?
- Khởi nghĩa hay bạo động nhằm mục đích và mục tiêu gì (trước mắt và lâu dài)?
- Những lực lượng nào là lực lượng chính yếu tham gia vào quá trình chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa?
- Chuẩn bị cho khởi nghĩa là chuẩn những gì và diễn ra trong quá trình như thế nào?
- Khi nào thì khởi sự và những điều kiện cần và đủ cho thời cơ chín muồi là gì?

Khi tổ chức cuộc vận động khởi nghĩa, các lãnh đạo Thái Phiên, Trần Cao Vân có Vua Duy Tân tham chính, đã nhạy bén nhận thức đúng thời cơ chung (như ở nước Nga và ở nhiều nơi trên các xứ của thuộc địa Việt Nam), đã tiến hành một cuộc vận động lớn để tiến tới khởi nghĩa lớn trên phạm vi rộng của Trung kỳ. Các nhà tổ chức vận động này có giải quyết những vấn đề cần và đủ cho cuộc khởi nghĩa không? Họ đã giương lên ngọn cờ nào để lãnh đạo phong trào dân tộc?

https://tieulun.hopto.org

Thực ra ở những thời điểm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khó mà đòi hỏi các nhà yêu nước Việt Nam có tầm nhìn và khả năng lãnh đạo như những nhà cách mạng đương thời ở nước Nga xa xôi kia. Kể cả khi tổ chức Việt Nam Quang Phục hội của lãnh tụ Phan Bội Châu có phục hồi được như ban đầu đang mô phỏng theo con đường cách mạng Tân Hợi (tháng 6/1912), cũng khó đòi hỏi nhà chí sĩ Sào Nam và các đồng chí của ông vượt qua được giới hạn của dân tộc, giai cấp và thế hệ, để làm nên một cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 2/1917 (như kiểu Cách mạng dân chủ tư sản Nga do Đảng Bônsêvích lãnh đạo trong chiến tranh). Huống chi thực tế ở Trung kỳ cũng như trên toàn bộ Việt Nam trong suốt thời gian chiến tranh thế giới lúc ấy, chỉ là sự hồi phục hoạt động của một số người không phải yếu nhân của Việt Nam Quang Phục hội, đã cố gắng tạo ra được về danh nghĩa của một tổ chức yêu nước để vận động khởi nghĩa (và cũng chỉ có thể đến thế mà thôi).

Đối chiếu với thực tế quá trình vận động tổ chức khởi nghĩa năm 1915 - 1916, những người lãnh đạo cuộc vận động đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra về mục đích cuộc khởi nghĩa, về lực lượng khởi nghĩa, về kế hoạch khởi sự... Song vấn đề nào cũng chưa có những xác định rõ ràng và chính xác, chưa có nhận chân đúng về lực lượng khởi nghĩa cũng

https://tieulun.hopto.org

như toàn bộ việc chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang đích thực của một thuộc địa muốn giải phóng.

Mặc dù những cố gắng chuẩn bị khởi nghĩa của những nhà yêu nước Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất khó mà có kết quả, khởi nghĩa khó nổ ra được và không thể thành công...; nhưng cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân có vua Duy Tân tham gia tổ chức lãnh đạo, vẫn là một điển hình của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX, là một trong những minh chứng cụ thể của việc chớp thời cơ đấu tranh giải phóng dân tộc khi chiến tranh đế quốc nổ ra.

* * *

Không bỏ lỡ thời cơ, nhưng cũng không thể đáp ứng được yêu cầu của thời cơ khi chiến tranh thế giới nổ ra, cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 đã kết thúc khi chưa nổ ra được khởi nghĩa và bị thực dân Pháp bóp chết từ trong trứng nước, các lãnh tụ của cuộc vận động bị bắt, bị giết hại và tù đày, nhiều nghĩa quân bị bắt bớ giam cầm và sát hại. Kết cục ấy không chỉ là của riêng cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916, mà đã trở thành kết cục chung của nhiều mưu tính và cuộc bạo động xảy ra trước đó, ngay cả cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra sau đó một năm cũng không khác được.

https://tieulun.hopto.org

Sự thất bại chung ấy đặt ra cho phong trào dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX nói riêng, phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa nói chung một kinh nghiệm xương máu về vận động chuẩn bị khởi nghĩa khi thời cơ đến; và quá trình ấy chỉ có thể thực sự bắt đầu với điều kiện phải có một tổ chức chính trị có đường lối cách mạng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đáp ứng đúng nhiệm vụ lịch sử của dân tộc để lãnh đạo nó đúng như quy luật của khởi nghĩa và chiến tranh đòi hỏi về "một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục tiêu nghiêm túc"(1). Soi vào thực tế phong trào dân tộc sau đó, nhất là thời kỳ trước và trong chiến tranh thế giới lần thứ hai (1930 - 1945), càng cho thấy bài học của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 có giá trị lịch sử sâu sắc biết chừng nào.

(1) Các Phôn Clausevit, *Bàn về chiến tranh*, phần I, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1981, tr. 53.

https://tieulun.hopto.org

6

LỰC LƯỢNG THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

Cho đến khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra và xem tất cả các cuộc vận động khởi nghĩa và khởi nghĩa nổ ra trong suốt thời gian ấy (1914-1918), không có cuộc mưu khởi nào có thể tụ họp được lực lượng đông đảo, đa dạng như cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916. Thông qua thành phần tham gia cuộc mưu khởi, có thể nhận ra đây là cuộc vận động phản ánh rõ nhận thức mới của người tổ chức lãnh đạo về sức mạnh của tinh thần đoàn kết các tầng lớp yêu nước trước thời cơ mới của phong trào dân tộc.

Thành phần lực lượng tham gia cuộc mưu khởi gồm nhiều bộ phận: Vua, quan lại, các chỉ huy quân sự của triều đình nhà Nguyễn; sĩ phu và nghĩa sĩ từng tham gia phong trào vũ trang Cần Vương thế kỷ XIX; những

https://tieulun.hopto.org

cựu tù chính trị từ Côn Đảo từng tham gia phong trào Duy Tân; những thành viên của Việt Nam Quang Phục hội. Ngoài ra, lực lượng khởi nghĩa còn quy tụ được nhiều binh lính triều đình với binh lính thuộc Pháp như lính khố đỏ, khố xanh, liên kết giữa sĩ phu Hán học với những trí thức tân học, một lực lượng quần chúng rộng rãi cũng được vận động, tổ chức và sẵn sàng nổi dậy cùng binh lính vũ trang...

* * *

Vua và các quan lại, chỉ huy quân sự trong triều

Người cần được nói tới đầu tiên trong vai trò lãnh đạo tối cao của cuộc mưu khởi là vua Duy Tân, người đã đi đến cuộc khởi nghĩa với ý chí và quyết tâm ngay từ đầu. Vua đã chủ động lựa chọn phối hợp với lực lượng nghĩa quân. Ý định đó đã có ngay từ khi Vua lên ngôi thay vua cha Thành Thái. Điều này có thể thấy được qua một số tư liệu sau:

Theo lời khai của Nguyễn Văn Siêu (một trong những người lãnh đạo mưu khởi) với Pháp cho biết, trong một lần, Thị vệ Đề (Tôn Thất Đề) cho Nguyễn Văn Siêu biết rằng "Hoàng Thượng rất biết coi trọng những người có khả năng và rằng sẽ có tuyển dụng vào khoảng cuối năm, để chọn lựa những người đủ năng lực nhằm khôi phục lại đất nước, đồng thời có thể bảo vệ

https://tieulun.hopto.org

Hoàng Thượng khi ngài xuất cung. (...). Từ lâu Hoàng Thượng đã nuôi chí khôi phục vương triều, ngài đã giao phó cho ông ta việc tìm kiếm những con người có đủ khả năng như thế, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm được"[1].

Theo dõi cuộc gặp gỡ ban đầu giữa vua Duy Tân và Thái Phiên, chúng ta cũng nhận thấy tâm ý của nhà vua trẻ. "Từ khi Trẫm lên ngôi, Trẫm cảm thấy nhiều bất bình. Trẫm biết các khanh là bầy tôi trung thành, là những thần dân có ý nguyện khôi phục đất nước. Vậy bao giờ các khanh sẽ khởi sự để khỏi bỏ lỡ mất cơ hội thuận lợi này?" (Thái Phiên trả lời): "Nếu Bệ Hạ muốn vậy, chúng thần sẽ cố gắng hết sức để chuẩn bị cuộc khởi nghĩa, nhưng chúng thần nghĩ phải hoãn lại đến tháng tư hoặc tháng năm âm lịch để mọi việc được sẵn sàng". (Vua nói thêm): "Phải gấp lên, vì Trẫm còn phải đi Cửa Tùng chưa biết ngày nào về". (Thái Phiên): "Xin Bệ hạ ở lại Hoàng Cung, chớ có đi xa". Sau đó Vua Duy Tân ra lệnh cho Thái Phiên chuẩn bị cuộc khởi nghĩa, đồng thời chờ chiếu chỉ của Vua..."[2].

Những tư liệu này chứng tỏ người lãnh đạo cao nhất của cuộc mưu khởi đã xác định tâm ý của mình trước khi quyết định tin tưởng và hành động cùng những người khởi nghĩa. Mặt khác, có thể lý giải thêm như

(1, 2) Lưu Anh Rô, "Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân", *Tạp chí Non nước,* số 220, Đà Nẵng tháng 3/2016.

https://tieulun.hopto.org

nhận định của Huỳnh Thúc Kháng, vua Duy Tân đứng lên chống Pháp không chỉ vì tinh thần yêu nước, thương dân mà còn ở truyền thống gia đình. Cụ Huỳnh viết: "Thực tế, một dân tộc hấp thụ Khổng giáo đã mấy trăm đời, luân lý in sâu vào trong não mọi người, nhất là cái luân lý cha con, cha con do huyết thống di truyền chứ không phải do sức người kiết hợp, dầu cho kẻ ngu dại dến bậc nào cũng nhận đạo nghĩa trong cha con là kính trời nghĩa đất.

Quân Pháp không hiểu hay không muốn hiểu chỗ tâm lý đó, nên có cuộc "đày cha lập con" như trên. Theo tâm lý chung, dầu vị vua nhỏ tuổi (lúc lập vua Duy Tân mới 13 tuổi), ở trong buồng kín lại không tiếp xúc với dân chúng, song sĩ phu thức giả đều đoán được là ông vua ấy thế nào cũng bị lương tâm cắn rứt mà không xem ngai vàng kia là của quý hơn cái nhục cha mình bị đày"(1).

Sự xuất hiện của vua Duy Tân trong cuộc mưu khởi đã khích lệ tinh thần đấu tranh của nhiều nhân vật trong triều đình. Trong đó, có nhiều người đã gia nhập hàng ngũ lãnh đạo, giữ những vị trí quan trọng trong kế hoạch của cuộc mưu khởi tuy họ không phải là nhóm quan lại bậc cao trong triều lúc bấy giờ, khi nhóm này

---

(1) Huỳnh Thúc Kháng, "Cuộc khởi nghĩa Duy Tân", *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn* (Nguyễn Q. Thắng tuyển chọn), NXB Văn học, 2006, tr. 678.

https://tieulun.hopto.org

đã gần như bị lệ thuộc vào sự cai quản của Tòa Khâm sứ Pháp. Thậm chí họ đã từ chối yêu cầu của vua Duy Tân về việc xét lại vai trò, quyền lực của triều đình trong nội dung Hiệp ước 1884[1].

Những người tiêu biểu của cuộc mưu khởi là Đoàn Bổng, một thư lại bộ Hộ, sống tại đường Đông Ba (Huế), là người phụ trách chung về lực lượng khởi nghĩa tại Huế. Nhà của ông cũng là nơi diễn ra Đại hội lần thứ nhất để quyết định khởi nghĩa. Một số vị chức sắc đương quyền khác cũng tham gia khởi nghĩa như Quan Đề Phú, Quan Thống Biểu. Ở các làng quê, hương chức đương vụ hay nghỉ hưu cũng bí mật chuẩn bị những vật dụng, tài chính, vũ khí sẵn sàng nổi dậy như lực lượng ở các làng Văn Thê, Thanh Lam, An Lưu, Diên Đại, Hà Trung miệt Phú Vang, An Hòa, An Cựu, Phát Lát Hương Thủy, Hương Trà. Tiêu biểu trong số này có Nguyễn Thượng Trung (Quan Tá Trung), cựu tá lý bộ Binh, ông đã bí mật vận động nhiều chức sắc thành lập "Quế viên thương mãi hội" ở vùng phụ cận Huế, cũng là người trực tiếp chỉ huy dân binh hội quân tại Sông Hương đêm ngày 3, rạng sáng ngày 4/5/1916. Hai thành viên chủ chốt khác, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu là những người phụ trách đội thị vệ hoàng cung, chuyên bảo vệ nhà vua. Hai người đã đóng vai trò liên lạc và kết nối vua Duy Tân với Thái Phiên và

---

(1) Nguyễn Trương Đàn, *Vua Duy Tân 1916*, Nxb Văn học, 2014, tr. 25.

https://tieulun.hopto.org

Trần Cao Vân. Nguyễn Quang Siêu còn được vua Duy Tân phong nhiệm vụ Phó Tổng chỉ huy, hiệp cùng Thái Phiên phụ trách tấn công kinh thành, trực tiếp chỉ huy ngự lâm quân và cận vệ hoàng cung. Bên cạnh đó là thị vệ Vương Đức Tuyên, thị vệ Lê Đình Thưởng, những người cũng đã xuất hiện bên cạnh vua Duy Tân ngay khi Vua tiếp xúc với Thái Phiên và cũng là người cùng Tôn Thất Đề tháp tùng Vua ra khỏi cung để chuẩn bị khởi nghĩa. Ngoài ra, theo lời khai của Tôn Thất Đề, những chỉ huy quân sự và thị vệ hoàng cung được vua Duy Tân ủy thác nhiệm vụ từ sớm còn có những người như: Hiệp lãnh Kiểm, Thị vệ Ngạn, Thị vệ Đức và đội bảo an thuộc cận vệ hoàng gia[1].

Nhiều chỉ huy binh lính người Việt cũng đã trở thành một phần của ban lãnh đạo khởi nghĩa. Trong đó có những người tiêu biểu như Phạm Thanh Chương (Phạm Thành Xương), con trai Phạm Như Xương, một lãnh tụ trong Nghĩa hội Quảng Nam), người được phân công vẽ bản đồ các điểm đóng quân của Pháp, kiểm tra giám sát và phụ trách các cơ sở sản xuất vũ khí cũng như vận chuyển vào kinh thành; anh em Lê Cảnh Hàn (Lê Cảnh Thái, Lê Châu Hàn), Lê Cảnh Vận, là những người con trai của Phó đô ngự sử, Triều liệt đại phu, Thị độc học sĩ Lê Hữu Khánh. Hai anh em gia nhập nghĩa quân và được giao những nhiệm

(1) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 125.

https://tieulun.hopto.org

vụ quan trọng khi người anh chỉ huy lính khố đỏ (lính mộ) đánh Tòa Khâm và người em điều động quân triều đình chiếm đồn Mang Cá để nhanh chóng làm chủ tình hình trong cuộc khởi nghĩa. Sát cánh cùng họ là những chỉ huy khác như Đặng Khánh Khải, Trần Đại Trinh (lính tập), Lại Hà (thất phẩm). Lực lượng cảnh sát bảo an cũng được vận động với Đội Kinh (tức Lê Viết Kinh), trưởng trạm cảnh sát tại Huế, người được Trần Cao Vân phân công chỉ huy cánh quân phối hợp với lực lượng lính chiến tấn công đồn Mang Cá. Ngoài ra, nhà của vị đội trưởng này cũng là một cơ sở liên lạc tin cậy[1]. Cũng có một số chỉ huy tuy không là thành phần của khởi nghĩa nhưng đã im lặng trước người Pháp dù biết được kế hoạch như thất phẩm đội trưởng Tôn Thất Quyền, bát phẩm đội trưởng Võ Nhàn, cửu phẩm Mai Trí, Võ Ngô….

Tại Quảng Nam có Lê Đình Dương, một y sĩ điều trị tại Hội An, phục vụ trong quân đội Pháp. Người này không chỉ là người phụ trách khởi nghĩa tại Hội An mà còn là người đóng vai trò vận động thiếu tá Hermandas, chỉ huy lính Pháp tại Huế cùng tham gia khởi nghĩa. Sự tham gia của viên thiếu tá người Đức tại Huế (chỉ huy lính Pháp tại Huế) cũng tạo nên sự linh hoạt trong thành phần lãnh đạo, điều đó cũng chứng

---

(1) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 210.

https://tieulun.hopto.org

tỏ việc khai thác mâu thuẫn giữa Pháp và Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất cũng được tính đến. Lê Thành Tài, một đồng chí của Thái Phiên cũng đã giữ vai trò quan trọng trong lực lượng của cuộc nổi dậy ở Quảng Nam. Ngoài ra, có những điều đặc biệt trong thành phần lãnh đạo và lực lượng của cuộc khởi nghĩa. Đó là sự xuất hiện đa dạng các nhân vật thuộc nhiều mối liên hệ về quyền lợi hay nhiều nền tảng giáo dục khác nhau. Tại Huế có Phan Hữu Khánh, một sinh viên tốt nghiệp trường Bá nghệ, người được đưa vào cung từ sớm để trở thành một kênh liên lạc với Vua Duy Tân, một số người là thông phán của Tòa Khâm, phủ Công sứ[1].

Các thành viên của Việt Nam Quang Phục hội

Về phía nhóm lãnh đạo thuộc Việt Nam Quang Phục hội, có Thái Phiên cùng Phan Hiên, là những người chịu trách nhiệm tiếp xúc ban đầu với các lực lượng phối hợp, đặc biệt là vai trò của Thái Phiên. Ngoài ra, Việt Nam Quang Phục hội cũng có lực lượng yểm trợ từ Thái Lan. Chúng ta cũng có thể tin rằng Bộ chỉ huy Việt Nam Quang Phục hội hải ngoại cũng sẽ có nhiều ý kiến trao đổi, chỉ đạo cùng Thái Phiên trong quá trình

---

(1) Trong những người này có Trần Quang Trứ (hay Nguyễn Đình Trứ), thông phán Tòa Khâm, người sau này phản lại cuộc khởi nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

bàn tính kế hoạch của cuộc khởi nghĩa. Ngay từ năm 1913, chính Thái Phiên là người đã phái Trịnh Mai qua Hương Cảng gặp Phan Bội Châu nhờ liên lạc với Trần Hữu Lực đang ở Thái Lan hỗ trợ[1].

Thái Phiên là một người được biết đến từ sớm trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Năm 1906, khi tiếp xúc với Nguyễn Hàm và Phan Bội Châu, ngay lập tức, người thanh niên đang làm thông phán cho một xưởng buôn của người Pháp đã tạo được niềm tin từ cả hai vị lãnh tụ của phong trào Đông Du, nhất là Nguyễn Hàm, người đã sớm giao trọng trách cho Thái Phiên. Thái Phiên trở thành một đồng chí tâm đầu ý hợp của Nguyễn Hàm. Sau này, đến Đỗ Đăng Tuyển, người thay Nguyễn Hàm trong phong trào cũng hết sức tin tưởng người thanh niên làm thông phán ấy. Sau sự biến năm 1908, Nguyễn Hàm bị bắt, đày Côn Lôn, Đỗ Đăng Tuyển cũng bị bắt và đày Lao Bảo. Từ đó, vị trí của Nguyễn Hàm trong phong trào do Thái Phiên đảm nhận nhiều năm liên tục. Thái Phiên cũng đứng ra để nhận thầu khoán tại Quảng Ngãi, nhưng toàn bộ kinh phí thu được đều sử dụng cho phong trào. Năm 1904, Thái Phiên còn là người trực tiếp hướng dẫn dân chúng Đà Nẵng chống lại Gravelle, chủ chi nhánh ngân hàng

---

(1) Nguyễn Sinh Duy (2013), "Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916", *Quảng Nam những vấn đề lịch sử*, NXB Văn học, TP. HCM, tr. 187.

https://tieulun.hopto.org

Đông Dương tại Đà Nẵng khi ông này chiếm đất của dân. Thái Phiên còn kiện vụ án này lên đến Phủ Toàn quyền và giành thắng lợi.

Khi Duy Tân hội chuyển thành Việt Nam Quang Phục hội, Thái Phiên đóng vai trò quan trọng trong tổ chức Hội tại vùng Trung kỳ. Ông cũng là người tiến hành một quá trình vận động khởi nghĩa ngay từ năm 1912, khi Việt Nam Quang Phục hội ra đời. Trước đó, với vai trò phụ trách lực lượng Duy Tân hội trong nước, Thái Phiên đã luôn tích cực liên hiệp đồng chí, vận động tài chính cho cách mạng. Cũng từ sớm, Thái Phiên đã đưa vào tổ chức một số thành viên trong triều đình. Qua Phan Khôi, ta biết được hai người (nhưng không rõ tên), một người đang học trường Hậu bổ, một người làm bát phẩm bộ Công[1]. Đến năm 1912, khi Việt Nam Quang Phục hội được thành lập, Thái Phiên có lẽ cũng đã trù tính những kế hoạch lớn. Chính vì vậy, năm 1913, ngay khi các cựu tù chính trị trở về từ Côn Đảo, Thái Phiên đã tìm đến họ và mời tham gia tổ chức. Cũng trong năm này, Thái Phiên tìm cách bắt liên lạc với vua Duy Tân, cho lập nhiều thương quán rải rác ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, với mục đích "dĩ thương hợp quần"[2]; đồng thời Thái Phiên cùng đồng chí của mình

(1) Phan Khôi, "Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916", *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1936* (Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn), NXB Tri thức, Hà Nội, tr. 102.

(2) Nguyễn Sinh Duy, Sđd, tr. 189.

https://tieulun.hopto.org

không ngừng cố gắng liên kết và xây dựng lực lượng tại các địa phương.

Trên tờ *Sông Hương* năm 1936, Phan Khôi cho biết, một người đồng sự của Thái Phiên là Thông Hiên (Thông phán Hiên, Thái Phiên cũng được gọi là Thông Phiên), cũng là bạn đồng chí trong phong trào Đông Du, đã đứng ra nhận tội thay Thái Phiên và bị bắt, bị đày Côn Đảo(1). Sau này, năm 1914, có một người tên là Phan Hiên đã cùng với Thái Phiên liên lạc với Trần Cao Vân và những người trở về từ Côn Đảo(2). Có thể hai người này là một, khi Phan Hiên bị đày ra Côn Đảo cùng lúc với những yếu nhân của phong trào đấu tranh trong những năm 1904 - 1908, ông đã quen biết những người như: Trần Cao Vân, Nguyễn Sụy, Lê Ngung, Trương Bá Huy. Vì vậy, khi trở về đất liền, với cơ sở đó, Phan Hiên đã cùng với Thái Phiên bắt liên lạc và mời các yếu nhân này tham gia phong trào của Việt Nam Quang Phục hội.

Một điểm đáng chú ý là lúc bấy giờ Việt Nam Quang Phục hội đã chuyển hướng theo tính chất cộng hòa, những người thuộc phong trào Duy Tân thì có xu hướng xây dựng chế độ dân chủ. Nhưng cả hai nhóm đều bày tỏ mong muốn liên hiệp cùng vua Duy Tân trong khởi

---

(1) Phan Khôi, Sđd, tr. 101.

(2) Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 578.

https://tieulun.hopto.org

nghĩa. Trần Cao Vân, người đóng vai trò quân sư cho biết, trong một lần bàn luận với ông, Thái Phiên bày tỏ: "Tôi có nghe nói, cách đây hai năm, Hoàng Thượng của chúng ta phàn nàn việc chính phủ bảo hộ đã hạn chế rất nhiều quyền lực của ngài. Làm sao có cách liên lạc để chúng ta tâu lên Hoàng Thượng những kế hoạch của mình"(1). Điều này có nghĩa là Thái Phiên muốn nhân thái độ và mối quan hệ không tốt của vua Duy Tân với Pháp để trợ lực cho cuộc khởi nghĩa. Trong khi đó, theo Trần Cao Vân, việc mời vua Duy Tân tham gia còn là vì: "Chúng ta mong có sự đồng thuận của Hoàng Thượng, để họ không gọi chúng ta là quân nổi loạn"(2). Cũng lúc này, Trần Cao Vân nêu lên năm điều hệ trọng liên quan đến cuộc khởi nghĩa, trong đó có vấn đề thái độ đối với hệ thống quan lại nhà Nguyễn, chính phủ mới, người châu Âu, Nho giáo, Thiên Chúa giáo, mối quan hệ với dân chúng.

Trong lời khai của Thái Phiên, thực dân Pháp cũng chép: "Tôi có nói với ông Trần Cao Vân rằng, Đức Vua rất thông minh, nhưng Ngài không có quyền hành, nên từ lâu Ngài đã tỏ ra bất bình vì việc đó. Bây giờ có nhiều tin tốt lành từ bên ngoài, nhưng làm thế nào để báo cho Ngài biết, ngõ hầu chúng ta có thể tập hợp được mọi người? Ông Trần Cao Vân bảo tôi, lần trước học trò

---

(1) Lưu Anh Rô, tlđd.

(2) Lưu Anh Rô, tlđd.

https://tieulun.hopto.org

của ông cho biết Đức Vua rất muốn nước nhà được độc lập. Bây giờ, có lẽ ông ta phải đi Huế để có được những thông tin chính xác hơn. Khi trở về Đà Nẵng, ông cho tôi hay rằng, ông tìm được ở Huế một viên chức cung đình chịu đảm trách việc làm trung gian để liên lạc với nhà Vua"[1].

Như vậy có thể thấy rằng, Việt Nam Quang Phục hội đã tìm đến vua Duy Tân vì còn tin vào uy tín với nhân dân và tin vào tinh thần chống Pháp của vị vua trẻ. Chính vì vậy, họ đã cùng chấp nhận một giải pháp khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân, coi đó như là một điều kiện để dẫn đến sự thành công. Về ý của vua Duy Tân, Nguyễn Văn Siêu cho biết: "Trần Cao Vân nói, những người khởi nghĩa muốn chiếm lại vương quyền và thành lập nền cộng hòa, nhưng ý của ông ấy là muốn tái lập quyền lực tuyệt đối của nhà Vua và chỉ có Vua là lãnh đạo tối cao"[2]. Và khi ý định này được chuyển đến vua Duy Tân, Vua trả lời: "Trẫm cũng nghĩ như các khanh!" và gửi đến Trần Cao Vân. Vua Duy Tân đã theo sát quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, vua bí mật ban hành chiếu chỉ, cử người liên lạc trực tiếp, các giấy tờ liên quan đến khởi nghĩa được vua chấp thuận đóng ấn "Văn lý Mật sát", nhờ vậy, lòng dân tin tưởng, hăng hái, sôi nổi. Lực lượng được

---

(1) Lưu Anh Rô, tlđd.

(2) Lưu Anh Rô, tlđd.

https://tieulun.hopto.org

tập hợp từ nhiều địa phương, bao gồm nhiều bộ phận khác nhau, từ dư đảng Cần Vương đến chí sĩ Duy Tân, Đông Du và phú hào, lý trưởng, quan lại đều có người tham gia.

Sĩ phu và nghĩa sĩ từng tham gia phong trào Cần Vương thế kỷ XIX

Trần Cao Vân là một người rất nổi tiếng lúc bấy giờ trong vùng từ Quảng Nam đến Bình Định, Phú Yên. Cuộc đời hoạt động tranh đấu của ông có nhiều điểm đặc sắc. Trong thời điểm từ 1885 đến khoảng 1887, Trần Cao Vân cùng Võ Thạch, một người bạn giỏi võ đã đi nhiều vùng để giao du, tìm bạn đồng chí. Năm 1892, Trần Cao Vân vào Bình Định, mở trường dạy học và làm thầy địa lý, phong thủy. Tại Bình Định, Trần Cao Vân tìm đến Võ Trứ, cũng là một người giỏi, có nhiều khả năng về địa lý, phong thủy. Họ đã cùng khởi nghĩa năm 1898 tại Phú Yên với lực lượng gồm huyện Sơn Hòa (Phú Yên) và các dân tộc miền núi ở các huyện Đồng Xuyên. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng thất bại; Võ Trứ bị tử hình, Trần Cao Vân bị giam 11 tháng. Năm 1900, Trần Cao Vân về lại Bình Định, truyền bá thuyết *Trung Thiên dịch*, gây dựng một phong trào quần chúng trên tinh thần quy tụ những tín đồ. Người theo rất đông, khiến thực dân Pháp lo lắng. Trần Cao Vân lại bị bắt và bị ba năm khổ sai, sau giam tại Quảng Nam, ra tù năm 1907. Năm 1908, Trần Cao Vân bị bắt,

https://tieulun.hopto.org

đày ra Côn Đảo chung với những chí sĩ Duy Tân và về lại đất liền năm 1913.

Như vậy, trải qua thời gian hoạt động với nhiều vị trí khác nhau, với tài năng Nho học, số, lý, hóa, pháp, Trần Cao Vân tạo nên hình ảnh của một người có khả năng "cứu nhân độ thế", thu hút sự ủng hộ của quần chúng về phía mình. Ngoài ra, với việc tham gia các phong trào đấu tranh từ giai đoạn Cần Vương đến giai đoạn Duy Tân, Đông Du, rồi hai lần bị tù tội, bị đày Côn Đảo, Trần Cao Vân đã xây dựng được uy tín, ảnh hưởng lớn trong đội ngũ những người yêu nước lúc bấy giờ, ông cũng trở thành một người có vai trò như thủ lĩnh "tinh thần" trong quần chúng. Chính vì vậy, Thái Phiên đã tìm đến Trần Cao Vân như tìm một người vừa có đủ khả năng quyền biến, làm quân sư phối hợp trong cuộc khởi nghĩa, vừa có đủ khả năng và uy tín để quy tập lực lượng, đặc biệt là sự ủng hộ, tin tưởng của quần chúng.

Tại Quảng Trị có sự tham gia của Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngô... Khóa Bảo là người chịu trách nhiệm vận động, tập hợp và phụ trách các đội dân chúng tự vệ tại Quảng Trị tham gia cuộc khởi nghĩa, tạo nên sức mạnh quần chúng. Có tài liệu còn cho rằng Khóa Bảo là người của Việt Nam Quang Phục hội từ trước, sớm tiếp xúc với vua Duy Tân trong những lần Vua ra Cửa Tùng và cùng

https://tieulun.hopto.org

trao đổi về thời cuộc, đời sống nhân dân với Vua[1]. Điều này chưa tìm thấy các tư liệu chứng thực, nhưng cũng cho thấy một phần vai trò của Khóa Bảo trong cuộc mưu khởi.

Những cựu tù chính trị từng tham gia phong trào Duy Tân

Bên cạnh đó, sự kết tập ban đầu của Thái Phiên còn chú ý đến những cựu tù chính trị từ Côn Đảo, đó là những người như Lê Ngung, Trương Bá Huy, Nguyễn Sụy - những yếu nhân tham gia phong trào Duy Tân ở các địa phương. Nguyễn Sụy là bạn phong trào của Phạm Cao Chẩm, Nguyễn Tuyên, Lê Khiết trong phong trào Duy Tân tại Quảng Ngãi; Trương Bá Huy là người nhiệt tình trong các phong trào của Huỳnh Thúc Kháng, Lê Bá Trinh, thường diễn thuyết tại các trường học ở Hà Lam, Phước Bình, Chiên Đàn, bị kết án cùng Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Phan Châu Trinh, Lê Bá Trinh, Nguyễn Hàm. Ở những người này tinh thần yêu nước đã từng được chứng tỏ trong phong trào năm 1908, được rèn luyện, trưởng thành trong "trường học thiên nhiên" Côn Đảo. Hơn ai hết, họ sẽ là những người mà một cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội cần đến. Ngoài ra, ảnh hưởng của phong trào Duy Tân trước đây trong nhân dân sẽ lại tiếp tục được dấy lên với những lãnh tụ cũ của nó.

---

(1) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 21, 29, 43, 268.

https://tieulun.hopto.org

Sự kết hợp này là một điều đặc biệt, cũng là sự phát triển tất yếu trong phong trào cách mạng Việt Nam. Nếu trước đây, phe "minh xã" của Phan Châu Trinh và phe "ám xã" của Phan Bội Châu đã từng công kích nhau, họ chỉ "gặp" được nhau khi cùng lên máy chém hoặc cùng ra Côn Đảo vào thời điểm 1908. Giờ đây, qua những biến động, họ đã tìm đến nhau trong một điều kiện mới, cùng hướng đến một cuộc khởi nghĩa mang tính chất quốc gia rộng rãi. Tại đại hội thứ hai tại Cầu Cháy, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập gồm Thái Phiên (chủ tịch), Trần Cao Vân (quân sư), Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung...

Nghĩa quân và quần chúng Quảng Nam còn có sự lãnh đạo của Phan Thành Tài, Đỗ Tự - tú tài, Lê Cơ - lý trưởng, nhân sĩ Duy tân, Trương Bá Huy (tú tài, cựu tù Côn Đảo), Mai Dị (cử nhân), Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Lê Văn Bính, Ông Văn Long; Quản Thái (Quản đội Hội An), Thẩm Tường Vân (một người gốc Hoa) và Út Pem tại Tam Kỳ. Một nhân vật đặc biệt quan trọng là Lê Ngung, tú tài, nhân sĩ Duy tân, cựu tù Côn Đảo đến từ Quảng Ngãi, người ngay từ đầu nhận trách nhiệm chính trong việc thảo kế hoạch của cuộc khởi nghĩa. Quảng Nam còn có những nhân sĩ hoặc cựu tù chính trị khác như Lê Triết, Nguyễn Thụy (Nguyễn Sụy, cử nhân), Nguyễn Nậm (hay Mậu), Phạm Cao Chẩm. Tại Quảng Bình có Nguyễn Chánh - một quan

https://tieulun.hopto.org

lại nhỏ; Đà Nẵng có Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh, Lê Tường, Trần Ngọc Đạm.

Trong khi đó, Thái Phiên tìm đến Trần Cao Vân và những sĩ phu, cựu tù chính trị Côn Đảo là tìm đến những người cùng một thế hệ mang trong mình hoài bão cứu nước theo những phương hướng mới. Họ bằng nhiều cách khác nhau đã tham gia tích cực vào cuộc vận động giải phóng, duy tân của dân tộc dưới ảnh hưởng của hai tinh thần lớn "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"(1) và "khai dân trí, thụ nhân tài"(2). Sự gặp gỡ của họ cho thấy rằng khi mục đích cứu nước được xác lập, khi chủ nghĩa dân tộc đã hình thành và phát triển, những con người có sự khác biệt về tính cách, địa vị thân phận, phương pháp hoạt động, thậm chí quan điểm chính trị vẫn có thể kết hợp cùng nhau trong một cuộc vận động chung khi đối diện với chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp và lực lượng quần chúng ứng nghĩa

Do những điều kiện lịch sử xuất hiện, cuộc khởi nghĩa được quyết định. Đến thời điểm tháng 9/1915, lực lượng của nghĩa quân đã được tập hợp và phát triển như sau:

---

(1) Quan điểm của Phan Châu Trinh.

(2) Quan điểm của Phan Bội Châu.

https://tieulun.hopto.org

Trong thời điểm quyết định khởi nghĩa ở Đại hội lần nhứ nhất (Huế, 9/1915), lực lượng quân sự được xác định chủ yếu tập trung tại Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trong đó, lực lượng tại Huế khoảng một ngàn lính[1] với các lực lượng như của Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu (với thân binh, thị vệ); Trần Quang Trứ, Phạm Thành Chương, Lại Hà; 300 lính Pháp do thiếu tá người Đức (Harmandes) làm nội ứng; Trần Đại Trinh, Đặng Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn (chỉ huy lực lượng lính tập). Ngoài ra, lực lượng khởi nghĩa còn hiệp đồng được với 3.000 lính được mộ sang Pháp đang kết tập ở đồn Mang Cá, sẵn sàng nổi dậy. Ngoài ra, bộ phận hải ngoại của Việt Nam Quang Phục hội sẽ có lực lượng tiếp ứng qua cửa biển Đà Nẵng khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Trước đó, Hội cũng đã chuyển một số lượng vũ khí về Việt Nam để vũ trang cho nghĩa quân.

Về cơ bản, lực lượng trong lúc này đã tập hợp được nhiều thành phần. Nhưng số lượng vẫn còn ít, đặc biệt là chưa tạo được lực lượng rộng ở các địa phương. Do đó ngay trong Đại hội lần thứ nhất, đã quyết định phải: "Cấp tốc vận động thêm binh lính hưởng ứng và tổ chức thêm đoàn ngũ dân chúng chờ đợi yểm trợ của khởi nghĩa"[2], bên cạnh các đội dân quân đã tập

---

(1) Thạch Phương, *Đất Quảng - những sự kiện đáng nhớ*, NXB Đà Nẵng, 2008, tr. 125.

(2) Lê Ước, *"Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài"*, Tập san *Sử - Địa* số 11, 1968 (Đại học Văn khoa Sài Gòn), tr. 84.

https://tieulun.hopto.org

hợp và sẵn sàng tham gia khởi nghĩa ở vùng phụ cận ngoài kinh thành và các đội cảm tử ở Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Trên tinh thần đó, từ năm 1915 đến 1916, Thái Phiên, Trần Cao Vân đã tìm kiếm việc kết nối các lực lượng. Trần Cao Vân với uy tín và ảnh hưởng của mình đã tích cực cùng các nhân sĩ tại địa phương tiếp tục vận động sự tham gia của dân chúng. Thái Phiên cùng Lê Cảnh Hàn còn ra đến Nghệ An để liên hệ với Nguyễn Thái Bạt (một người xuất dương trong phong trào Đông Du, giỏi về quân sự) để cùng hiệp sức. Địa bàn Quảng Trị được chú ý vì gần kinh thành, tại đây, nghĩa quân đã xây dựng được lực lượng binh lính của Quản Thiệu và dân chúng của Khóa Bảo. Sau một thời gian, trong Đại hội lần thứ hai tại Cầu Cháy (3/1916, làng Xuân Yên, Quảng Ngãi), nghĩa quân đã xác định lực lượng một cách rộng khắp và dự kiến phối hợp khởi nghĩa đồng thời trong nhiều địa phương. Các nơi như Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều có lực lượng tiếp ứng là các chỉ huy quân sự và dân chúng, bao gồm lính tập, lính mộ và các đội dân quân vũ trang. Trong kế hoạch khởi nghĩa nhận định "hoạt động trong thời gian ngắn, lực lượng đã bành trướng khắp các tỉnh Trung kỳ, riêng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi thì phải kiện toàn hơn cả"(1).

---

(1) Nguyễn Q. Thắng, Sđd, tr. 587.

https://tieulun.hopto.org

Đại hội diễn ra tại Cầu Cháy đã nhận định cụ thể lực lượng các nơi là:

"- Xét tổng quát, thực lực cách mạng cũng tạm đủ.

- Xét tại Huế: Đồn Mang Cá hiện có viên thiếu tá người Đức sẵn sàng hỗ trợ khởi nghĩa, với 1.000 lính mộ sẽ là lực lượng xung phong của cách mạng, nói mau, đây là lực lượng chính của khởi nghĩa. Còn 2.000 lính khố xanh, khố vàng sẽ là lực lượng hưởng ứng. Ngoài ra, tại các vùng thôn quê và ngoại ô Huế có thêm một số lớn quan lại viên chức và dân chúng tham gia giúp đỡ khởi nghĩa nữa.

- Xét tại Quảng Nam Quảng Ngãi: lực lượng Đảng mạnh mẽ hơn, cơ sở dân chúng kiên cố hơn hết. Vì vậy đại hội lấy hai tỉnh này làm chủ tịch trung kiên của khởi nghĩa.

- Tại Quảng Bình: chỉ có 3 đồng chí.

- Tại Quảng Trị: có Quản Thiệu và Quản Nghiên xuất lãnh lính khố xanh trợ lực, còn các tổ chức dân chúng thì đã có ông Khóa Bảo điều động.

- Tỉnh Bình Định: hàng ngũ binh sĩ và dân chúng chưa được mạnh lắm, nên ít trông cậy. Chỉ mong chờ hưởng ứng khởi nghĩa với Quảng Ngãi.

- Còn các tỉnh ở miền Nam như Phú Yên Khánh Hòa Khánh Thuận: lực lượng chẳng có bao nhiêu"[1].

---

(1) Lê Ước, Sđd, tr. 88.

https://tieulun.hopto.org

Với quá trình xây dựng lực lượng nghĩa quân như trên, địa bàn khởi nghĩa cũng được xác định một cách tương ứng. Trên thực tế khởi nghĩa đã không nổ ra nhưng với sự chuẩn bị của mình, nghĩa quân đã bố trí lực lượng tại các địa phương để cùng phối hợp với kinh thành.

Cuộc vận động khởi nghĩa tháng 5/1916 đã được chuẩn bị cùng lúc gần như trên khắp Trung kỳ, kéo dài từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, một số nơi khác cũng được chú trọng để cùng hưởng ứng với dân chúng và binh lính cảm tình.

Lực lượng khác

Theo nội dung Đại hội lần thứ nhất (tháng 9/1915) do Thái Phiên làm chủ tọa để bàn kế hoạch khởi nghĩa, khi phân công công tác cho mỗi người để gấp rút xúc tiến cuộc khởi nghĩa, sẽ thấy Nguyễn Thụy và Lê Đình Dương có nhiệm vụ giao thiệp với cố đạo ở Quảng Ngãi, thông qua đó mật giao với thiếu tá người Đức Légion Étrangère đang chỉ huy lính lê dương tại đồn Mang Cá, Huế.

Ngoài ra, cuộc khởi nghĩa sẽ có lực lượng từ Xiêm về tiếp sức. Theo kế hoạch, tại Xiêm sẽ đưa lực lượng Việt kiều Quang Phục quân và quân lính Đức về nước bằng đường thủy và sẽ đổ bộ lên Đà Nẵng. Lúc đó, hỏa lực tại tỉnh Quảng Nam do Phan Thành Tài, Đỗ Tư và Ông Văn Long điều động sẽ hiệp cùng lực lượng ở Đà

https://tieulun.hopto.org

Nẵng, quyết chiếm giữ Đà Nẵng để viện binh ở Xiêm về tràn vào đất liền và để mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ[1].

Những lực lượng này trong thực tế chưa thể tham gia vào cuộc khởi nghĩa nhưng đã nằm trong kế hoạch vận động, đã có cơ sở liên hệ, do đó vẫn được coi như là một bộ phận của quá trình vận động khởi nghĩa.

* * *

Có thể thấy lực lượng cuộc khởi nghĩa đã được tổ chức và phát triển trong quá trình vận động bí mật kéo dài qua nhiều năm của Ban chỉ huy khởi nghĩa; lực lượng này chủ yếu hình thành dựa trên hoạt động binh vận đối với lực lượng có sẵn của Pháp tại Huế hay một số nơi khác, song cũng có nhiều bộ phận tự nguyện gia nhập, trên cơ sở mục đích cứu nước và đại nghĩa vì dân tộc, nhiều sĩ phu, nghĩa sĩ, người yêu nước trong các tầng lớp nhân dân đã tham gia, hợp thành đạo quân quần chúng rộng rãi đông đảo sẵn sàng vì nghĩa lớn. Ở những nơi dư âm của phong trào quần chúng những năm 1905 - 1908 vẫn còn như Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, nghĩa quân đã tạo được cơ sở quần chúng vững mạnh; ở một số nơi khác như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, lực lượng nghĩa quân

---

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam, Đất nước & Nhân vật*, Nxb Văn Hóa, 1996, tr. 553.

https://tieulun.hopto.org

về vũ trang lẫn dân chúng còn yếu, nhưng cứ theo xu hướng và kế hoạch cuộc vận động, sẽ thấy một khi khởi nghĩa nổ ra, chắc chắn có một lực lượng đông đảo gia nhập vào quân khởi nghĩa.

Như vậy, cuộc mưu khởi không chỉ là sự kiện xuất hiện nhờ những điều kiện thuận lợi của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, mà còn là kết quả của một quá trình vận động, tổ chức quần chúng rất sáng tạo và có hiệu quả trong phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX.

https://tieulun.hopto.org

7

LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

Từ sau khi phong trào chống thuế ở Trung kỳ năm 1908 bị đàn áp, một số sĩ phu yêu nước ở đây vẫn nuôi chí lớn, chờ cơ hội. Sau khi Việt Nam Quang Phục hội thành lập ở Quảng Đông (Trung Quốc) và phát triển về nước, họ nhanh chóng tập hợp xung quanh Thái Phiên - một yếu nhân yêu nước của Việt Nam Quang Phục hội và Trần Cao Vân - một sĩ phu đã từng bị Pháp bắt những năm 1907 - 1908. Nhân khi thực dân Pháp thực hiện chiến dịch bắt lính ráo riết, các nhà lãnh đạo phong trào đã đi đến nhất trí tiến hành một cuộc khởi nghĩa dưới danh nghĩa vua Duy Tân vào ngày 3/5/1916, lấy Huế làm địa bàn nổi dậy đầu tiên. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là những người thuộc nhiều thành phần, từ nhiều xu hướng yêu nước khác nhau,

https://tieulun.hopto.org

nhưng cùng chung mục tiêu khởi nghĩa vũ trang chống chính quyền thuộc địa, giành lại tự do độc lập cho dân tộc, trong đó lãnh đạo chủ chốt theo phân công của "Ủy ban khởi nghĩa" gồm vua Duy Tân (chỉ huy tối cao), Thái Phiên (Chủ tịch), Trần Cao Vân (cố vấn) và các yếu nhân Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung[1]. Tuy nhiên theo thực tế quá trình tụ nghĩa, các lãnh tụ đã hợp lại theo thứ tự sau:

Thái Phiên người làng Nghi An (nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Ông là người yêu nước, tính tình cương trực. Tháng 5/1905, Thái Phiên cùng với Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển tham gia thành lập Duy Tân hội và trở thành một yếu nhân của Duy Tân hội ở Quảng Nam, hoạt động có nhiều hiệu quả, được Phan Bội Châu tin cậy. Chứng kiến cảnh thực dân Pháp ra sức đàn áp nhân dân, bắt bớ giam cầm hàng loạt các sĩ phu từng tham gia phong trào chống thuế năm 1908, Thái Phiên nung nấu ý chí đánh đổ thực dân Pháp, thành lập một nước Việt Nam tự do, dân chủ. Từ năm 1909 trở đi, nhất là sau khi Đỗ Đăng Tuyển bị bắt thì một mình Thái Phiên phải lo gây dựng lại tổ chức Duy Tân hội ở Quảng Nam, đồng thời bắt liên lạc với Lê Ngung để gây dựng lại tổ chức ở tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi Phan Bội Châu

---

(1) Lê Ước, tlđd, tr. 89.

https://tieulun.hopto.org

chủ trương chuyển Duy Tân hội sang tổ chức Việt Nam Quang Phục hội, ông nhanh chóng tham gia và trở thành yếu nhân của tổ chức này.

Năm 1912, Thái Phiên gặp Lê Ngung, một nhà yêu nước ở tỉnh Quảng Ngãi, thành viên của tổ chức Việt Nam Quang Phục hội để bàn việc chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ nổi dậy đánh đổ thực dân Pháp. Từ năm 1913, Thái Phiên đã tìm cách liên lạc với Vua Duy Tân, cho lập nhiều thương quán rải rác ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, với mục đích "dĩ thương hợp quần"(1). Trong quá trình đó, Thái Phiên cùng đồng chí của mình không ngừng cố gắng liên kết và xây dựng lực lượng tại các địa phương. Do chưa liên hệ được với vua Duy Tân để tạo dựng ngọn cờ cho đại sự nên Thái Phiên đề nghị hoãn kế hoạch khởi nghĩa. Ông tự đề xướng mình cùng Trần Cao Vân lãnh trọng trách gặp gỡ, liên hệ với vua Duy Tân. Đây là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng và hết sức nguy hiểm, bởi vua Duy Tân lúc này đang bị mật thám Pháp kiểm soát chặt chẽ tại Huế.

Sau cuộc tiếp xúc với vua Duy Tân (trung tuần tháng 3 năm Bính Thìn, 1916), Thái Phiên, Trần Cao Vân triệu tập các yếu nhân Việt Nam Quang Phục hội ở các tỉnh Trung kỳ họp Đại hội lần thứ hai để triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Thái Phiên được đề cử đứng

---

(1) Nguyễn Sinh Duy, Sđd, tr. 189.

https://tieulun.hopto.org

đầu Ủy ban khởi nghĩa và trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại kinh thành Huế với nhiệm vụ tổng chỉ huy.

Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, khi đi học lấy tên là Trần Cao Đệ, tham gia hoạt động cứu nước lấy tên là Trần Cao Vân, sinh năm Bính Dần (1866) tại làng Tư Phú, Điện Bàn (nay là xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Mặc dù không đỗ đạt, nhưng ông là người khảo học uyên thâm, văn chương lỗi lạc, thường du ngoạn các nơi, tìm người cùng chí hướng chống thực dân Pháp xâm lược. Sau ngày Tôn Thất Thuyết thất bại trong cuộc nổi dậy chống Pháp, Trần Cao Vân bỏ việc học, vào ở chùa Cổ Lâm (Quảng Nam) mưu đồ công cuộc cứu nước.

Sau khi cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu thất bại, các tổ chức có liên hệ trực tiếp và gián tiếp với cuộc khởi nghĩa lần lượt bị khám phá, nhóm tu sĩ ở chùa Cổ Lâm cũng bị để ý. Năm 1891 chùa bị khám xét, các sư trong chùa bị thanh lọc. Trần Cao Vân từ biệt Cổ Lâm về làng Đại Giang. Ở đây dạy học được gần 1 năm, thấy Bình Định, Phú Yên là vùng đất có địa thế hiểm trở, đủ điều kiện cho một cuộc đấu tranh lâu dài, năm 1892 Trần Cao Vân rời Quảng Nam vào Bình Định. Ông kết giao với Võ Trứ - một nhà sư yêu nước và một số người khác để cùng nhau tạo dựng nhiều cơ sở chống Pháp ở đây.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1898, cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ nổ ra, Trần Cao Vân là một thành viên chủ chốt trong bộ chỉ huy. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Võ Trứ bị giặc Pháp bắt, ông nhận mọi trách nhiệm về mình. Trần Cao Vân cũng bị bắt, nhưng vì không có bằng chứng nên thực dân Pháp chỉ giam ông 11 tháng rồi thả. Ra tù một thời gian, năm 1900 ông lại bị bắt giam tại nhà lao Bình Định vì vụ án "Trung thiên dịch"(1) bị kết tội "Yêu thơ loạn ngôn", "xúi nhân dân phiến loạn", bị đưa về giam ở Quảng Nam, đến năm 1907 mới được trả tự do(2). Năm 1908, ông lại bị thực dân bắt, bị kết án khổ sai chung thân đày đi Côn Lôn. Do có sự vận động của các môn đồ và các quan lại ở tỉnh Quảng Nam như Tổng đốc Tạ, Lãnh binh Lê có cảm tình nên Trần Cao Vân được ân xá sau khi bi giam cầm ở đây 6 năm.

Thoát khỏi chốn ngục tù, ông trở về và tham gia Việt Nam Quang Phục hội, được bầu vào ủy ban khởi nghĩa, cùng Thái Phiên trở thành hai nhân vật chủ chốt trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916. Ông cùng Thái Phiên tìm cách liên lạc và thuyết phục vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa, sau đó hộ giá vua Duy Tân vào Quảng Ngãi, đợi khi khởi nghĩa thành công sẽ

---

(1) Trong sách này, ngoài những thứ thái cực, lưỡng nghi, bát quái bí hiểm ra, Trần Cao Vân lồng vào đó những lời kêu gọi lòng yêu nước.

(2) Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam, Đất nước & Nhân vật*, Nxb Văn Hóa, 1996, tr.358.

https://tieulun.hopto.org

rước vua về. Đồng thời vận động binh lính bị mộ đưa sang Pháp còn đang đóng ở Huế nổi lên khởi nghĩa.

Duy Tân sinh ngày 19-9-1900, con trai thứ 5 của vua Thành Thái. Năm 1907 vua Thành Thái bị thực dân Pháp phế truất và đầy ra Vũng Tàu. Thực dân Pháp muốn tìm một người kế vị còn nhỏ tuổi để dễ sai khiến. Hoàng tử Vĩnh San được chọn đưa lên làm vua, đặt niên hiệu là Duy Tân.

Trái với sự mong đợi của Pháp, vua Duy Tân bẩm tính thông minh, giỏi đối đáp, có lòng yêu nước. Năm 1908, ở Trung kỳ, dân chúng nổi lên xin xâu, chống thuế, bị đàn áp dữ dội. Lúc đó vua Duy Tân mới 9 tuổi, đã nói với đình thần: "Nếu trong nước hay có loạn là vì nhân dân bị thiếu thốn. Từ nay sắp tới, lương bổng của ta 500$ một tháng, ta chỉ lãnh 200$ thôi, giao cho các thầy 300$ đem giúp đỡ những kẻ nghèo khó".(1) Năm 1913, nghe tin Khâm sứ Mahé mở chiến dịch tìm vàng ở Huế, thậm chí đào cả lăng vua Tự Đức để tìm vàng, trừ đại thần Nguyễn Hữu Bài, cả triều đình đều nhắm mắt làm ngơ. Duy Tân nổi giận đóng cửa hoàng cung, tuyên bố không giao tiếp với người Pháp cho đến khi Mahé bị toàn quyền Albert Sarraut khiển trách, đồng thời viết thư cho chính phủ Pháp hạch tội và yêu cầu khiển trách những viên chức đã lộng hành.

---

(1) Nguyễn Đắc Xuân, *Vua Duy Tân dang dở tình nước tình nhà*. Đăng trên gacloctho.net ngày 22/8/2012.

https://tieulun.hopto.org

Vua Duy Tân cũng nhiều lần bày tỏ sự phản kháng đối với Pháp, năm 13 tuổi vua muốn cử ông Nguyễn Hữu Bài là người giỏi tiếng Pháp, sang Pháp để yêu cầu duyệt lại hiệp ước Patenôtre ký năm 1884 vì ông cảm thấy việc thi hành của hiệp ước ấy không đúng với những điều kiện mà hai bên đã ký kết với nhau[1]. Nhưng cả triều đình không ai dám nhận chuyến đi đó. Năm 15 tuổi, Duy Tân đã triệu tập cả sáu đại thần trong Phụ Chính, bắt mọi người phải ký vào biên bản để đích thân Vua cầm qua trình với tòa Khâm sứ, nhưng sự việc đã không thành vì các quan phụ chính đều sợ Pháp nên đã báo cho Thái Hậu can vua,.. Biết được những thông tin đó, các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang Phục hội ở Trung kỳ là Thái Phiên, Trần Cao Vân đã thực hiện bằng mọi cách tiếp xúc với vua Duy Tân. Kết quả vua Duy Tân nhận lời tham gia và trở thành chỉ huy tối cao của cuộc mưu khởi năm 1916.

Phan Thành Tài sinh năm 1878 tại làng Bảo An (nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), trong một gia đình khoa bảng. Thuở nhỏ học chữ nho, quốc ngữ và chữ Pháp tại Đà Nẵng. Năm 1899, được bổ làm thông ngôn ở dinh Tổng đốc Bình Phú (Bình Định - Phú Yên), rồi làm thông phán tại Bác cổ học viện Nam kỳ ở Sài Gòn, nhưng chỉ một thời gian ngắn lại bỏ về quê.

---

(1) Lê Ước, tlđd, tr.84.

https://tieulun.hopto.org

Những năm 1902 - 1908, ông tham gia tích cực phong trào Duy Tân, làm hiệu trưởng, đồng thời là giáo viên dạy quốc ngữ và Pháp ngữ ở Nghĩa thục Diên Phong, tại làng Phong Thử, một trong những nghĩa thục lớn của Quảng Nam lúc bấy giờ. Khi thực dân Pháp khủng bố những yếu nhân của phong trào Duy Tân, ông may mắn thoát khỏi.

Năm 1912, Việt Nam Quang Phục hội thành lập và nhanh chóng phát triển về nước. Quảng Nam là nơi có phong trào mạnh, Phan Thành Tài đã tham gia và trở thành một yếu nhân trong tổ chức này. Từ khi vua Duy Tân nhận lời tham gia cuộc khởi nghĩa, Phan Thành Tài luôn ở bên cạnh Thái Phiên, Trần Cao Vân cùng vạch phương hướng hành động, chỉ đạo cho các tỉnh tích cực chuẩn bị cuộc khởi nghĩa.

Phan Thành Tài là lớp người tiên phong của tổ chức Việt Nam Quang Phục hội ở Trung kỳ và trở thành yếu nhân của cuộc khởi nghĩa. Trong cuộc Hội nghị của Việt Nam Quang Phục hội ở Trung kỳ, Phan Thành Tài được bầu vào Ủy ban khởi nghĩa, được cử làm Nam - Nghĩa kinh lược, cùng với Đỗ Tự chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm tỉnh Quảng Nam - nơi có căn cứ để đón vua Duy Tân.

Đỗ Tự sinh năm 1881 tại làng Diệm Sơn (nay là xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam), thi đỗ tú tài năm 1903 và được triều đình Huế bổ nhiệm làm quan

https://tieulun.hopto.org

nhưng từ chối, ở nhà làm thuốc và dạy học. Ông tham gia phong trào Duy Tân, cùng các sĩ phu trong tỉnh lập Hội nông, Hội thương, tham gia diễn thuyết bài xích khoa cử, mở trường dạy chữ quốc ngữ... Năm 1908, nhân cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân miền Trung ông bị bắt giam ở nhà lao Hội An, sau đó được thả nhưng bị cắt hết danh sắc và phải đóng thuế như dân thường. Châu bản triều Duy Tân viết: "Hồ Cảnh, Nguyễn Bính, Ngô Diệm, Phạm Hữu Đôn, Hoàng Hữu Huyến, Đỗ Tự, Đinh Ích, Trương Ngọc Phiên và Nguyễn Phùng hoặc có hội thương, diễn thuyết, chẳng qua là muội thính a tùng, không có tình gì nặng. Vậy chín tên này xin nên phóng thích nhưng chúng đều là người trong danh sắc mà lại a tùng như thế, chuốc lấy tiếng tăm, xin nên đều cách khử phẩm hàm danh sắc, trước tịch chịu sưu thuế"(1).

Năm 1912, Đỗ Tự tham gia Việt Nam Quang Phục hội và là yếu nhân trong cuộc mưu khởi. Ông là người mai mối để Thái Phiên cưới con gái của phú hộ người làng Quan Châu, huyện Hòa Vang nhằm tạo thuận lợi cho việc vận động tài chính cho tổ chức. Đỗ Tự lấy vợ người làng Hòa Vang và về ở tại đây để tiện việc liên lạc với các nhà cách mạng. Ông vận động gia đình bên vợ tham gia đóng góp nhân lực và tài lực cho cuộc khởi

(1) Nguyễn Thế Anh, *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*, Tủ sách sử học của Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn, 1973, tr. 46.

https://tieulun.hopto.org

nghĩa, còn các gia đình tộc Đỗ gần nhà ông cũng là nơi hội họp, cất giữ tài liệu, vũ khí, ấn triện, cờ khởi nghĩa. Tại ngôi nhà của ông đã diễn ra cuộc họp quan trọng vào ngày 27/4/1916 của các lãnh đạo khởi nghĩa bàn về dự định thành lập Chính phủ Việt Nam Quốc quân sau khi khởi nghĩa thành công. Báo cáo của Công sứ Quảng Nam gửi Khâm sứ Huế ngày 1/6/1916 có viết: "... vào ngày 27 tháng 4, trong ngôi nhà của tú tài Đỗ Tự, nằm gần chợ Miếu Bông, nơi đang tổ chức khai trương một cách hợp pháp ngôi nhà mới đó, người ta đã tiết lộ cho một số rất ít người biết về chiếu chỉ của nhà vua kêu gọi nổi dậy trong những người trung thành - gọi là "Nghĩa" - vào đêm mùng 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5. Cũng trong đêm hôm đó, một cuộc họp lớn của những người đồng mưu do Thông Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài và Hương Thùy triệu tập đã thông qua những đường hướng lớn về tổ chức nhà nước mới và một bản tuyên ngôn kêu gọi dân chúng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa..."[1].

Đỗ Tự là một trong những đại biểu của Quảng Nam tham dự hầu hết đại hội, các cuộc họp quan trọng để vạch kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân. Theo kế hoạch khởi nghĩa, ông được tổ chức phân công

---

(1) Báo cáo số 119-C tại Hồ sơ mang số hiệu 65530, hiện lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia hải ngoại của Pháp đặt tại Aixen Provence. Dẫn theo "*Vị tú tài tận trung, tận hiếu*", Báo điện tử Đà Nẵng, số ra ngày 12/11/2011.

https://tieulun.hopto.org

cùng Phan Thành Tài tấn công đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nam vào đêm khởi nghĩa, sau đó đưa quân hỗ trợ cho Lâm Nhĩ chiếm Đà Nẵng để đón viện binh và vũ khí đưa từ Xiêm (Thái Lan) về theo đường biển vào cảng Đà Nẵng. Đỗ Tự cũng là người được bầu vào thành phần nội các của chính phủ cách mạng dự tính thành lập. Nhận định về Đỗ Tự, nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn đã viết: "Tuổi ông không cao, đời ông không dài. Nhưng sự nghiệp của ông đúng là một tấm gương tận trung, tận hiếu với đất nước, quê hương, với gia đình, tộc họ, xứng đáng là một danh nhân đất Quảng"(1).

Lê Ngung sinh năm 1865, người làng Đông Phước (nay là thôn Phước Hòa, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn). Ông thi đỗ tú tài, nên thường gọi là tú Ngung. Năm 1906, ông gia nhập Duy Tân hội, được tổ chức chọn cho xuất dương du học, nhưng bị lộ, phải ở lại. Năm 1908, phong trào kháng thuế nổ ra ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Lê Ngung được tổ chức cử ra Bắc liên hệ với nghĩa quân Đề Thám và vận động sĩ phu, nhân dân Bắc kỳ hưởng ứng phong trào. Trên đường ra Bắc, được tin thực dân Pháp và Nam triều đàn áp đẫm máu những người tham gia đấu tranh, truy tìm gắt gao những người lãnh đạo phong trào, nên tìm cách trốn ra nước ngoài. Kế hoạch không thành, ông trở lại Quảng

---

(1) "*Vị tú tài tận trung, tận hiếu*", Báo điện tử Đà Nẵng, số ra ngày 12/11/2011.

https://tieulun.hopto.org

Nam. Ngày 23/10/1908, Lê Ngung bị Pháp bắt ở Hội An (Quảng Nam), đưa về Quảng Ngãi kết án 5 năm tù giam. Trong tù, ông vẫn giữ liên lạc với phong trào, tích cực chuẩn bị cho các hoạt động về sau.

Năm 1914 sau khi ra tù, ông tham gia và trở thành một trong những nhân vật có đóng góp tích cực vào sự lớn mạnh của Việt Nam Quang Phục hội. Tại Quảng Ngãi, Lê Ngung vận động tập hợp những người yêu nước như Nguyễn Công Phương, Nguyễn Quang Mao, Lê Triết, Hứa Thọ, Mai Tuấn,... tổ chức đội Dân binh, lập Ban vận động lương thực, vũ khí, liên hệ với Việt Nam Quang Phục hội các tỉnh, chuẩn bị khởi nghĩa.

Tháng 2/1915, các đại biểu Việt Nam Quang Phục hội Quảng Nam, Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị tại Đà Nẵng. Lê Ngung được phân công cùng Nguyễn Thụy xây dựng phong trào ở Quảng Ngãi, gấp rút chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ khởi nghĩa. Từ sau Hội nghị này, phong trào ở Quảng Ngãi phát triển khá mạnh, hình thành một vùng căn cứ liên hoàn từ Minh Long đến Ba Tơ, mở rộng lên đến Mang Đen (Kon Tum), kéo vào tận tây bắc Bình Định, nhiều cơ sở yêu nước trong nhân dân và binh lính yêu nước được gây dựng.

Trong số các thủ lĩnh cuộc mưu khởi, Lê Ngung là người nôn nóng khởi nghĩa nhất. Ông đã nhiều lần viết

https://tieulun.hopto.org

thư cho Thái Phiên đề xuất ý định khởi nghĩa[1]. Nhưng lời đề nghị của Lê Ngung không được Thái Phiên và các nhà lãnh đạo khác chấp nhận, vì cho rằng lực lượng khởi nghĩa chưa mạnh, lực lượng vũ trang các tỉnh vẫn chưa phát triển đều, lực lượng quân sự của Pháp chưa thật suy yếu.

Tháng 7/1915, khi biết tin quân Đức đang tiến đến gần Paris, Chính phủ Pháp phải rút một bộ phận quân đội viễn chinh ở Đông Dương về bảo vệ nước Pháp, Lê Ngung lại gửi thư cho Thái Phiên và gửi ra nước ngoài cho Phan Bội Châu thúc giục khẩn thiết: "Thời hồ, thời hồ, thời bất tái lai! Kim trì bất phấn cô đãi hà thời?" (Thời cơ! thời cơ! Thời cơ không trở lại. Ngày nay không phấn đấu đợi đến lúc nào?)[2]. Lần này Thái Phiên và các đồng chí chấp nhận và quyết định triệu tập Hội nghị các nhà yêu nước các tỉnh miền Nam Trung kỳ để bàn định. Theo phân công, Lê Ngung được giao cùng Nguyễn Thuỵ, Phạm Cao Chẩm, Nguyễn Công Mậu,... chỉ huy khởi nghĩa ở Quảng Ngãi, có nhiệm vụ liên hệ với Bình Định, Kon Tum,... Nếu khởi nghĩa thất bại thì

---

(1) Tháng 8/1914, khi Đức bắt đầu tiến quân đánh vào nước Pháp, ông đã viết thư gửi Thái Phiên nói rõ: "Ngày Đức - Pháp đánh nhau chính là thời cơ độc lập của nước Việt Nam". Tiếp đó, tháng 1/1915 Lê Ngung lại viết thư lần thứ hai đề nghị tiến hành khởi nghĩa. Dẫn theo Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng hào kiệt của dân tộc Việt Nam*, tập 5, Nxb. Công an nhân dân, 2009.

(2) Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng hào kiệt của dân tộc Việt Nam*, tập 5, Nxb. Công an nhân dân, 2009.

https://tieulun.hopto.org

nghĩa quân ở Quảng Nam sẽ rút lên núi Bà Nà, nghĩa quân Quảng Ngãi sẽ rút lên Giá Vụt (Ba Tơ) để lập căn cứ kháng chiến lâu dài.

Ngoài các lãnh đạo chủ chốt được phân công trong Ủy ban khởi nghĩa, Hội nghị còn phân công nhiệm vụ lãnh đạo cho từng người ở các địa phương như sau:

Ở kinh thành Huế, Thái Phiên được giao nhiệm vụ tổng chỉ huy, phát khởi tại Huế, có sự trợ lực của Lê Cơ (lý trưởng - quê Quảng Nam) và Lê Cảnh Vận với nhiệm vụ nổ súng phát lệnh.

Ở Quảng Trị, giao cho Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngô, Quản Thiệu, Đào Duy Chánh phụ trách. Trong đó, các tổ chức dân chúng do Khóa Bảo điều động, các đội lính khố xanh do Quản Thiệu xuất lãnh.

Ở Quảng Nam, giao cho Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Ông Văn Long,...

Ở Đà Nẵng, giao Lâm Nhĩ, Hồ Cảnh Vinh, Lê Tường, Trần Ngọc Đạm,...

Ở Hội An, giao Lê Đình Dương, Quản Thái,...

Ở Tam Kỳ, giao Thẩm Tường Vân,..

Ở Quảng Ngãi, giao Lê Ngung, Cử Sụy, Phạm Cao Chẩm... chỉ huy khởi nghĩa và có nhiệm vụ liên hệ với Bình Định, Kon Tum,... cùng phối hợp thực hiện[1].

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam - Đất nước & Nhân vật*, Nxb. Văn hóa, 1996, tr. 553.

https://tieulun.hopto.org

Ở Bình Thuận "Liên Thành thương quán"(1) được thành lập trước đó với mục đích "dĩ thương hợp quần" chuẩn bị cho khởi nghĩa(2).

Ở Bình Định do thực lực trong hàng ngũ binh lính và dân chúng chưa được mạnh, sẽ chờ hưởng ứng với Quảng Ngãi(3).

Trong số lãnh đạo các địa phương, đáng chú ý nhất là lãnh đạo ở Tam Kỳ. Theo hồi cố của các vị lão thành ở địa phương, các nhân vật quan trọng thành lập và chỉ huy lực lượng nghĩa quân phủ Tam Kỳ vào thời đó gồm có: Trần Huỳnh chỉ huy đội nghĩa quân Tân An Tây; Trần Ni chỉ huy đội nghĩa binh Trường Xuân; Lê Tiện chỉ huy đội nghĩa binh Thạnh Bình; Trịnh Uyên chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái; Trần Thu chỉ huy đội nghĩa binh Ngọc Mỹ; Võ Dương (thân sinh ông Võ Chí Công) chỉ huy đội nghĩa binh Khương Mỹ; Lương Đình Thư chỉ huy đội nghĩa binh Phú Thượng; Nguyễn Tình chỉ huy đội nghĩa binh An Hòa; Nguyễn Kế chỉ huy đội nghĩa binh Vân Trai,...

---

(1) "Liên Thành thương quán" được thành lập tháng 3/1906 ở Phan Thiết, Bình Thuận. Đây là tổ chức hoạt động nhằm phát triển kinh tế mang tính dân tộc, bảo vệ quyền lợi của các thương nhân Việt Nam, phạm vi hoạt động của Liên Thành Thương quán phát triển ra các tỉnh miền Trung và Nam Bộ.

(2) Thiện Sinh, *Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa*, Tạp chí *Bách khoa*, số 123 năm 1962, tr. 26 - 27.

(3) Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, Minh Tân xuất bản, Paris, 1952, tr. 87.

https://tieulun.hopto.org

Trong một cuộc họp các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quang Phục hội ở phủ Tam Kỳ để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa năm 1916, đã bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang Phục hội phủ Tam Kỳ gồm 5 người: Trần Huỳnh, Tổng lãnh binh; Trần Ni, Phó Tổng lãnh binh; Trần Khuê, đề các; Lê Ngạn, Tán tương Quân vụ; Ngô Đối, Tán lý Sự vụ[1]. Có lẽ lối tổ chức lãnh đạo của những người chủ chốt ở Tam Kỳ khá bài bản và chu đáo như vậy, là một trong những lý do đưa cuộc vận động khởi nghĩa ở đây nổ ra được, góp phần làm cho toàn bộ cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ không chỉ còn là mưu khởi.

* * *

Như vậy, cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 đã tập hợp được những nhà lãnh đạo chí cốt, có nhiều mưu lược. Là những người đã tham gia vào nhiều phong trào và hoạt động đấu tranh yêu nước, các lãnh tụ cốt yếu của cuộc vận động như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Duy Tân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung trở thành những người dày dạn kinh nghiệm tổ chức và vận động mưu khởi, đã tổ chức lãnh đạo và chịu trách nhiệm mọi công việc của một kế hoạch khởi nghĩa lớn trên toàn xứ.

---

(1) Nguyễn Phước Tương, "Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916". Đăng trên Website Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

https://tieulun.hopto.org

Dưới sự lãnh đạo của các yếu nhân, cuộc vận động khởi nghĩa không chỉ chuẩn bị những vấn đề về quân lực, sức mạnh mà còn hướng đến tổ chức chính phủ (lâm thời), chuẩn bị phân công quản lý các khu vực địa phương. Cũng tại đây, lần đầu tiên ta thấy một sự kết hợp giữa khởi nghĩa vũ trang và cuộc nổi dậy của quần chúng. Ngoài ra, theo nội dung các chiếu chỉ của vua Duy Tân ban lúc này, cuộc khởi nghĩa cũng hướng đến khích lệ Bắc kỳ và Nam kỳ cùng nổi dậy dù chưa xây dựng được lực lượng tại chỗ[1].

Mặc dù kết cục không như ý muốn do kẻ thù đánh phá, song cuộc mưu khởi năm 1916 vẫn là bản hùng ca bất diệt trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc ta; những yếu nhân lãnh đạo của phong trào như vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung, mãi mãi là những anh hùng, tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, dám xả thân vì nghiệp lớn.

(1) Nguyễn Trương Đàn, *Vua Duy Tân 1916*, Nxb. Văn học, 2014, tr. 189.

https://tieulun.hopto.org

8

MỤC TIÊU CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ

Từ mục tiêu của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) nổ ra tại chiến trường châu Âu đã nhanh chóng đẩy nước Pháp vào cuộc khủng hoảng toàn diện. Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết triển khai chính sách "quân sự thời chiến". Giới cầm quyền Pháp xác định "Nhiệm vụ chủ yếu của xứ Đông Dương là phải cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực; đồng thời phải duy trì an ninh ở thuộc địa, mặt khác phải giữ cho guồng máy chính trị, kinh tế chạy đều"(1).

---

(1) V. Vollenhoven, báo *Opinion* - tháng 8/1914, dẫn lại từ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010, tr. 235.

https://tieulun.hopto.org

Triển khai thực hiện mục tiêu này, thực dân Pháp đã vơ vét từ thuộc địa Việt Nam gần 400 triệu phrăng gồm "quốc trái" và "quốc phòng", 35 vạn tấn gạo, ngô, thuốc lá..., hàng vạn tấn khoáng sản. Chính sách "quân sự thời chiến" đã đẩy hàng vạn người Việt Nam sang chiến trường châu Âu làm bia đỡ đạn cho quân đội chính quốc, chỉ riêng tại mặt trận Pháp quân số người Việt Nam đã là 92.411 người. Nhằm duy trì an ninh và chính trị ở thuộc địa Việt Nam, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào kháng Pháp của nhân dân ta. Chúng đã tập trung cao độ mọi nguồn lực dập tắt phong trào khởi nghĩa do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; giam giữ chặt các thủ lĩnh của Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục; thỏa hiệp với Long Tế Quang bắt Phan Bội Châu, Mai Lão Bạng, khống chế Việt Nam Quang Phục hội...

Chính sách "quân sự thời chiến" của thực dân Pháp đã gây ra những chuyển biến kinh tế, xã hội mạnh mẽ ở Việt Nam. Đây cũng là nguyên nhân làm bùng lên những phong trào dân tộc kiểu mới có khuynh hướng dân chủ tư sản. Tuy nhiên, bộ phận tư sản dân tộc ở Việt Nam lúc này còn quá non trẻ, chưa thể đảm nhiệm vai trò, sứ mạng lãnh đạo phong trào dân tộc. Vì thế, vai trò này đã được một bộ phận sĩ phu cấp tiến, vốn xuất thân từ "cửa Khổng, sân Trình" đứng ra gánh vác. Mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, thiết tha yêu nước, một bộ phận trí thức phong kiến Việt Nam

https://tieulun.hopto.org

trước cuộc khủng hoảng về tư tưởng của giai cấp mình đã trăn trở về thời cuộc, khát khao tìm kiếm một con đường cứu dân, cứu nước. Họ tìm cách đến Nhật Bản, đến Trung Quốc, sang Pháp mong tìm thấy những tư tưởng học thuật mới. Tân thư, Tân báo và làn sóng tư tưởng cải lương từ Trung Quốc khiến họ bừng tỉnh "*Tập Ẩm băng thất của Lương tiên sinh với sĩ phu ta chẳng khác chi thuốc hay với người mang bệnh trầm kha. Còn* Trung Quốc hồn *cũng của Lương là tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một tập sách nói chuyện nước Tàu mà 20 triệu dân Nam ta phấn khởi*"(1). Thành công của nước Nhật Bản từ công cuộc duy tân của Minh Trị; thắng lợi của Nhật Bản trong chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905); đặc biệt, thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911)... đã tác động mạnh mẽ và làm chuyển biến sâu sắc nhận thức tư tưởng của những sĩ phu cấp tiến, đưa họ trở thành những sĩ phu tư sản hóa. Họ quyết định đứng ra châm ngòi và lãnh đạo một phong trào dân tộc mới.

Mục tiêu then chốt của phong trào dân tộc mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản dưới sự lãnh đạo của trí thức phong kiến đã tiếp nhận tư tưởng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX thực chất là tiếp tục mục tiêu phong trào dân tộc kháng Pháp từ trước - đó là đánh

(1) Báo *Thần Chung*, tháng 1 năm 1929. Dẫn lại từ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010, tr. 238

https://tieulun.hopto.org

đuổi thực dân Pháp, khôi phục độc lập cho dân tộc. Tuy ngọn cờ lãnh đạo, phương pháp cách mạng và động lực của cách mạng đã thay đổi, nhưng việc đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục độc lập cho dân tộc vẫn là khát vọng không phôi pha. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các phong trào đấu tranh theo xu hướng cải lương hay bạo động đầu thế kỷ XX đã cự tuyệt ngọn cờ phong kiến, không lặp lại khôi phục chế độ quân chủ, nhưng mục tiêu độc lập dân tộc vẫn xuyên suốt và được cụ thể hóa trong những nội dung thiết thực: duy tân đất nước, đánh đổ chế độ phong kiến quan trường, kháng thuế, chống chính sách bắt lính, chống chính sách dùng người Việt đánh người Việt, hễ có điều kiện và thời cơ là nổi dậy khởi nghĩa chống chế độ thực dân áp bức dân tộc.

Đến mục tiêu của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ tháng 5 năm 1916 là một trong những hoạt động nổi bật của phong trào dân tộc Việt Nam khi chiến tranh thế giới nổ ra. Các thành viên nòng cốt của Việt Nam Quang Phục hội còn lại ở Trung kỳ đã mời được vua Duy Tân tham gia vào một kế hoạch được coi là nỗ lực lớn nhất: Khởi nghĩa trên toàn xứ Trung kỳ, lấy trọng tâm là địa bàn các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế vào đến Phú Yên.

https://tieulun.hopto.org

Vì sao lãnh đạo cuộc vận động chọn Trung kỳ để khởi nghĩa?

Thứ nhất, Trung kỳ là nơi khởi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu tiên thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Những năm cuối thế kỷ XIX, đây là địa bàn sục sôi tinh thần kháng Pháp "Cần Vương". Những năm đầu thế kỷ XX là địa bàn hoạt động mạnh nhất của Duy Tân hội và tiếp đó là phong trào kháng thuế của nhân dân.

Thứ hai, nơi đây có triều đình Huế, là địa bàn tập trung đông đảo trí thức phong kiến, đặc biệt là bộ phận trí thức đã tiếp nhận tư tưởng mới và tham gia Việt Nam Quang Phục hội.

Thứ ba, các đảng viên Việt Nam Quang Phục hội đã tiếp cận và vận động được nhà vua yêu nước Duy Tân để phất lên ngọn cờ chính nghĩa.

Tuy có những lý do tương tự như phong trào Cần Vương và có sự tham gia lãnh đạo của nhà vua yêu nước Duy Tân, song toàn bộ cuộc vận động khởi nghĩa đã và đang không lặp lại mục tiêu Cần Vương như trước nữa.

Ý đồ ban đầu của lãnh đạo khởi nghĩa (do Lê Ngung soạn) là chiếm ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm căn cứ trung tâm lãnh đạo, sau đó phát động khởi nghĩa rộng khắp Trung kỳ, các nơi khác như

https://tieulun.hopto.org

ra đến Quảng Bình hay vào Khánh Thuận sẽ tổng phát động sau khi thành công ở ba tỉnh trên[1].

Tháng 9 năm Ất Mão (1915), tại Đông Ba (Huế), Thái Phiên chủ trì cuộc họp các đảng viên chủ chốt của Việt Nam Quang Phục hội tại 5 tỉnh miền Trung. Thành phần tham dự gồm: Nguyễn Chánh (*Quảng Bình*), Phan Phú Tiên (*Quảng Trị*), Đoàn Bảng (*Thừa Thiên Huế*), Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (*Quảng Nam*), Nguyễn Sụy, Lê Khiết, Lê Ngung, Nguyễn Mậu (*Quảng Ngãi).* Tại cuộc họp, các đại biểu đã thống nhất chương trình, kế hoạch khởi nghĩa và phân công: Thái Phiên và Trần Cao Vân tiếp xúc với Vua Duy Tân, nhận chiếu chỉ của Vua kêu gọi khởi nghĩa[2].

Tháng Giêng năm 1916, Thái Phiên triệu tập một cuộc họp tại nhà ông Lâm Nhĩ ở làng Cẩm Toại (nay thuộc xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam) để triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Cuộc họp lần thứ hai này đã khẳng định mục tiêu cao nhất là ***khởi nghĩa chống Pháp, giành độc lập, lập ra nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam***. Bộ máy nhà nước

---

(1) Lê Ước, *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài.* Tập san *Sử - Địa* số 11, 1968 (Đại học Văn khoa Sài Gòn) tr. 85 - 86.

(2) Phan Bá Lương, *Về vai trò của ông Phan Thành Tài trong phong trào Duy Tân và cuộc khởi nghĩa Bính Thìn 1916.* www.hophan.net (Hội đồng gia tộc họ Phan - Bảo An).

https://tieulun.hopto.org

được dự tính đến là một chính phủ, gọi là "Việt Nam quân chính phủ".

Theo dự kiến, *Việt Nam quân chính phủ* sẽ có thành phần như sau[1]:

- Tối cao lãnh đạo: Hoàng đế Duy Tân

- Cố vấn chính phủ: Trần Cao Vân

- Thủ tướng chính phủ: Hổ Khê Nguyễn Sụy

- Bộ trưởng Ngoại giao: Lê Đình Dương

- Bộ trưởng bộ Hộ kiêm Giáo dục: Thái Phiên

- Bộ trưởng Lễ nghi: Đỗ Tự

- Bộ trưởng cải cách và hiểu trấp nông thôn: Hồ Khắc Khoan

- Thống lãnh quân đội toàn quyền: Phan Thành Tài

- Liên lạc giữa vua Duy Tân và tân chính phủ: Phạm Hữu Khánh

Với mục tiêu đó, rõ ràng là cuộc vận động khởi nghĩa này vẫn mô phỏng theo đường hướng của Việt Nam Quang Phục hội, nhằm tiến tới một chính phủ theo thể chế dân chủ cộng hòa, phản ánh sự chuyển hướng căn bản của phong trào dân tộc theo con đường dân chủ tư sản.

---

(1) Phan Bá Lương, *Về vai trò của ông Phan Thành Tài trong phong trào Duy Tân và cuộc khởi nghĩa Bính Thìn 1916*, Bđd.

https://tieulun.hopto.org

Mặt khác, cũng trong thời điểm Đại hội lần thứ nhất, ngoài các đại biểu của Huế (Đoàn Bổng), Quảng Nam (Thái Phiên, Phan Thành Tài), Quảng Ngãi (Lê Ngung), lực lượng nghĩa quân có thêm đại biểu của các địa phương Quảng Bình (Nguyễn Chánh), Quảng Trị (Phan Phú Tiên)(1). Được sự đồng ý của Vua Duy Tân, nghĩa quân cũng quyết định đúc bốn ấn binh lược để động viên khởi nghĩa toàn kỳ, gồm: Bình Trị, Nam Ngãi, Bình Phú, Khánh Thuận và phân công người phụ trách từng địa phương.

Do quá trình vận động xây dựng lực lượng được mở rộng, đến thời điểm cuối cùng, dựa trên tình hình các nơi như thế, kế hoạch cuối cùng được hoạch định tại Đại hội Cầu Cháy:

"- Chọn Huế làm điểm phát động, bắt đầu bằng tiếng súng thần công để báo hiệu cho kinh thành Huế và cho Quảng Trị, Quảng Bình. Lúc này ở đèo Hải Vân sẽ nổi lửa báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Hội An;

- Tất cả các tỉnh và Huế: lấy lính Việt hưởng ứng cách mạng làm lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa, lính này cấp tốc quay súng cướp ngay chính quyền để làm chủ tình thế. Bên ngoài, kéo các đạo quân và dân

---

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển nhân vật lịch sử Việt Nam* (Bộ mới), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 581.

https://tieulun.hopto.org

chúng vùng ngoại ô, vùng thôn quê (võ trang mã tấu, dao phạn, trái phá...) về hưởng ứng trợ lực khởi nghĩa.

- Đặc biệt ở Quảng Nam và Quảng Ngãi: dốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để quân lực viện trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên bờ và để mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ.

- Nếu gặp khởi nghĩa bất thành, thì các đạo quân sẽ rút về hướng tây, như Quảng Nam lui về chiếm vùng núi Bà Nà, Quảng Ngãi rút lên miền Gió Rứt, Bình Định kéo lên miền rừng Gia Rai (Pleiku), toàn là những vùng địa thế hiểm trở làm hậu thuẫn các cuộc phản công về sau, nếu có.

- Vì lực lượng yếu kém, nên các tỉnh miền Nam chỉ nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa lúc nào quân cách mạng kéo tới"[1].

Như vậy, cuộc vận động khởi nghĩa đã không chỉ vượt qua mục tiêu và quy mô như phong trào Cần Vương trước đó, mà còn phản ánh rõ một quá trình nhận thức mới có tính cách mạng về con đường vũ trang bạo động chống Pháp - có thể đã rất sát với quy luật vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền trên cơ sở bạo lực quần chúng đông đảo.

---

(1) Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thanh Tài*, Tập san *Sử - Địa* số 11, 1968 (Đại học Văn khoa Sài Gòn), tr. 89.

https://tieulun.hopto.org

Mặt khác, xây dựng một kế hoạch tổng lực khởi nghĩa tại các địa phương, nhưng nghĩa quân đã chọn Huế làm tâm điểm, coi cuộc khởi nghĩa tại Huế như một hiệu lệnh với các nơi khác thay vì hiệp đồng khởi nghĩa cùng một thời điểm. Điều này đã làm cho cuộc khởi nghĩa không bùng nổ được khi Pháp khống chế được nhóm lãnh đạo tại Huế và kiểm soát lực lượng tại đây. Các nơi khác, dù đã được tổ chức nhưng vì không nhận được hiệu lệnh từ trung tâm nên đã không triển khai được kế hoạch. Quả nhiên khi Huế không thể khởi sự và phát lệnh, thì các nơi cũng im ắng chờ đợi và khởi nghĩa đã tự tan rã; chỉ riêng Tam Kỳ đã vượt qua hạn chế đó.

Tại Tam Kỳ, khởi nghĩa vẫn nổ ra, nghĩa quân chiếm được Phủ Tam Kỳ trong hơn một ngày trước khi bị Pháp tái chiếm và đàn áp. Họ đã kịp treo được lá cờ của cuộc khởi nghĩa trên nóc của Phủ Tam Kỳ - Đó là cờ ngũ tinh mà qua đó có thể thấy rõ hơn mục tiêu cuộc vận động khởi nghĩa lớn này.

Theo một Điện văn của Pháp do tác giả Trương Văn Đàn dịch, cờ được kéo lên tại Tam Kỳ là "Cờ màu đỏ, ở góc trên là màu xanh với 5 ngôi sao trắng"(1). Trong khi đó, cờ của Việt Nam Quang Phục hội được quy định là: "Sắc cờ dùng hoàng địa, hồng tinh làm cờ nước; hồng địa, bạch tinh làm cờ quân. Hoàng là để biểu thị nhân

(1) Nguyễn Trương Đàn, *Vua Duy Tân 1916*, Nxb. Văn học, 2014, tr. 219.

https://tieulun.hopto.org

chủng ta. Hồng là biểu thị sắc nước ta. Nam phương thuộc hỏa, hỏa sắc hồng. Quân kỳ sở dĩ dung bạch tinh là tỏ rõ mục đích quân, cốt đánh đổ chính phủ người trắng"(1). Sự khác biệt này chưa có cứ liệu để có thể giải thích rõ ràng, nhưng cơ bản vẫn là những gì mà Việt Nam Quang Phục hội đã đề ra.

Như vậy, Việt Nam Quang Phục hội và lá cờ của nghĩa quân với hình ảnh "ngũ tinh" làm biểu tượng của mình, đã một lần nữa được sử dụng làm cờ hiệu, cũng phản ảnh tính thống nhất trong mục tiêu đấu tranh của phong trào dân tộc trong giai đoạn giao thời đầu thế kỷ XX, nhất là những phong trào đi theo con đường vũ trang bạo động.

* * *

Cuộc vận động khởi nghĩa đã cho thấy linh hồn của những hoạt động này là Thái Phiên và Trần Cao Vân. Trong bối cảnh Việt Nam Quang Phục hội đang bị thực dân Pháp kiểm soát, các ông vẫn kiên trì và quyết liệt thực hiện mục tiêu của Việt Nam Quang Phục hội, cũng là mục tiêu của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX. Sự gặp gỡ giữa mục tiêu của một đảng chính trị với mục tiêu của cả dân tộc đã đưa đến không khí sôi sục quyết tâm khởi nghĩa của binh lính và các tầng lớp nhân dân ở các tỉnh Trung kỳ đầu năm 1916.

---

(1) Phan Bội Châu, *Tự phán,* Nxb. Văn hóa Thông tin, 2000, tr. 186.

https://tieulun.hopto.org

Cuộc vận động không thể dẫn đến kết quả là nổ ra khởi nghĩa, đã bị vỡ lở và thất bại ngay từ trước khi dự định nổ ra; điều ấy cũng giống như hầu hết các cuộc mưu khởi xuất hiện trong thời gian này - bị kẻ thù bóp chết từ trong trứng nước. Nguyên nhân của thất bại này, "cũng như của nhiều cuộc khởi nghĩa thời bấy giờ thường bị hạn chế về nghệ thuật chỉ đạo, không giữ được bí mật kế hoạch khởi nghĩa. Vì vậy, thực dân Pháp kịp thời cấm trại, tịch thu vũ khí của số lính tập, bắt nhiều nhân vật chủ chốt ở cả hai trung tâm khởi nghĩa là Huế và Đà Nẵng"(1).

Mặc dù thế, vẫn không thể phủ nhận được những mục tiêu đúng đắn cao cả và mục đích thiết thực của phong trào do những nhà yêu nước ở Trung kỳ đã thể hiện trong năm 1916 - những mục tiêu và mục đích đã từng bước được nêu lên trong phong trào dân tộc trước đó, cũng như còn tiếp tục soi dẫn cho quá trình phát triển của phong trào dân tộc về sau.

---

(1) Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010, tr. 241.

https://tieulun.hopto.org

9

QUY MÔ CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA NĂM 1916

Cuộc vận động khởi nghĩa dù chưa nổ ra, nhưng với sự chuẩn bị của mình, các lãnh đạo và nghĩa quân đã bố trí lực lượng tại nhiều địa phương ở Trung kỳ, lấy trung tâm là kinh thành Huế, mưu tính một kế hoạch lớn chưa từng có trong lịch sử cho đến thời điểm đó - Tổng khởi nghĩa trên toàn xứ Trung kỳ, dùng hình thức vũ trang bạo động.

* * *

Tác giả Nguyễn Khánh Toàn đã nhận xét: "vụ mưu khởi nghĩa do hai sĩ phu yêu nước Thái Phiên, Trần Cao Vân trực tiếp lãnh đạo bùng nổ ở Huế, nhưng khởi nghĩa có quan hệ mật thiết với phong trào Việt Nam

https://tieulun.hopto.org

Quang Phục hội ở các tỉnh Nam Trung kỳ, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi"[1].

Thực tế quy mô cuộc vận động khởi nghĩa ấy như thế nào?

Theo ý định ban đầu của khởi nghĩa (do Lê Ngung soạn thảo: chiếm ngay ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm căn cứ, còn các nơi khác như ra đến Quảng Bình hay vào Khánh Thuận sẽ tổng phát động sau khi thành công ở ba tỉnh trên), sẽ thấy kế hoạch vận động chuẩn bị được triển khai rộng khắp trên toàn xứ Trung kỳ[2].

Theo thành phần tham gia Đại hội lần thứ nhất (tháng 9/1915) tại nhà ông Đoàn Bổng (Huế), sẽ thấy sự có mặt của đại diện các địa phương: Huế (Đoàn Bổng), Quảng Nam (Thái Phiên, Phan Thành Tài), Quảng Ngãi (Lê Ngung), Quảng Bình (Nguyễn Chánh), Quảng Trị (Phan Phú Tiên)[3]. Các đại diện của 5 tỉnh Trung kỳ trong đó có kinh thành Huế đã cho thấy những trọng điểm trong phạm vi phát triển khởi nghĩa.

Tại Huế, bên cạnh lực lượng binh lính, cảnh sát vận động trong hàng ngũ binh lính Pháp và triều đình, lực

---

(1) Nguyễn Khánh Toàn, *Lịch sử Việt Nam, tập 2,* Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989, tr. 135.

(2) Lê Ước, Sđd, tr. 85 - 86.

(3) Nguyễn Q. Thắng, Sđd, tr. 581.

https://tieulun.hopto.org

lượng quần chúng ứng nghĩa đã chuẩn bị rèn đúc vũ khí, tập hợp trên khắp các vùng ven kinh thành. Tiêu biểu như các làng Văn Thê, Thanh Lam, An Lưu, Diên Đại, Hà Trung miệt Phú Vang, An Hòa, An Cựu, Phát Lát của Hương Thủy, Hương Trà. Vị quan Tá lý về hưu, ông Tá Trung cũng đã bí mật vận động nhiều chức sắc ở vùng phụ cận, thành lập "Quế Viên thương mãi hội" ở tổng Ngọc Anh, huyện Phú Vang nhằm góp phần tài chính cho khởi nghĩa[1]. Ở một số nơi khác, địa bàn hoạt động của nghĩa quân cũng được tổ chức rộng rãi.

Đà Nẵng và Quảng Nam là nơi nghĩa quân sẽ mở đường nhận tiếp viện với lực lượng tiếp ứng từ Thái Lan. Quanh vùng bán đảo Sơn Trà và cửa sông Hàn, các đội dân binh được thành lập. Dân binh hai làng Nghi An, Phong Lệ còn nhận nhiệm vụ đốn ngã cây, lăn ra đường lớn để cản quân tiếp viện của Pháp từ Quảng Nam ra hay Huế vào[2]. Tại Hội An, Lê Đình Dương và Phan Thành Tài đã tích cực tổ chức lực lượng ngay tại trung tâm phủ lị. Phủ Điện Bàn với sự chỉ huy của Trần Chương, nghĩa quân cũng phát triển và thậm chí có thể tấn công thành La Qua trong cuộc khởi nghĩa, tuy nhiên họ bị giải tán nhanh chóng. Đặc biệt, nghĩa quân phát triển mạnh tại Tam Kỳ do nơi đây có lực lượng quần chúng rộng rãi, dựa trên nòng cốt là các

---

(1) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 206.

(2) Lê Ước, Sđd, tr. 91.

https://tieulun.hopto.org

nhóm chống Pháp được thành lập từ trước xung quanh một số làng. Các đội nghĩa binh đã được thành lập ở các làng như: Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thạnh Bình. Ngoài ra, các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa còn lên đến Bồng Miêu (mỏ vàng), Đức Phú (đồn điền chè) để vận động công nhân trở về tham gia ứng nghĩa[1]. Bên cạnh đó, lực lượng nghĩa quân cũng có mặt trên khắp các làng kéo dài từ Hòa Vang đến Tam Kỳ. Có nơi là cơ sở quan trọng như làng La Châu (Hòa Vang), nơi diễn ra cuộc gặp quan trọng của Trần Cao Vân, Thái Phiên trong việc hội kiến về thời gian khởi nghĩa.

Quảng Ngãi là nơi có tiềm lực mạnh, một trong hai địa phương chủ lực trong cuộc khởi nghĩa với vai trò của Lê Ngung và Nguyễn Thụy. Từ sau tháng 2/1915, nghĩa quân ở Quảng Ngãi đã chú ý phát triển lên vùng miền núi phía tây và xây dựng được lực lượng trong địa bàn từ Minh Long đến Ba Tơ, mở rộng lên đến Măng Đen (Kon Tum) và vùng giáp ranh với Bình Định (An Đỗ). Các nơi như làng Xuân Yên, làng Thành Thiện, Long Phụng (phủ Tư Nghĩa), làng An Điềm (phủ Bình Sơn), làng Cam Lộ cũng trở thành

(1) Nguyễn Phước Tương, "Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội tại phủ Tam Kỳ". http://www.vusta.vn, ngày 21/4/2016.

https://tieulun.hopto.org

những địa danh nổi tiếng can trường của Quảng Ngãi sau cuộc mưu khởi.

Theo kế hoạch đúc bốn ấn binh lược để động viên khởi nghĩa toàn kỳ (được sự đồng ý của vua Duy Tân), lại thấy có sự phân chia các khu vực liên tỉnh: Bình Trị (Quảng Bình, Quảng Trị) - Nam Ngãi (Quảng Nam, Quảng Ngãi) - Bình Phú (Bình Định, Phú Yên) - Khánh Thuận (Khánh Hòa, Bình Thuận). Việc tổ chức liên kết các tỉnh dọc miền duyên hải Trung kỳ cho thấy khả năng tự chủ phát triển của các cụm địa phương và do đó cũng có khả năng mở rộng liên kết phát triển địa bàn của các khu vực khi được toàn quyền theo "Ấn binh lược sứ".

Tuy Quảng Trị không có được lực lượng mạnh như hai tỉnh Nam Ngãi nhưng cùng với nỗ lực của những người như Quản Thiệu và Khóa Bảo, nơi đây có hai nhóm chính của nghĩa quân là lực lượng binh lính cùng các đội tự vệ đã được kết tập. Ngoài ra, các nhóm còn kéo dài đến Quảng Bình ở phía bắc và Phú Yên ở phía nam, nghĩa quân cũng có những đội dân binh ứng nghĩa dưới sự lãnh đạo của những người như: Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Võ Thượng Khải (Phú Yên).

Theo phương án đề ra tại Đại hội Cầu Cháy (làng Xuân Yên, Quảng Ngãi) sát ngày dự định khởi sự (tháng 3/1916), dựa trên tình hình thực tế chuẩn bị ở các nơi, cho thấy quy mô còn rộng hơn thế. Cụ thể là:

https://tieulun.hopto.org

- Chọn Huế làm điểm phát động, bắt đầu bằng tiếng súng thần công để báo hiệu cho kinh thành Huế và cho Quảng Trị, Quảng Bình. Lúc này ở đèo Hải Vân sẽ nổi lửa báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Hội An;

- Đặc biệt ở Quảng Nam và Quảng Ngãi: dốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để quân lực viện trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên bờ và để mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ.

- Nếu gặp khởi nghĩa bất thành, thì các đạo quân sẽ rút về hướng tây, như Quảng Nam lui về chiếm vùng núi Bà Nà, Quảng Ngãi rút lên miền Gió Rứt, Bình Định kéo lên miền rừng Gia Rai (Pleiku), toàn là những vùng địa thế hiểm trở làm hậu thuẫn các cuộc phản công về sau, nếu có.

- Vì lực lượng yếu kém, nên các tỉnh miền Nam chỉ nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa lúc nào quân cách mạng kéo tới[1].

Như thế các địa danh được nhắc tới (Xiêm, Pleiku, miền Nam...) chắc hẳn không phải chỉ là nói phóng đại, bởi đây là kế hoạch bạo động đòi hỏi phải có dự tính có cơ sở, có liên hệ và đã được kiểm chứng mới có thể đưa vào phương án cuối cùng. Phạm vi khởi nghĩa như

---

(1) Lê Ước, Sđd, tr. 89.

https://tieulun.hopto.org

thế dù còn trong trứng nước và chỉ dừng lại ở dự kiến, cũng cho thấy đã vượt khỏi quy mô một cuộc khởi nghĩa thông thường đương thời.

Thêm một dữ kiện về việc chính Thái Phiên, Trần Cao Vân đã mong muốn kéo dài thời gian chuẩn bị, ít nhất là dời khởi nghĩa lại vào tháng 6/1916. Nhưng do những điều kiện bắt buộc về lực lượng như lính (lính thợ) được mộ đi Pháp đang chờ để chuẩn bị lên đường và cũng do đề nghị của vua Duy Tân, cuộc khởi nghĩa đã được quyết định sớm. Tình hình đó dù là "giả định" cũng cho biết thực tế khả thi, nếu có thêm thời gian, việc xây dựng lực lượng có thể sẽ lớn mạnh hơn và địa bàn khởi nghĩa sẽ được chú trọng trong vấn đề mở rộng.

Theo chiếu chỉ đề ngày 03/5/1916 của vua Duy Tân viết: "Trẫm, Hoàng đế An Nam ban bố Chiếu chỉ này đến các quan lại đương chức, các cựu thần, các sĩ phu, các hào mục, các sĩ tử, các nhà công thương, các binh lính cùng toàn thể thần dân trong khắp ba xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ hãy tuân theo mệnh lệnh của Trẫm cùng nổi dậy theo thời khắc quy định để không chậm trễ trong việc khôi phục lại giang sơn"(1), vậy là cuộc vận động khởi nghĩa này sẽ không chỉ trong phạm vi Trung kỳ nữa, mà sẽ là trên cả ba xứ, tức là toàn quốc - điều mà các cuộc khởi nghĩa trước và sau đó chưa hề vươn tới (dù chỉ là dự tính như hô hào của nhà vua).

---

(1) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 189.

https://tieulun.hopto.org

Ngày 03/5/1916, trong khi Vua Duy Tân chuẩn bị cho việc xuất cung của mình cùng các thị vệ để đến với khởi nghĩa, thì trên dòng sông Hương, có một cuộc tụ nghĩa lịch sử đã diễn ra. Những nhân vật trọng yếu của nghĩa quân từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị đã đi bằng nhiều con đường khác nhau về Huế hợp cùng lực lượng tại chỗ của Nguyễn Quang Siêu, Trương Văn Chúng, Đoàn Bổng. Thái Phiên đi bằng chuyến tàu lửa buổi sáng, Trần Cao Vân đi bằng chuyến tàu buổi chiều, những người khác như Lê Cơ, Lê Cảnh Hàn, Phạm Thành Chương cũng bí mật vượt đèo Hải Vân, các nhóm của Nguyễn Khoan (Ấm Vệ), Hổ Khê, Đậu Binh, Khóa Bảo từ Quảng Trị cũng nam tiến cùng tụ nghĩa. Cuộc tụ nghĩa trên sông Hương có ý nghĩa như một Đại hội lần cuối trước thời khắc nổ súng của nghĩa quân. Phía ngoài, trên các chi lưu của dòng Hương Giang, dân binh cũng tụ hội, âm thầm tập kết về các điểm hẹn, vừa bảo vệ cho những chiếc thuyền của các thủ lĩnh nghĩa quân, vừa chuẩn bị tích cực cho việc khởi nghĩa.

Mặt khác trong "Chiếu khởi nghĩa" do chính tay vua Duy Tân viết ngày 5-5-1916, ông kêu gọi các lực lượng các nơi tham gia khởi nghĩa và tập trung hội binh ở Huế. Vua Duy Tân cũng phong tướng quân cho một số người ở các địa phương, như Nguyễn Đức Công (Hoàng Trọng Mậu) ở Hà Tĩnh, Nguyễn Bùi Lễ ở Quảng Nam, Trần Phu ở Hà Tĩnh, Vũ Đình Xán ở Nghệ An; trong đó Nguyễn Đức Công còn được vua Duy Tân phong làm chỉ

https://tieulun.hopto.org

huy tối cao trong chiếu dụ (mặc dù lúc này Nguyễn Đức Công đang hoạt động ở Trung Quốc và chuẩn bị phối hợp cùng lực lượng của Nguyễn Cầm Giang ở Bắc kỳ[1]).

Những kế hoạch và phương án khởi nghĩa cùng một số hoạt động của các lãnh đạo cuộc mưu khởi cho thấy sự tính toán cụ thể của bộ chỉ huy cuộc vận động, đã chuẩn bị lực lượng cụ thể, địa bàn chiến lược cụ thể trên cả phạm vi rộng lớn. So với ý đồ và quyết định ban đầu, địa bàn chiến lược của khởi nghĩa dần dần được mở rộng, các địa phương được chiếu cố với các vai trò khác nhau trước và sau thời điểm mở đầu khởi nghĩa đang có cơ hội chắp nối và liên kết với nhau.

Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân cũng diễn ra trên địa bàn Trung kỳ tương tự như phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, nhưng lần này đã vượt qua quy mô xây dựng lực lượng, tổ chức kháng chiến của thời kỳ Cần Vương, đã vươn tới xác định là một cuộc tiến công tổng lực, nhanh chóng, có mục đích, mục tiêu rõ ràng ngay từ đầu - có thể gọi là "một cuộc tổng khởi nghĩa" được chuẩn bị kỹ lưỡng của các lãnh đạo khởi nghĩa trước thời cơ chiến tranh thế giới. Nghĩa quân không chỉ chuẩn bị những vấn đề về quân lực, sức mạnh mà còn hướng đến tổ chức chính phủ (lâm thời), chuẩn bị phân công quản lý các khu vực địa phương; thậm chí tại đây, lần đầu tiên còn

(1) Nguyễn Trương Đàn, *Vua Duy Tân 1916*, Nxb. Văn học, 2014, tr. 46, 134.

https://tieulun.hopto.org

thấy hình dáng của một cuộc khởi nghĩa vũ trang quần chúng tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân.

* * *

Thông qua những phân tích trên, có thể thấy một số đặc điểm về quy mô cuộc mưu khởi. Địa bàn cuộc khởi nghĩa đã và sẽ - trước mắt và lâu dài, đã mang tính quần chúng rộng rãi, rộng khắp và tổng thể. Địa bàn Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, nghĩa quân đã tạo được một cơ sở quần chúng mạnh, vững chắc; trong khi đó ở một số nơi xa hơn như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, lực lượng nghĩa quân về vũ trang lẫn dân chúng vẫn còn yếu.

Một nỗ lực của cách mạng Việt Nam nhằm bày tỏ tinh thần đấu tranh sau thời gian mà những phong trào ôn hòa như Đông Du (bạo động nhưng bí mật), Duy Tân bị ngăn chặn và dập tắt trong tức tưởi - Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 đã vượt qua tất cả quy mô các cuộc khởi nghĩa trước đó và đương thời, vượt qua tính địa phương cụ thể của một vài tỉnh để vươn tới quy mô toàn xứ, thậm chí có thể vươn tới liên xứ.

Như thế, tuy không thể đòi hỏi tính rộng lớn toàn quốc, nhưng một khi khởi nghĩa nổ ra được thì những tư tưởng và kế hoạch, phương án đã có kia nhất định sẽ không giới hạn như dự tính nữa, hoàn toàn có thể tự phát mà vươn tới.

https://tieulun.hopto.org

10

TÍNH CHẤT CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

Cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp ở Trung kỳ dự định nổ ra vào đầu tháng 5/1916 đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân từ vua quan đến binh lính, công nhân, nông dân ở thành thị cũng như nông thôn tham gia nhiệt tình và hăng hái. Do cơ mưu bị bại lộ nên không thể nổ ra, để rồi bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa đã định hình với những đặc điểm, tính chất cụ thể. Nghiên cứu cuộc khởi nghĩa này ta thấy nổi lên ba tính chất cơ bản: tinh thần dân tộc, tinh thần dân chủ và tính nhân dân.

Cuộc vận động mang tinh thần dân tộc sâu sắc

Yêu nước và sẵn sàng hy sinh để giành và giữ nền độc lập dân tộc là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam. Tinh thần dân tộc cao cả đó được hun đúc

https://tieulun.hopto.org

qua hàng ngàn năm lịch sử và luôn được phát huy mạnh mẽ khi các thế lực ngoại bang kéo vào xâm lược nước ta. Từ giữa thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân khắp nơi trong cả nước đã đứng dậy chống Pháp dưới nhiều hình thức, dưới sự lãnh đạo của các lực lượng khác nhau, theo nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, từ những cuộc khởi nghĩa mang tính tự phát cho đến cả phong trào đấu tranh dưới ngọn cờ lãnh đạo quốc gia mà các thế hệ vua quan, văn thân khởi xướng.

Cuối thế kỷ XIX, phong trào Cần vương cứu nước dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân đã bị dập tắt, nhưng nói như PGS. Chương Thâu thì, "tinh thần diệt thù cứu nước vẫn chưa chìm xuống. Tiếng vang của các cuộc khởi nghĩa (từ Phan Đình Phùng đến Đề Thám) vẫn còn ảnh hưởng lớn, vẫn thôi thúc mọi người. Lớp văn thân trước kia, có vai trò chỉ đạo các cuộc nổi dậy, tuy không còn người lãnh tụ tiêu biểu nữa, song cái chí nguyện độc lập, tự do, chống bọn xâm lăng của họ vẫn còn đó, còn nung nấu chí nguyện phục thù. Ở một số nhà nho kế cận, vẫn còn thấy được hấp dẫn bởi những ngọn cờ quật khởi, vẫn mong được vì "non nước tuốt gươm ra""[1]. Tuy nhiên, kiểu đấu tranh với các

(1) Chương Thâu, "Phong trào Duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX", trong Đỗ Thị Minh Thúy - Nguyễn Hồng Sơn (Đồng chủ biên), *Phong trào Duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2010, tr. 32.

https://tieulun.hopto.org

biện pháp truyền thống như lập căn cứ, tấn công cướp thành, giành đất như các cuộc khởi nghĩa trước đây, có lẽ không còn phù hợp nữa. Các vị đã nhận ra điều cơ bản là phải đánh địch bằng phương cách khác, phù hợp với điều kiện xã hội mới, huy động được nhiều tầng lớp xã hội tham gia.

Đầu thế kỷ XX, tình hình đất nước đã thay đổi nhiều, người Pháp đã hoàn thành công cuộc bình định và đang bước vào thời kỳ khai thác thuộc địa, Nam kỳ đã khoác lên mình một bộ mặt mới mang màu sắc văn minh phương Tây. Trung kỳ, Bắc kỳ tuy có chậm nhưng cũng đã đổi thay trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc cũng đòi hỏi phải thay đổi về mặt tư duy. Những đòi hỏi của lịch sử đã được đáp ứng bởi sự cộng hưởng giữa những tác động từ bên ngoài như tân văn, tân thư (từ Trung Quốc, Nhật Bản), các tác phẩm của phương Tây cổ súy tinh thần dân chủ,... và sự đổi mới trong nhận thức của các nhà nho cấp tiến Việt Nam khi họ tiếp nhận "cơn sóng trào" dội vào từ các phía, để rồi một phong trào Duy tân - Đông du - Đông Kinh Nghĩa Thục rầm rộ diễn ra trên khắp ba kỳ Nam - Trung - Bắc.

Tuy có khác nhau về phương thức tiến hành, sớm muộn về thời gian, hiệu quả và tác động mạnh yếu trên các mặt của đời sống xã hội, song có thể nhận ra rằng, phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX là cả một cuộc vận

https://tieulun.hopto.org

động của toàn dân tộc, một sự chuyển mình căn bản trên cả tư duy lẫn nội dung và hình thức phong trào cứu nước, cứu dân. Kết quả của phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX là dân tộc Việt Nam đã bước đầu "*khai dân trí, chấn dân khí*", đem lại nhiều đổi thay cho đời sống dân sinh. Nhìn tổng quan ta thấy tinh thần dân tộc Việt Nam trỗi dậy mạnh mẽ. Chính điều đó đã làm cho chính quyền thực dân lo sợ và phải ra tay đàn áp. Tháng 11/1907, chúng đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục; tháng 5/1908, dập tắt phong trào "cự sưu khất thuế" ở Trung kỳ; tháng 9/1908, thỏa hiệp với chính phủ Nhật trục xuất các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ra khỏi nước Nhật. Phong trào yêu nước tạm lắng xuống trước sự đàn áp của chính quyền thực dân. Song, ngọn lửa đấu tranh của người dân Việt vẫn âm ỉ và chờ một làn gió mới để bùng lên.

Sau khi bị trục xuất khỏi nước Nhật, chí sĩ Phan Bội Châu cùng một số đồng chí sang Trung Hoa tìm cơ hội khôi phục phong trào. Năm 1912, sau Cách mạng Tân Hợi Trung Hoa, Phan Bội Châu khởi xướng thành lập Việt Nam Quang Phục hội, một tổ chức yêu nước của người Việt Nam ở Quảng Đông. Ngay từ khi tuyên bố thành lập, tổ chức này đã xác lập tôn chỉ, mục đích là "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân chủ Việt Nam". Việt Nam Quang Phục hội nhanh chóng phát triển, về nước và được sự

https://tieulun.hopto.org

hưởng ứng mạnh mẽ của giới nhân sĩ yêu nước cả ba kỳ Bắc - Trung - Nam, trong đó tập hợp không ít những nhân sĩ trí thức yêu nước đã từng tham gia phong trào Đông Du và Duy Tân trước đó.

Từ năm 1913 Việt Nam Quang Phục hội đã tiến hành nhiều hoạt động chống Pháp ở trong nước như ném tạc đạn vào khách sạn Hanoi Hôtel ở phố Tràng Tiền, Hà Nội, năm 1913, giết chết hai người Pháp là Chapuis và Montgrand và làm một số người khác bị thương(1). Cuối năm 1914, Phan Bội Châu bị nhà chức trách Trung Hoa bắt giam, mãi đến năm 1917 mới được thả. Tuy vậy, Việt Nam Quang Phục hội vẫn tiếp tục hoạt động. Tháng 3 năm 1915, Việt Nam Quang Phục hội chủ trương đánh úp Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Khẩu với ba đường do Nguyễn Mạnh Hiếu, Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Trọng Mậu chỉ huy.

Ngày 28/9/1915, tù nhân Lao Bảo, chủ yếu là các thành viên của Việt Nam Quang Phục hội, Duy Tân hội, do Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện chỉ huy đã nổi dậy.

Năm 1916, Việt Nam Quang Phục hội mưu tổ chức khởi nghĩa ở Trung kỳ.

Sau đó, Hội còn tổ chức khởi nghĩa ở Thái Nguyên vào năm 1917, mưu sát Toàn quyền Đông Dương Martial

(1) Chính quyền Pháp đàn áp mạnh mẽ, lập Hội đồng Đề hình vào tháng 5/1913 để truy tố 99 người. Họ tuyên án tử hình bảy người, một người bị án chung thân khổ sai và tám người bị án lưu đày.

https://tieulun.hopto.org

Henri Merlin vào tháng 6/1924 ở Sa Diện, Quảng Châu (Trung Quốc). Năm 1925, Phan Bội Châu bị Pháp bắt đưa về an trí ở Huế, Việt Nam Quang Phục hội từ đó tan rã.

Trong các hoạt động vũ trang của Việt Nam Quang Phục hội, cuộc mưu khởi nghĩa ở Trung kỳ đã để lại nhiều ấn tượng sâu đậm, tạo được tiếng vang lớn trong phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc. Ở đây ta thấy, những người lãnh đạo cao nhất cuộc khởi nghĩa, ngoài vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân là hai yếu nhân quan trọng, hai cán bộ của Việt Nam Quang Phục hội, là những người từng tham gia phong trào chống Pháp trước đó, từng vào tù ra khám nhưng vẫn không nản chí, nao lòng. Nhìn vào bộ chỉ huy cao nhất của cuộc khởi nghĩa, ta thấy các địa bàn quan trọng như Thừa Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng - Hội An, Quảng Ngãi đều do những hội viên nòng cốt của Việt Nam Quang Phục hội đảm trách.

Kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, hầu hết các địa phương lực lượng khởi nghĩa đều bị lùng sục, bắt bớ trước khi kịp nổ ra, duy chỉ có Tam Kỳ - Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa nổ ra chóng vánh và cũng sớm thất bại.

Cuộc khởi nghĩa Trung kỳ năm 1916 tuy thất bại nhưng đã tiếp nối, như khơi thông dòng chảy lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Các sĩ phu văn thân trong phong trào Cần vương, các chí sĩ trong

https://tieulun.hopto.org

phong trào Đông Du - Duy Tân - Đông Kinh Nghĩa Thục, các hội viên Việt Nam Quang Phục hội... là các thế hệ kế tiếp nhau, thậm chí nhiều người cùng thế hệ trải suốt dặm dài đấu tranh của dân tộc. Họ đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ vì mục đích cao cả là giành lại nền độc lập cho nước nhà.

Trong số 13 ông vua triều Nguyễn, Duy Tân là một trong ba ông vua có tinh thần yêu nước, chống Pháp. Vua cha Thành Thái đã bộc lộ tinh thần dân tộc rất cao. Ông khinh ghét những bọn quan lại xu phụ thực dân. Nhà vua ngấm ngầm chuẩn bị chống Pháp. Cuối cùng người Pháp đã buộc Thành Thái thoái vị và đưa hoàng tử Vĩnh San lên ngôi, tức vua Duy Tân vào năm 1907.

Vua Duy Tân, một ông vua lên ngôi khi còn rất trẻ (sinh năm 1900, lên ngôi năm 1907, tức mới 7 tuổi), nhưng rất thông minh và có khí phách của một ông vua yêu nước. Sau ngày đăng quang (5/9/1907), vua Duy Tân đã hoàn toàn thay đổi so với hoàng tử Vĩnh San trước đó, vì vậy, một nhà báo Pháp đã phát biểu rằng: "*Một ngày lên ngai vàng đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của cậu bé lên tám*" (Un jour de trône a complètement changé la figure d'un enfant de huit ans).

Vua Duy Tân căm ghét người Pháp vì cách hành xử của họ đối với vua cha Thành Thái. Ông sớm bày tỏ thái độ bất bình, bất hợp tác với Pháp ra mặt khi người

https://tieulun.hopto.org

Pháp xúc phạm đến phong tục của người Việt Nam. Nhà vua còn có ý thức chống lại người Pháp. Bởi vậy, khi được Thái Phiên và Trần Cao Vân vận động tham gia khởi nghĩa, nhà vua đã rất cảm kích và nhận lời ngay, thậm chí còn bày tỏ sự nôn nóng muốn cuộc khởi nghĩa nhanh chóng nổ ra. Ngày 5/5/1915 (22 tháng 3 năm Duy Tân thứ chín), nhà vua đã ra một bản chỉ dụ kêu gọi thần dân trong nước nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh chống Pháp với lời lẽ thống thiết.

Sắp đến ngày khởi nghĩa, vua Duy Tân còn ban bố mật chiếu để ra lệnh cho "tất cả các quan lại trên ba kỳ nổi dậy, bắt đầu cuộc đấu tranh gọi là "Nghĩa" của những người trung thành vào đêm mồng 2 rạng ngày mồng 3 tháng Tư, tức mồng 3 sáng 4 tháng Năm"(1).

Vua Duy Tân nôn nóng khởi nghĩa là vì sợ để lâu ắt dễ bị lộ. Điều mà nhà vua lo lắng cuối cùng cũng đã xảy ra. Kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ từ Quảng Ngãi, thực dân Pháp đã nắm được thông tin và thông báo cho nhau để đối phó với lực lượng khởi nghĩa. Cơ mưu bại lộ, cuộc khởi nghĩa thất bại. Vua Duy Tân cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu bị bắt tại chùa Ngũ Phong (gần An Cựu, thành phố Huế). Bốn vị bị giam ở ngục Thừa Thiên sau đó lãnh án chém, còn vua Duy Tân bị bắt giam ở đồn Mang Cá sau đày qua đảo Réunion (ở Đông Phi thuộc Pháp) trên chiếc tàu

(1) Dẫn theo Ngô Văn Minh, Sđd, tr. 220.

https://tieulun.hopto.org

Guadiana (ngày 3/11/1916 trực chỉ sang hải cảng Point des Gates vào ngày 20/11 năm ấy).

Chiều ngày 16/5/1916, theo lệnh của Toàn quyền Đông Dương, bộ Hình vội vã giải Thái Phiên, Trần Cao Vân và hai thị vệ của vua Duy Tân là Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đến pháp trường Cống Chém ngoài cửa An Hòa của kinh thành Huế. Cuộc hành quyết bốn chí sĩ cách mạng đã diễn ra lúc 16 giờ 30 phút[1].

Mặc dầu bị thất bại từ khi mới khởi phát, nhưng cuộc khởi nghĩa Trung kỳ 1916 đã gây nên sự rúng động đến toàn bộ nền thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nó đã tạo được tiếng vang lớn trong công cuộc chống Pháp ở Việt Nam nói riêng, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa nói chung vào thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), như Lênin đánh giá "nó đã góp phần báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng Á Đông"[2].

---

(1) Nhiều tài liệu ghi ngày 17/5/1916, nhưng gần đây nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn trên tạp chí *Xưa và Nay* và báo *Đà Nẵng cuối tuần* lại dẫn các tờ báo *Trung Bắc Tân Văn* (số ngày 27/5/1916), *Lục Tỉnh Tân Văn, Nông Cổ Mín Đàm* (8/6/1916) cho rằng cuộc xử chém diễn ra lúc 16 giờ 30 chiều 16/5/1916. Mẩu tin ngắn trên báo *Trung Bắc Tân Văn* ghi rõ: "Hồi 4 giờ rưỡi chiều 16 Mai, bốn người mưu việc khởi loạn Trung kỳ, đã phải xử tử tại đường Quảng Trị, cách la-ga An Hòa 100 thước. Một người tên là Trần Cao Vân và một người là Thái Phiên, cùng ở Quảng Nam cả...". Nguồn: http://www.baodanang.vn.

(2) Dẫn theo Ngô Văn Minh, Sđd, tr. 234.

https://tieulun.hopto.org

Cuộc vận động có tính dân chủ rộng rãi

Từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi các cuộc khởi nghĩa chống Pháp trên cả ba xứ Việt Nam đều bị dập tắt, chính quyền thực dân Pháp triển khai ồ ạt cuộc khai thác thuộc địa một cách hiệu quả, đẩy mạnh việc áp đặt một phương thức sản xuất tư bản vào Việt Nam; từ đó tạo nên sự biến đổi sâu sắc về kinh tế và xã hội ở Việt Nam.

Thực ra thời kỳ ấy "bản thân xã hội Việt Nam chưa cấp bách đòi hỏi phải phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng công cuộc chống ngoại xâm lại cấp bách đòi hỏi phải duy tân, tự cường"(1). Khi tầng lớp tiểu tư sản có một bước phát triển và mầm mống của giai cấp tư sản đã xuất hiện, thì ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã làm cho các sĩ phu Việt Nam yêu nước có sự thay đổi trong nhận thức, một bộ phận không nhỏ đã đi theo xu hướng dân chủ tư sản, thể hiện qua các phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Quang Phục hội,...

Bấy giờ, trong hoạt động cứu nước, hầu như các nhà duy tân đều nhận thức được một điều rất cơ bản là

---

(1) Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 54.

https://tieulun.hopto.org

"muốn giành thắng lợi không thể đơn thuần tiến hành đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp, mà phải biết kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh hòa bình, hợp pháp, đấu tranh trong nước và đấu tranh ở nước ngoài, dựa vào sức mình, nhưng phải biết khai thác sự giúp đỡ của các nước khác, đồng thời phải rất coi trọng mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, đào tạo cán bộ đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp cách mạng"(1).

Phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh đề xướng đề cao tư tưởng dân chủ tư sản với nội dung cơ bản là "*khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*". Tư tưởng này đi vào chủ trương và hành động thực tế phong trào dân tộc "đã tác động mạnh mẽ vào tư tưởng, tâm lý quốc dân đầu thế kỷ XX: Từ quan niệm trung quân chuyển sang tôn dân, xem "dân ta là thánh là thần". Từ cách làm ăn manh mún của người nông dân chuyển sang ý thức "dĩ nông hợp quần". Từ quan niệm thứ bậc sĩ, nông, công, thương, xem nhẹ nghề buôn chuyển sang làm ăn kinh doanh theo quy mô hợp thương "dĩ thương hợp quần". Từ lối học *tầm chương trích cú*, xem chữ Hán là chữ Thánh hiền, chỉ biết thế giới bên ngoài hầu như chỉ mỗi Trung Hoa, tinh hoa văn hóa bên ngoài hầu

---

(1) Nguyễn Văn Hạnh, "Đông Kinh Nghĩa Thục với mô hình giáo dục mới và tinh thần tự phê phán dân tộc", trong *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục,* Nxb. Tri thức, 2008, tr. 56 - 57.

https://tieulun.hopto.org

như có mỗi *Tứ thư, Ngũ kinh*, đã bước sang lối học mới trong thực nghiệp, chú tâm nhiều về cơ xảo, nắm bắt cả những tư tưởng của Mạnh-đức-tư-cưu (Montesqieu), Lư-thoa (Rousseau). Ngay cả cách ăn mặc cũng thay đổi: bỏ áo dài, khăn đóng, búi tóc củ hành, thay bằng mặc đồ ngắn, cắt tóc ngắn"[1].

Cuộc vận động Duy Tân đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước chống Pháp của nhân dân trong cả nước, khơi dậy và nuôi dưỡng lòng yêu nước, vận động tân văn hóa, tân sinh hoạt, đề xướng dân quyền, đề cao nghề nghiệp, cải thiện sản xuất, phát triển công nông thương nghiệp, xây dựng một nền giáo dục chống từ chương, khoa cử, đề cao khoa học, chữ Quốc ngữ. Cuộc đấu tranh này nhằm đòi lại giá trị thực của người Việt Nam, chống vọng ngoại, chống chủ nghĩa cá nhân, đề cao đoàn thể, phát huy nội lực, tiếp tục kế thừa và phát triển truyền thống chuộng cách tân của dân tộc, trực tiếp châm ngòi cho phong trào chống sưu thuế 1908.

Sau vụ chống thuế Trung kỳ (3/1908) và vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (6/1908), thực dân Pháp nhân đó quy trách nhiệm cho sĩ phu duy tân và thẳng tay đàn

---

(1) Ngô Văn Minh, "Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX - Thời gian, không gian, chủ thể và phương thức hoạt động của nó", trong *Phong trào Duy Tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Sđd, tr. 61.

https://tieulun.hopto.org

áp, bắt hầu hết giáo viên, giải tán hội buôn, đóng cửa *Đăng cổ tùng báo*(1), cấm diễn thuyết, nói chuyện, cấm lưu hành và tàng trữ các tác phẩm của nhà trường.

Việt Nam Quang Phục hội là sự tiếp nối, kế thừa, cũng như sự tập hợp lực lượng của phong trào Duy Tân - Đông Du - Đông Kinh Nghĩa Thục và phát triển lên một bước cao hơn(2), nhất là việc xác định mục tiêu: Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân chủ Việt Nam.

Trung thành với tư tưởng dân chủ ấy, những yếu nhân của Việt Nam Quang Phục hội trong cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ khi họp bàn việc chuẩn bị xây dựng đất nước sau thắng lợi, đã dự tính xây dựng một chính thể theo dân chủ tư sản đại nghị, định

---

(1) *Đăng cổ tùng báo* và *Đại Việt tân báo* là hai cơ quan ngôn luận của Đông Kinh Nghĩa Thục. Năm 1907 ở Hà Nội, *Đăng cổ tùng báo* đăng tải những bài kêu gọi lòng yêu nước, chống tục lệ phong kiến... Báo bị chính quyền đóng cửa vào ngày 11/11/1907. Vài ngày sau khi *Đăng cổ tùng báo* đóng cửa, tờ *Lục tỉnh tân văn* ra mắt số 1 tại Sài Gòn.

(2) Tại các tỉnh miền Trung, các nhà hoạt động Duy Tân và Đông Du trước đây phần lớn chuyển theo Quang Phục hội: Phan Thành Tài (1878 - 1916), Lê Ngung (1865 - 1916), Thái Phiên (1882 - 1916) là những người đầu tiên tổ chức Quang Phục hội. Khi Trần Cao Vân (1866 - 1916) từ đảo Côn Lôn mãn hạn tù trở về Quảng Nam vào tháng 1/1915, liền tham gia vào tổ chức này. Theo Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam, Đất nước & Nhân vật*, Nxb. Văn hóa, 1996, tr. 548, 566; Tô Đình Cơ, *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866 - 1916)*, Sở VHTT Bình Định, 1995, tr. 43 - 44.

https://tieulun.hopto.org

Quốc kỳ, Quân kỳ, Quốc hiệu, Thủ đô và thảo Hịch khởi nghĩa.

Chiếu chỉ Phục quốc của vua Duy Tân cũng xác định rõ Cương lĩnh với đường lối lớn, trong đó, điều thứ hai xác định phải "*Tạo dựng một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu "Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường Văn Minh*""; điều thứ ba xác định cần "*Thiết lập một Hiến chương chính trị liên quan đến Nhà nước lập hiến và những quyền tự do chính trị*"(1).

Quá trình chuẩn bị và tiến tới của cuộc vận động khởi nghĩa còn cho thấy các bước phát triển phong trào đã hoàn toàn chuyển theo tinh thần và tư tưởng dân chủ mà Việt Nam Quang Phục hội đã chủ trương, ứng dụng vào thực tiễn phong trào vận động quần chúng, tập hợp đông đảo quần chúng nhiều thành phần, nhiều lực lượng, trên nhiều địa phương, không còn bó hẹp như xưa nữa. Tính dân tộc đã kéo theo tính dân chủ, tập hợp lực lượng rộng rãi gồm nhiều thành phần, phát huy tất cả những khả năng và tinh thần chủ động của các bộ phận, các tầng lớp... Đó là điều chưa từng thấy trong các cuộc vận động đương thời, do đó cũng phản ánh rõ xu hướng đi theo con đường dân

---

(1) Lưu tại Trung tâm lưu trữ Hải ngoại của Pháp ở Aix-en-Provence ANOM, phông Văn khố Toàn quyền Đông Dương, hồ sơ 9588 nhan đề "Triều đình An Nam. Cuộc mưu loạn ở Huế. Việc chạy trốn và lưu đày vua Duy Tân, 1916", tài liệu số 33.

https://tieulun.hopto.org

chủ. Trong khả năng nhận thức của các lãnh tụ khởi nghĩa có thể chưa thống nhất cao cũng như chưa nhận nhận thức đầy đủ về con đường dân chủ, nhưng thực tế quá trình vận động cho thấy đó là con đường không thể khác được, nó sẽ tiếp tục phát triển khi khởi nghĩa nổ ra và thắng lợi.

Cuộc vận động mang đậm tính nhân dân và quần chúng đông đảo

Ít có cuộc khởi nghĩa nào có quy mô rộng lớn, huy động được một lực lượng đông đảo bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân và cả binh lính trong hàng ngũ đối phương như cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916, diễn ra trên hầu hết các tỉnh Trung kỳ, từ Quảng Bình ở phía Bắc đến Bình Thuận ở phía Nam. Tài liệu lưu trữ ghi: "tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu; tại Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu; riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân trong số này (của vua Duy Tân) từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiểu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí; trong khi đó, ở

https://tieulun.hopto.org

quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 đến 80 người đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế; số thủ lĩnh này đã họp kín với vua Duy Tân hồi 10 giờ đêm ngày 3/5/1916, và vua Duy Tân đã ra lời kêu gọi quan lại, sĩ dân nổi dậy khởi nghĩa"[1].

Trong khi đó tại Phú Yên, nơi Trần Cao Vân đã hoạt động một thời gian dài cùng với Võ Trứ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang năm 1900 nhưng không thành[2], rất nhiều cơ sở và đồng chí của ông đang chờ đợi thời cơ nổi dậy. Trần Cao Vân phái Lương Thái Hòa, một người có tài tổ chức vào bắt liên lạc với các tỉnh Bình Định, Phú Yên và giao nhiệm vụ vận động cuộc nổi dậy ở Phú Yên cho Võ Thượng Khải[3].

---

(1) Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 365.

(2) Năm 1900, Võ Trứ và Trần Cao Vân phát động khởi nghĩa vũ trang chống Pháp tại Phú Yên. Nghĩa quân sử dụng vũ khí thô sơ, chủ yếu là rựa nên thực dân Pháp gọi là "giặc rựa". Sau cuộc tấn công vào tỉnh lỵ Sông Cầu ngày 15/5/1900 thất bại, Võ Trứ bị bắt xử tử hình, Trần Cao Vân bị thực dân Pháp giam cầm.

(3) Võ Thượng Khải tên thật là Võ Ngọc Đãi, sinh năm 1890 ở làng Phú Lộc, tổng Hòa Bình, huyện Tuy Hòa (nay là thôn Phú Lộc, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên). Xuất thân là lý trưởng nên mọi hoạt động của ông đều dễ dàng qua nhiều tai mắt do thám của địch. Thường ngày, ông giao du với nhiều tầng lớp khác nhau ở các nơi trong tỉnh hoặc bên ngoài, vì vậy nhà ông trở thành địa điểm lui tới của nhiều yếu nhân tổ chức "Việt Nam quân chính phủ". Ông được giao chức Lãnh binh phụ

https://tieulun.hopto.org

Lực lượng chỉ huy khởi nghĩa ở các địa phương rất đông. Ở Quảng Trị có Tú Cơ, Khóa Bảo, Đào Duy Chánh, Quản Thiệu; Đà Nẵng có Lâm Nhĩ, Lê Tường, Hồ Cẩm Vinh; Quảng Nam có Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Lê Văn Bính; Quảng Ngãi có Cử Sụy, Tú Phạm Cao Chẩm, Lê Ngung.

---

trách tỉnh Phú Yên đồng thời liên lạc với Bình Định để phối hợp hành động. Nghĩa quân lập trang trại, tiến hành sản xuất ở vùng Hòn Kén, thôn Thạch Bình, tổng Sơn Lạc, huyện Sơn Hòa. Ở đó cất giấu vũ khí, lương thực, bò, ngựa chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Chính quyền Pháp và Nam triều khám xét nhà ông Khải và phát hiện nhiều giấy tờ quan trọng, trong đó có hịch kêu gọi khởi nghĩa, sắc phong chức Lãnh binh. Nhưng tên tri phủ sợ liên lụy, làm ngơ không đưa cho tên công sứ Phú Yên và nói rằng đó là các loại giấy tờ ruộng đất và chứng nhận lý trưởng. Trong lúc nhà bị khám xét, thì ông Khải đang ở căn cứ Hòn Kén khẩn trương cùng nghĩa quân tẩu tán lương thảo, vũ khí để khỏi rơi vào tay địch. Sau đó, ông Khải bị bắt giam tại lao Sông Cầu trong 3 tháng và địch dùng mọi cực hình tra tấn, dụ dỗ, nhưng ông một mực không khai báo. Trong thời gian này, các thân hào làng Phú Lộc cũng như trong tổng Hòa Bình tiến hành vận động đấu tranh, cử ông Đào Tấn Thâm đưa đơn ra Sông Cầu và Huế đòi thả ông Khải. Cuối cùng, không đủ chứng cớ nên chính quyền thực dân ở Phú Yên buộc phải tha bổng. Sau khi về nhà, Võ Thượng Khải có xuống phủ lỵ Tuy Hòa cám ơn viên tri phủ đã không đem các giấy tờ liên quan đến nghĩa quân bị thu giữ khi khám xét nhà ông để nộp cho quan Pháp kết án. Sau khởi nghĩa Duy Tân, ông Khải bị bãi chức lý trưởng. Ông mất năm 1931 sau một cơn bạo bệnh do những trận đòn tra tấn của kẻ thù lúc ở lao Sông Cầu. Theo Đào Nhật Kim, "Võ Thượng Khải và cuộc vận động khởi nghĩa Duy Tân 1916 ở Phú Yên", http://www.baophuyen.com.vn.

https://tieulun.hopto.org

Tại Bình Thuận "Liên Thành thương quán" được thành lập trước đó với mục đích "dĩ thương hợp quần" chuẩn bị cho khởi nghĩa. Tỉnh Bình Định do "thực lực trong hàng ngũ binh lính và dân chúng chưa được mạnh mẽ, sẽ chờ hưởng ứng với Quảng Ngãi"...

Ở Quảng Ngãi, Lê Ngung được giao nhiệm vụ thảo tờ hịch gửi đi các nơi. Nghĩa quân ở các tỉnh sẽ phối hợp với lực lượng lính mộ, lính khố xanh nổi dậy khi hiệu lệnh phát đi từ Huế.

Lúc này, tại các tỉnh Trung kỳ không khí khởi nghĩa đang hừng hực dâng tràn, vua Duy Tân nóng lòng mong muốn cuộc khởi nghĩa xảy ra càng sớm càng tốt. Theo kế hoạch, tại kinh thành Huế, Tôn Thất Đề đốc suất các đội thân binh, thị vệ trấn giữ hoàng thành phối hợp với Trần Quang Trứ, Phạm Thanh Chương, Lại Hà, Đặng Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn sẽ tiến chiếm đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ[1].

Về lực lượng nghĩa binh, một mặt xuất phát từ lòng yêu nước nhiệt thành mà nhiều tầng lớp nhân dân tham gia với sự đóng góp sức người sức của, mặt khác những người lãnh đạo khởi nghĩa đã có sự định hướng cụ thể. Nhiều cuộc hội nghị được triệu tập bàn về việc xây dựng lực lượng, phân công các nhà lãnh đạo phụ

---

(1) Dẫn theo Đào Nhật Kim, "Võ Thượng Khải và cuộc vận động khởi nghĩa Duy Tân 1916 ở Phú Yên", http://www.baophuyen.com.vn.

https://tieulun.hopto.org

trách từng địa phương, vận động nhân dân tham gia, xây dựng căn cứ địa, nắm tình hình địch để chủ động tấn công.

Việc mộ quân ở các địa phương diễn ra rầm rộ. Ông Phan Thành Tài, một yếu nhân của cuộc khởi nghĩa cho biết, ở Quảng Nam chỉ tiêu đặt ra là phải mộ cho được từ 500 đến 600 người. "Chi phí cho việc tuyển mộ do Trần Cao Vân và Thái Phiên chi trả với yêu cầu là phải có chữ ký của người nhận tiền... Những người cốt cán tại phủ Tam Kỳ có các ông: Phó Bẽm người làng Tân Tây, Xã Duân, người làng Phú Quý - Ngọc Giáp, Nguyễn Thuyên, người làng Tân An Tây, Lê Thùy tự Lê Tùng, người làng Thạnh Mỹ Trung. Tại huyện Đại Lộc có Đội Đóa, người làng Quảng Huế Trung. Tại phủ Điện Bàn có Nguyễn Trình, người làng Bảo An Tây và Phan Khôi, người làng Phong Thử. Tại huyện Duy Xuyên: Nguyễn Nhẫn làng Phúc An, Nguyễn Uýnh làng Mỹ Lộc. Tại huyện Quế Sơn: Thầy Lãm, người làng Trung Lộc. Tại phủ Thăng Bình có Huỳnh Phùng, người làng Tiên Đóa... Thái Phiên trực tiếp giao tiền cho Huỳnh Phùng ở Thăng Bình và Phan Khôi ở Điện Bàn... Tiền còn lại ở tôi là 185 đồng, dùng để dệt 130 cây vải xanh (chỉ dọc màu trắng, chỉ ngang màu xanh) để phân phối cho những người đứng ra mộ lính, may đồng phục. Còn giáo, mác, mã tấu do người phụ trách lính lo liệu. Việc sắm cờ, đúc ấn, đúc con

https://tieulun.hopto.org

dấu do Thông Phiên chịu trách nhiệm". Càng gần đến ngày khởi nghĩa, công việc tuyển mộ dân binh thêm khẩn trương, theo Công sứ Lesterlin thì "Tại Tam Kỳ, họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người". Bản báo cáo của Trigon, Khâm sứ Trung kỳ ngày 10/7/1916 nhắc lại rằng: "Tổ chức phản loạn đã tiến hành may đồng phục, may cờ, rèn đúc vũ khí như giáo, mã tấu, và sản xuất cả bom... Việc khám phá ra một số giáo, mã tấu, gươm, thang và bom đã làm sáng tỏ những dự định của những người khởi nghĩa. Những quả bom... là loại bom tự chế gồm có khối thuốc nổ đen, có những mảnh sắt vụn được đóng vào những giỏ đan bằng tre. Cũng đã phát hiện ra những bó rựa được đưa tới các hào quanh thành Hội An..."(1).

Ở Quảng Nam, có một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rớ, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy

(1) Lưu Anh Rô, "Ngàn thu tiết rỡ". http://www.baoquangnam.com.vn/dat-va-nguoi-xu-quang/201602/.

https://tieulun.hopto.org

(tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm,... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân[1].

Như vậy là sau một thời gian vận động, nhân dân đã tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm; thành lập được tổ chức hậu cần; sắm sửa quân trang, vũ khí, xây dựng căn cứ ở các nơi hiểm yếu; nhiều chị em phụ nữ tham gia dệt lụa, dệt vải, thợ rèn tập trung rèn đúc vũ khí; khá đông công nhân ở các mỏ vàng, mỏ than, đồn điền bỏ việc để về quê ứng nghĩa[2].

Điều đặc biệt là, bên cạnh việc tích cực tham gia khởi nghĩa, bà con nhân dân còn làm tốt công tác "binh vận". Điều này xuất phát từ chủ trương của Quang Phục hội vận động binh lính yêu nước người Việt, chủ yếu là lính khố xanh và binh lính bị động viên sắp đưa sang Pháp phản chiến, phối hợp với lực lượng dân binh, tiến hành "nội công, ngoại kích"[3]. Tại cuộc họp tháng 9/1915, Lê Ngung báo cáo ở Quảng Ngãi có 580 lính khố xanh, thì có tới 450 người đã ngả theo cách mạng, ở Quảng Nam có khoảng 80% lính khố xanh và lính tập

---

(1) Lưu Anh Rô, "Ngàn thu tiết rỡ". Tlđd.

(2) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Văn Tạo (Chủ biên), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, 2000. http://www.quansuvn.net.

(3) UBND tỉnh Quảng Ngãi, "Địa chí Quảng Ngãi, Phần II: Các phong trào yêu nước chống Pháp từ 1885 đến 1930". http://www.doko.vn/tai-lieu.

https://tieulun.hopto.org

ngả theo khởi nghĩa; về vũ khí, ngoài 580 khẩu súng do lính khố xanh sử dụng, còn 350 khẩu đang trong kho và rất nhiều đạn dược[1].

Bộ chỉ huy khởi nghĩa cũng nắm được tình hình địch đang chuyển quân từ nơi này sang nơi khác để tập trung lực lượng điều động sang chiến trường châu Âu: ở Quảng Nam, trước đây có 150 lính lê dương nay chỉ còn 35 tên; ở Huế, riêng Mang Cá, trước có một sư đoàn, trong đó nhiều lính Tây, nay chỉ còn 50 tên. Trong số 2.500 lính mộ Pháp chuẩn bị đưa xuống tàu, lực lượng khởi nghĩa đã vận động được khá đông làm nội ứng cho cuộc khởi nghĩa[2].

Kế hoạch bị bại lộ nên khởi nghĩa không thể nổ ra đồng loạt như đã thống nhất; tuy vậy, khởi nghĩa vẫn nổ ra ở phủ Tam Kỳ. Tại đây, nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang Phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thạnh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức

---

(1) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Văn Tạo (Chủ biên), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, 2000, Tlđd.

(2) UBND tỉnh Quảng Ngãi, Địa chí Quảng Ngãi, Phần II, Sđd.

https://tieulun.hopto.org

Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh[1].

* * *

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 là một bộ phận nổi trội của phong trào dân tộc Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đó là cuộc vận động đấu tranh yêu nước kế thừa truyền thống đấu tranh bất khuất kiên cường của dân tộc, đồng thời là một cuộc vận động theo con đường dân tộc, dân chủ và nhân dân khá rõ ràng. Tuy chưa phải là hiện hiện của một đường lối chính trị cách mạng do một giai cấp mới tiên tiến tổ chức lãnh đạo, nhưng những người tổ chức lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 đã cùng chung mục tiêu chống chế độ cai trị áp bức của thực dân Pháp, đã chớp lấy thời cơ chiến tranh đế quốc để giương lên cờ nghĩa cứu nước cứu nhà, đã cùng hành động trong việc tập hợp đông đảo các bộ phận, các tầng lớp nhân dân trên nhiều địa phương... Đó là những nỗ lực cao nhất của những người lãnh đạo từ nhiều bộ phận hợp lại, đi theo con đường cách mạng bạo động mà tổ chức Việt Nam Quang Phục hội đã chủ trương.

---

(1) Dẫn theo Lưu Anh Rô, "Kỷ niệm 100 năm khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (1916 - 2016) - Cuộc nổi dậy tại tỉnh thành La Qua", Tlđd.

https://tieulun.hopto.org

Trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể ở thuộc địa Việt Nam đầu thế kỷ XX, đó là những kết quả tiến bộ vượt bậc của phong trào dân tộc đã chuyển hẳn từ yêu nước theo đường lối phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản, đã cố gắng đáp ứng yêu cầu của phong trào yêu nước theo xu hướng mới phù hợp với những điều kiện lịch sử dân tộc và thời đại lúc bấy giờ. Rõ ràng "Đây là một cuộc quật khởi mới, thể hiện tinh thần và khả năng nổi dậy của sĩ phu và nhân dân các tỉnh Trung kỳ tiếp sau các phong trào duy tân, chống thuế. Nó là một nước cờ hiếm phản kháng lại ách đô hộ của thực dân Pháp bằng hình thức vũ trang. Cuộc vận động khởi nghĩa này là sự tiếp tục phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX"(1).

---

(1) Ngô Văn Minh, Sđd, tr. 232.

https://tieulun.hopto.org

11

KẾT CỤC CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA

Theo nội dung Đại hội Cầu Cháy (làng Xuân Yên, Quảng Ngãi) tháng 3/1916, dựa trên tình hình thực tế chuẩn bị ở các nơi, các lãnh đạo chủ chốt đã đưa ra phương án khởi nghĩa: lấy Huế làm điểm bắt đầu bằng tiếng súng thần công báo hiệu cho kinh thành Huế và cho Quảng Trị, Quảng Bình cùng hành động, đèo Hải Vân sẽ nổi lửa báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Hội An; Quảng Nam và Quảng Ngãi dùng lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển để đón quân lực viện trợ ở Xiêm về; một tờ hịch do Lê Ngung thảo ra sẽ tung đi các nơi để hô hào quân dân nổi dậy khởi nghĩa; nếu bất trắc thì các đạo quân sẽ rút về hướng tây, nơi có địa thế hiểm trở làm hậu thuẫn

https://tieulun.hopto.org

các cuộc phản công về sau. Ngày giờ khởi sự (giờ N) sẽ do vua Duy Tân quyết định bằng mật báo như một nhật lệnh khởi phát.

Ngày 01/5/1916, do bất cẩn của một cơ sở ở Quảng Ngãi, kế hoạch khởi nghĩa bị lọt ra ngoài, Công sứ Quảng Ngãi mật điện cho tòa Khâm sứ Huế và một kế hoạch phản khởi nghĩa được gấp rút thực hiện (tước khí giới của binh lính chuẩn bị đưa đi, đóng cửa trại lính...), nhưng vua Duy Tân vẫn không hay biết gì về âm mưu hành động đối phó của Pháp.

Ngay sau khi nhận được mệnh lệnh của vua Duy Tân về kế hoạch đưa binh lính đi, Thái Phiên, Trần Cao Vân đã thông báo cho các ủy viên ủy ban khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa vào 1 giờ sáng ngày 3/5/1916. Mật hiệu khởi nghĩa là "Năm Thìn, tháng Tỵ". Mặc dù bị mất liên lạc với các trại lính, nhưng Thái Phiên và Trần Cao Vân vẫn quyết định điều động thuyền đến bến Thương Bạc rước vua Duy Tân ra lãnh đạo.

Đêm mồng 3/5/1916, vào khoảng 11 giờ, vua Duy Tân cải trang cùng với hai người hộ vệ là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu ra khỏi hoàng thành, đến bến Thương Bạc, nơi có thuyền chờ sẵn của hai ông Trần Cao Vân, Thái Phiên đến rước.

Tuy nhiên, Phán Trứ (Trần Quang Trứ), nhân viên của tòa Công sứ Thừa Thiên và cũng là cơ sở của hội

https://tieulun.hopto.org

hoạt động trong cơ lính bảo hộ, toan làm phản đã vội vàng xuống đò qua sông, thẳng đến tòa Khâm sứ phi báo sự việc vừa xảy ra.

Trong khi đó thì ở khắp các trại lính ở Huế đã có lệnh cấm ra vào, vũ khí bị tước sạch. Đến giờ N mà không thấy pháo lệnh nổ, vì thế cũng không đốt được lửa trên đèo Hải Vân, các tỉnh không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh thành... nên nghĩa quân đã tự giải tán hoặc bị quân Pháp giải giáp... Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt từ trong trứng nước.

Bên ngoài kinh thành Huế ngày 3 và 4/5/1916, thủ lĩnh nghĩa quân từ Quảng Nam, Quảng Ngãi ra (khoảng 50 người) để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiểu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí; nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 - 80 người, đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế... Nhưng rồi mọi việc phối hợp khởi nghĩa đã không nổ ra được nữa; các lực lượng khởi nghĩa phải tự giải tán để tránh bị đàn áp bắt bớ.

Trong khi đó ở kinh thành Huế, thực dân Pháp cho quân săn lùng tìm bắt vua Duy Tân. Chúng lần theo vết tích, phát hiện nhà vua cùng hai người tùy tùng và cả hai nhà cách mạng Trần Cao Vân, Thái Phiên trong một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong. Quân Pháp điệu nhà vua về giam giữ ở đồn Mang Cá, còn các ông Trần Cao

https://tieulun.hopto.org

Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu thì bị tống giam ở lao Thừa Phủ.

Ở Quảng Nam, từ chiều ngày 3/5/1916, các đội nghĩa binh gồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh. Một lá cờ Việt Nam Quang Phục hội được căng ra - cờ màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng. Nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh.

Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lỵ Tam Kỳ với lá quốc kỳ Ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao. Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp...

Do kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ tại kinh đô Huế, nên Đại lý Pháp và Tri phủ Tam Kỳ Từ Thiệp đã biết trước và bỏ trốn, đồng thời tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Nghĩa binh tấn công tòa Đại lý Pháp có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự.

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa binh chiếm được đồn, phá kho và thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng. Nghĩa quân lặng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả. Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quẻ Ly bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị một loạt đạn làm tử thương.

Liền đó súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lỵ Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui. Các đội nghĩa binh còn lại phải phân tán về các làng của mình và lo đối phó với giặc.

Tại xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh trong tư thế sẵn sàng chiến đấu đánh thành La Qua ở Vĩnh Điện; tất cả đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ đợi Hội An nổi lên là việc tấn công đồn địch sẽ diễn ra tức khắc. Nhưng binh lính ở Hội An không khởi sự được, lực lượng ém quanh thành La Qua đành phải giải tán. Sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam* -

https://tieulun.hopto.org

Đà Nẵng (1930 - 1975) có ghi: "Ở Quảng Nam, dân binh đã sẵn sàng đợi lệnh đánh chiếm thành La Qua, nhưng lính ở Hội An bị thu súng nên dân binh phải giải tán"(1).

Một bức điện của Khâm sứ Trung kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương cũng cho biết thêm về nghĩa quân các nơi: "Quảng Ngãi điện báo không có cuộc tấn công nào, hình như các toán quân đã phân tán. Hội An điện báo việc xảy ra ở Tam Kỳ vào lúc 2 giờ đến 4 giờ sáng. Nhà ở của người Âu và Tòa Đại lý không bị tấn công. Tòa phủ của Quan phủ bị phá hoại... Quân phiến loạn đã kéo cờ tại phủ đường. Cờ màu đỏ, ở góc trên là màu xanh với 5 ngôi sao trắng. Phiến quân có ba hoặc bốn súng săn, ta đã lấy được 1 khẩu, có 4 thường dân bị thương. Công sứ Vinh báo cáo không có hoạt động nào, chỉ có những tin đồn liên quan đến chiến tranh, với ý định cổ động giúp cho quân nổi dậy. Các tỉnh khác đều yên ổn"(2).

Thực dân Pháp yêu cầu quân của Nam triều phối hợp lùng bắt nghĩa quân, chỉ trong mấy ngày đã bắt trên 500 người đưa về phủ đường. Viên công sứ Lesterlin ở Quảng Nam cho biết: "Hơn 120 cuộc truy bắt đã được tiến hành liên tục từ ngày 4 đến ngày 25 tháng 5 trong

---

(1) Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, 2005, tr. 47.

(2) Nguyễn Trương Đàn, Sđd, tr. 219.

https://tieulun.hopto.org

phủ Tam Kỳ. Chúng tôi không còn chỗ để giam giữ và không có đủ người để trông coi họ...". Riêng ở Tam Kỳ, sau nửa tháng trời, quân Pháp mới lập lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ.

Địch đã bắt được phần lớn các chỉ huy, cốt cán như Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê..., chúng chuyển về nhà lao Hội An. Nhiều yếu nhân khác trong cuộc mưu khởi nghĩa đã bị bắt, bị giết, gần hai trăm người khác bị kết án khổ sai đày đi Côn Đảo, Lao Bảo, Thái Nguyên và bị tịch biên gia sản.

Thực dân Pháp đưa con trai trưởng của vua bù nhìn Đồng Khánh lên thay vua Duy Tân, hình thành vương triều Khải Định, đồng thời đưa các yếu nhân cuộc khởi nghĩa bị bắt ra tòa xét xử, kể cả vua Duy Tân.

Trước tòa án Nam triều, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã khẳng khái tự nhận mọi công việc đều do hai ông thủ xướng: Trần Cao Vân với chức danh quân sư và Thái Phiên làm phó quân sư. Ngày 17/5/1916, Chính phủ bảo hộ và Bộ Hình của nhà nước Nam triều đã đưa các ông Trần Cao Vân, Thái Phiên cùng hai người tùy tùng của nhà vua là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu ra chém ở pháp trường An Hòa (Huế).

Tháng 11/1916, thực dân Pháp đưa vua Duy Tân vào Vũng Tàu để sau đó đày sang đảo Réunion (châu Phi).

https://tieulun.hopto.org

Trong nhà lao Hội An, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp.

Ngày 27/5/1916, Tòa án hình sự Quảng Nam mở phiên tòa xét xử Trần Huỳnh và kết án ông hình phạt xử chém "trảm giam hậu". Ngày 3/6/1916, địch xử chém ông tại Chợ Củi gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Phan Thành Tài cũng bị chém ở Vĩnh Điện.

Đối với Trần Ni, thực dân đã tổ chức cuộc truy lùng ráo riết sau ba tháng mới bắt được ông. Chúng kết án tử hình và xử chém ông cũng tại Chợ Củi, một chợ lớn của tỉnh Quảng Nam để răn đe mọi người. Nhiều thủ lĩnh khởi nghĩa khác ở Quảng Nam bị bắt và xử tù.

Tại Quảng Ngãi, hầu hết các chỉ huy khởi nghĩa và nhiều binh lính, dân binh hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Nam Quang phục hội đều bị bắt.

Lê Ngung tìm cách trốn thoát, nhưng giặc Pháp và tay sai biết ông là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi nên ra sức bao vây, truy nã gắt gao. Trước tình thế khó thoát khỏi vòng vây kẻ thù và biết trước sẽ bị cái án dã man "lục thi trảm niệu", nghĩa là dù chết rồi vẫn đem thi hài ra chém, lấy đầu bêu lên để thị chúng, nên Lê Ngung uống thuốc độc tự vẫn.

https://tieulun.hopto.org

Các thủ lĩnh khác của cuộc mưu khởi như Nguyễn Thụy, Trần Thêm, Võ Cẩn, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ đều bị địch bắt và sau đó bị xử chém. Phạm Cao Chẩm cùng nhiều binh lính người Việt bị đày đi các nhà lao Côn Đảo, Thái Nguyên.

* * *

Chính quyền thuộc địa đã thừa nhận: "Phong trào hồi tháng 5/1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiến loạn hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng chống lại sự nghiệp của người Pháp. Bởi vậy, phần lớn bọn thủ mưu là những phần tử người Trung kỳ đã trốn ra nước ngoài và bọn này cũng không ngừng bắt liên lạc với người của chúng còn lại ở Trung kỳ hay đã trở lại Trung kỳ. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở"(1).

Sử sách Việt Nam đã ghi chép và đánh giá: "Vụ mưu khởi nghĩa do hai sĩ phu yêu nước Thái Phiên, Trần Cao Vân trực tiếp lãnh đạo bùng nổ ở Huế, nhưng khởi nghĩa có quan hệ mật thiết với phong trào Việt

(1) Theo Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989, tr. 135.

https://tieulun.hopto.org

Nam Quang Phục hội ở các tỉnh Nam Trung kỳ, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế, tuy có vua Duy Tân tham gia, nhưng hoàn toàn không có tính chất phong kiến. Đó vẫn là sự tiếp nối của phong trào yêu nước có xu hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX"[1].

Cho dù là cuộc "mưu khởi", "cuộc vận động khởi nghĩa" hay thực sự là cuộc khởi nghĩa đã nổ ra dù chỉ trong phạm vi nhỏ ở Tam Kỳ[2], nhưng đây vẫn là phong trào lớn ở Trung kỳ năm 1916. Nó bị kẻ thù là thực dân Pháp đàn áp dã man, lực lượng chung và lực lượng trên từng địa phương Trung kỳ bị tổn thất nhiều, cả nhà vua yêu nước cũng bị chính kẻ ngoại bang thống trị bắt đi đày biệt xứ, hầu hết các sĩ phu yêu nước bị bắt và bị

---

(1) Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập II, Sđd, tr. 136.

(2) Có ý kiến cho rằng cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội, tuy kế hoạch nổi dậy bị bại lộ từ trước khi khởi sự, ở kinh thành Huế và đa số tỉnh khác không thể nổ ra khởi nghĩa, nhưng trên thực tế nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (giống như sau này khởi nghĩa Nam kỳ chỉ nổ ra được ở một vài nơi), cho nên có thể gọi đây chính là cuộc khởi nghĩa thực sự. Có người không coi cuộc nổi dậy đêm mồng 3/5/1916 tại phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam là trong khuôn khổ cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội, nên gọi cuộc vận động ấy là "một âm mưu khởi nghĩa", "một cuộc vận động khởi nghĩa". Thực tế cuộc nổi dậy vũ trang hưởng ứng cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội đêm 3/5/1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó.

https://tieulun.hopto.org

giết hại, hàng ngàn người yêu nước và người dân vô tội bị bắt, bị giam cầm tù đày... Mặc dù vậy, kẻ thù không thể dập tắt được ngọn lửa căm thù của những người dân bị vong quốc nô, chúng không thể xóa đi truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường của nhân dân Việt Nam nói chung, Trung kỳ và Nam Ngãi nói riêng, hễ có điều kiện và thời cơ là lại đứng lên quật khởi, lật đổ ách thống trị của chính quyền thực dân.

https://tieulun.hopto.org

Phần thứ ba

DẤU ẤN TRĂM NĂM

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

12

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

Trải qua một quá trình chuẩn bị kéo dài suốt hơn hai năm - tính từ cuộc họp mặt các nhà yêu nước Trung kỳ tại Đà Nẵng (tháng 3/1914) cho đến khi bị thực dân Pháp đàn áp (tháng 5/1916), kết cục của cuộc vận động khởi nghĩa ở các tỉnh Trung kỳ vẫn là sự bất thành. Không đạt được mục tiêu đề ra và phải chịu tổn thất nặng nề, nhưng giá trị và ý nghĩa của chuỗi sự kiện bi hùng này luôn mãi trường tồn trong lịch sử dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

1. Đây là một trong không nhiều hoạt động chống Pháp bùng lên sau một thời gian bị đàn áp và tạm lắng, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ trong giai đoạn Chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Điểm lại diễn tiến lịch sử Việt Nam trong thập niên thứ hai của thế kỷ XX, có thể thấy rõ phong trào chống Pháp dứng trước tình thế hết sức khó khăn, bế tắc. Kể từ sau khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa (cuối năm 1907), phong trào Duy Tân - Kháng thuế Trung kỳ bị đàn áp, Duy Tân hội và phong trào Đông Du bị giải tán (năm 1908), các hoạt động yêu nước hầu như không thể tiến hành suốt 4 - 5 năm (ngoại trừ một số cuộc nổi dậy lẻ tẻ của đồng bào các dân tộc thiểu số). Trong hai năm 1912 - 1913, Việt Nam Quang Phục hội có thực hiện được vài vụ ném bom, nhưng chưa mang lại hiệu quả rõ ràng thì đã bị khủng bố và phải tạm ngưng hoạt động. Trong bối cảnh đó, cuộc vận động khởi nghĩa ở các tỉnh Trung kỳ cùng với cuộc nổi dậy của Hội kín Nam kỳ (tháng 2/1916) và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên của liên minh tù nhân - binh lính người Việt (từ tháng 8/1917 đến tháng 1/1918) chính là những sự kiện nổi bật nhất trong giai đoạn Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Nếu như cuộc nổi dậy của Hội kín Nam kỳ (tháng 2/1916) làm chấn động bộ máy cai trị thực dân ở Sài

https://tieulun.hopto.org

Gòn và các tỉnh Nam kỳ, đánh dấu tính liên tục và bước chuyển mình mạnh mẽ của phong trào nông dân; nếu như cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên để lại dấu ấn bằng sự hình thành liên minh chiến đấu độc đáo giữa tù nhân và lực lượng binh lính gác tù, thì ***cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ thực sự là một cuộc vận động giải phóng dân tộc tiếp nối và phát triển đến đỉnh cao phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu cấp tiến.***

Cho đến cuối thế kỷ XIX, phong trào Cần Vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám vẫn nằm trong phạm trù của ý thức hệ phong kiến và được tiến hành theo đường lối quân sự phong kiến. Duy Tân hội ra đời (1904) đánh dấu bước tiến mới với việc xác lập mô hình quân chủ lập hiến, nhưng các chương trình hành động của Hội từ 1904 đến 1908 vẫn còn dang dở, chưa đem lại kết quả như mong đợi. Việt Nam Quang Phục hội thành lập (1912), đưa phong trào dân tộc phát triển cao hơn với tôn chỉ "đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam", nhưng cũng chỉ mới "khuấy động dư luận" bằng các vụ ném bom ám sát quan chức thực dân phong kiến, chứ chưa có hoạt động quy mô nào để hiện thực hóa mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng thể chế dân chủ cộng hòa.

https://tieulun.hopto.org

Chính vì vậy, cuộc vận động khởi nghĩa ròng rã hơn hai năm của các sĩ phu Trung kỳ - và đặc biệt là sự có mặt của vua Duy Tân - chính là hoạt động tiếp nối và phát triển đến đỉnh cao tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu nói riêng, của thế hệ sĩ phu cấp tiến Việt Nam đầu thế kỷ XX nói chung, nhằm giành lại độc lập tự do bằng phương thức vũ trang bạo động. Những điểm độc đáo của chuỗi sự kiện nổi bật này là:

- Song song với việc xây dựng kế hoạch khởi nghĩa, đã hình thành một chương trình kiến quốc và xác lập chính thể. Tuy còn phân vân giữa "quân chủ lập hiến" và "cộng hòa dân quốc", nhưng dự án thành lập cơ quan lập pháp (Nhân dân đại biểu viện) và cơ quan hành pháp tối cao (Viện Hành chính Trung ương); định rõ quốc hiệu, quốc kỳ, quốc đô, quân kỳ... đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong định hướng xây dựng thể chế chính trị tiến bộ cho đất nước, hoàn toàn phù hợp với xu thế của thời đại.

- Cũng trong chương trình kiến quốc, Ủy ban khởi nghĩa còn công bố các quyền tự do dân chủ, bãi bỏ thuế đinh, sửa lại thuế điền và các thứ thuế khác; nhằm đem lại quyền lợi chính trị thực sự và cải thiện đời sống cho nhân dân.

Đây là những giá trị rất mới, rất tiến bộ của cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ, tiếp cận và hòa nhập

https://tieulun.hopto.org

với làn sóng đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, giành độc lập tự do đang bùng lên mạnh mẽ ở châu Á và trên toàn thế giới.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ có sự vượt trội về quy mô tiến hành, về tầm vóc và ảnh hưởng so với các hoạt động và phong trào chống Pháp đương thời trong cả nước

Như đã nói trên, trong những năm Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ba sự kiện nổi bật nhất của phong trào yêu nước chống Pháp chính là cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ (1914 - 1916), cuộc nổi dậy của Hội kín Nam kỳ (tháng 2/1916) và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên của liên minh tù nhân - binh lính người Việt (từ tháng 8/1917 đến tháng 1/1918). So với hai sự kiện ở Nam kỳ và Thái Nguyên, cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ có quy mô, tầm vóc và ảnh hưởng lớn hơn, sâu sắc hơn trên nhiều phương diện.

Xét về ***công cuộc chuẩn bị***, tuy Hội kín Nam kỳ đã xúc tiến khởi nghĩa ở 13/13 tỉnh, nhưng chủ yếu chỉ tập trung tại trung tâm thành phố Sài Gòn. Nghĩa quân cũng chỉ chuẩn bị cho hoạt động vũ trang, nhằm mục tiêu giải cứu thủ lĩnh Phan Xích Long đang bị giam ở Khám Lớn, đồng thời tấn công đánh chiếm Dinh Thống đốc Nam kỳ. Chưa thấy rõ quy mô nổi dậy cũng như phương án tiếp theo để thực hiện quyền kiểm soát và

https://tieulun.hopto.org

quản lý xã hội của tổ chức Hội kín nếu cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên diễn ra trong phạm vi hẹp của trại giam, tuy có đặt mục tiêu đánh chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên rồi mở rộng địa bàn kiểm soát ra các tỉnh xung quanh, nhưng thực tế lực lượng nổi dậy chỉ làm chủ Thái Nguyên được vài ngày trước khi bị Pháp đem quân đàn áp. Hoạt động của nghĩa quân trước và sau khởi nghĩa cũng chỉ tập trung ở lĩnh vực quân sự.

Trong khi đó, cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ đã diễn ra ròng rã hơn hai năm với hàng loạt hoạt động được triển khai tương đối toàn diện và đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, như:

- Thành lập bộ chỉ huy khởi nghĩa, tập hợp lực lượng quần chúng nòng cốt. Đặc biệt, đã tiếp cận và vận động thành công vua Duy Tân đứng ra làm "minh chủ".

- Đẩy mạnh công tác binh vận (vận động binh lính người Việt bị Pháp bắt đưa sang chiến trường châu Âu tham gia phản chiến và nổi dậy). Có tài liệu cho biết những người lãnh đạo khởi nghĩa còn vận động viên thiếu tá người Đức chỉ huy đồn Mang Cá (?) làm nội ứng.

- Tìm nguồn tài chính cho công cuộc nổi dậy (Thái Phiên và Nguyễn Công Mậu nhận thầu làm đoạn đường Đồng Hới - Phan Thiết để tạm ứng kinh phí phục vụ

https://tieulun.hopto.org

cho kế hoạch khởi nghĩa). Vận động nhân dân ủng hộ nhân, tài, vật lực (có thuyền đặt khung cửi để dệt vải may quần áo cho dân binh trên sông, có khu vực rèn đúc vũ khí ở Ba Tơ - Minh Long...).

- Những người lãnh đạo khởi nghĩa còn chú ý vận động sự hỗ trợ bên ngoài (cử người sang Xiêm và Trung Quốc liên lạc với Việt Nam Quang Phục hội; tiếp cận và đặt quan hệ với sứ quán Đức ở Xiêm để có thêm vũ khí chống Pháp) v.v...

Với công cuộc chuẩn bị đồng bộ trên nhiều phương diện như vậy, địa bàn nổi dậy của nghĩa binh dự kiến sẽ trải rộng từ kinh đô Huế ra Quảng Trị, Quảng Bình và vào tận Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định cùng một số địa phương lân cận. Tuy chưa đạt tới quy mô toàn quốc, nhưng đặt trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, đó là một phạm vi hoạt động rộng lớn và có sức lan tỏa đáng kể nếu cuộc khởi nghĩa tiến hành đúng theo kế hoạch đề ra.

Xét về ***tầm vóc và ảnh hưởng,*** rõ ràng không hoạt động nào trong giai đoạn Chiến tranh thế giới lần thứ nhất có thể so sánh với cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ. Mặc dù chưa bùng nổ trong thực tế và chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhưng những hoạt động liên tục từ tháng 3/1914 đến tháng 5/1916 (tập trung nhất trong những tháng đầu năm 1916) đã làm chấn động bộ máy cai trị thực dân ở thuộc địa. Phiên

https://tieulun.hopto.org

họp thường kỳ của Hội đồng Chính phủ Đông Dương năm 1916 so sánh cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ với "các cuộc phiến loạn hồi năm 1908" và nhận định đây là "sự nghiệp của đảng phái cách mạng, đang cố hoạt động chống lại sự nghiệp của người Pháp", "mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương, nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở"(1). Nhận định đó chính là sự thừa nhận mục tiêu đấu tranh triệt để, tính chất quyết liệt, tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc của cuộc vận động khởi nghĩa, không chỉ trên địa bàn Trung kỳ mà là trong cả nước, thậm chí trên toàn Liên bang Đông Dương.

3. Có được quy mô, tầm vóc và ảnh hưởng lớn lao là do cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ đã tập hợp được thành phần lãnh đạo tinh hoa và lực lượng tham gia hùng hậu

Trong thành phần lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa, có những gương mặt đã trở thành biểu tượng sáng ngời về lòng yêu nước và ý chí đấu tranh kiên cường bất khuất trong lịch sử dân tộc thời cận đại. Đó là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài, Nguyễn Sụy, Đỗ Tự, Nguyễn Chánh v.v... Họ là

(1) Dẫn lại theo Dương Kinh Quốc, *Việt Nam - những sự kiện lịch sử 1858 - 1918*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 366.

https://tieulun.hopto.org

những sĩ phu cấp tiến thuộc thế hệ Đông Du - Duy Tân, là hội viên của tổ chức Việt Nam Quang Phục hội và các tổ chức yêu nước khác, trong đó có nhiều người vừa mãn hạn lưu đày hoặc vừa thoát khỏi nhà tù thực dân, phong kiến.

Với lòng nhiệt thành cứu nước, họ đã quy tụ cùng nhau để "mưu đại sự". Mặc dù không phải là những nhân vật chủ chốt của Duy Tân hội, của phong trào Duy Tân hay của Việt Nam Quang Phục hội, nhưng giữa thời điểm các tổ chức và phong trào này hoặc phải ngừng hoạt động, hoặc đang khủng hoảng lãnh đạo (vì Phan Bội Châu đang bị Pháp giam cầm, Phan Châu Trinh đã lên đường sang Pháp sau ba năm bị đày ra Côn Đảo), Thái Phiên và Trần Cao Vân đã đảm nhận trọng trách tập hợp lực lượng, tích cực xây dựng kế hoạch và triển khai mọi mặt chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Hợp sức với hai ông, nhiều sĩ phu Trung kỳ cùng chung chí hướng đã nhanh chóng có mặt trong hàng ngũ lãnh đạo chỉ huy, trực tiếp gánh vác nhiệm vụ nặng nề ở các địa phương, dấn thân vào sự nghiệp cam go nguy hiểm để thực hiện đạo lý thiêng liêng của người trí thức trong cảnh nước mất nhà tan: "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách".

Đặt hành động này vào bối cảnh đương thời, càng thấy bừng sáng lên giá trị của những con người hết lòng vì dân, vì nước. Trong số đó, có người vừa mới mãn hạn

https://tieulun.hopto.org

tù, có người phải tận mắt chứng kiến đồng chí đồng bào mình bị xử tử, bị kết án chung thân khổ sai hoặc lưu đày biệt xứ, có người gia đình tan tác xác xơ bởi những thủ đoạn khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp... Nhưng tất cả đều một lòng một dạ quyết tâm hành động vì đại nghĩa. Họ thực sự là đội ngũ lãnh đạo tinh hoa của phong trào dân tộc dân chủ Việt Nam vừa mới thoát ly khuôn khổ ý thức hệ phong kiến để hòa nhập vào cao trào thức tỉnh của châu Á, hướng tới những giá trị mới: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái"; "Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc".

Điều đặc biệt nhất trong thành phần lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa là sự có mặt của vua Duy Tân - vị vua trẻ tuổi giàu lòng ái quốc và tinh thần tự tôn dân tộc. Mặc dù không phải là người khởi xướng và lãnh đạo ngay từ đầu, nhưng sự tham gia của nhà vua ở thời điểm "nước sôi lửa bỏng" và đi cùng với lực lượng nghĩa binh cho đến kết cục khởi nghĩa - dẫu là kết cục buồn - chính là một dấu son rực rỡ, tô thắm thêm giá trị của sự kiện tháng 5/1916. "Nếu như chúng tôi không có nghĩa cử cầm đầu cuộc vận động ấy thì dưới con mắt của dân tộc tôi, tôi được coi như một kẻ hèn nhát, phản bội xứ sở, phản bội cha ông tôi" - câu nói đó của vua Duy Tân trong thời gian bị lưu đày sang đảo Réunion thể hiện rõ một lý tưởng sống, một nhân cách và ý chí đáng khâm phục.

https://tieulun.hopto.org

Cảm phục tinh thần ái quốc và quyết tâm hành động của đội ngũ lãnh đạo, nhân dân các tỉnh miền Trung hăng hái tham gia hàng ngũ nghĩa binh. Tài liệu của thực dân Pháp cho biết: "Tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu. Tại Quảng Nam có khoảng từ 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ... Xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh với tư thế sẵn sàng chiến đấu. Riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân... từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến... Ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 đến 80 người - đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế"(1)...

Những con số này có lẽ chưa phản ánh đúng số lượng nghĩa binh, vì theo nhiều tài liệu khác lực lượng tham gia khởi nghĩa ở mỗi tỉnh đều có hơn 1.000 người, riêng Huế có tới 2.500 người. Họ là nông dân nghèo bị chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đẩy đến cảnh bần cùng, là những người dân mới bị bắt sung vào lính để đưa sang làm "bia đỡ đạn" cho Pháp trên chiến trường châu Âu, là những người lính đang cầm súng

(1) Dẫn lại theo Dương Kinh Quốc, *Việt Nam - những sự kiện lịch sử 1858 - 1918*, Nxb. Giáo dục, 1999, tr. 365.

https://tieulun.hopto.org

trong đội quân thuộc địa nhưng vẫn sẵn sàng vùng lên đánh đuổi quân xâm lược. Bên cạnh đó, còn có cả lực lượng quan lại, viên chức, thợ thủ công, công nhân... tham gia làm công tác binh vận, hậu cần, thông tin liên lạc... Có thể nói cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ đã mang dáng dấp của một cuộc "chiến tranh nhân dân" với sự có mặt của mọi tầng lớp đồng bào, khơi dậy sức mạnh hùng hậu, tiềm tàng và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng. Đó là giá trị quý báu hàng đầu làm nên truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

4. Cuộc vận động khởi nghĩa không đi tới đích, kế hoạch dang dở bất thành, nhưng giá trị để lại với non sông chính là hào khí lẫm liệt của những người tụ nghĩa, thể hiện qua những tấm gương hy sinh với khí phách oai hùng, nêu cao tinh thần "ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục"

Những sử liệu còn lưu lại (kể cả chính sử và giai thoại) đã ghi tạc hình ảnh những sĩ phu hiên ngang bước ra pháp trường, bình thản đón nhận cái chết đến với mình như đón nhận điều tất yếu lúc sa cơ thất thế, sau khi đã dốc sức làm tròn bổn phận của người quân tử đối với non sông. Trước khi bị xử chém ở bãi An Hòa, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã nhận hết trách nhiệm về mình để bảo vệ vua Duy Tân, gửi lại hậu thế những dòng thơ khẳng khái:

https://tieulun.hopto.org

"Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai võng lọng là ai? Thà để cô thần tử biệt!

Trời còn đó! Đất còn đó! Xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh thượng sinh toàn!"

Để khỏi lọt vào tay giặc, Lê Ngung - thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi uống thuốc độc tử tiết. Các thủ lĩnh khác như Nguyễn Sụy, Trần Thêm, Võ Cẩn, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ, Phan Thành Tài, v.v... đều giữ tròn tiết tháo từ khi bị giặc bắt cho đến lúc bị hành hình. Những người khác tham gia cuộc nổi dậy, bị kết án tù giam hoặc bị lưu đày vẫn giữ vững ý chí và quyết tâm cứu nước cứu dân, vẫn tiếp tục có mặt trong các phong trào tranh đấu khác khi mãn hạn giam cầm, đày ải.

Với vua Duy Tân, sử sách còn lưu lại nhiều câu chuyện thể hiện khí phách của vị vua trẻ từ lúc mới lên ngôi cho đến ngày nhận lời tham gia lãnh đạo khởi nghĩa. Câu nói *"Khi tay bẩn thì lấy nước mà rửa, khi nước bẩn thì phải lấy máu mà rửa"* của nhà vua, tuy chưa thể kiểm chứng thực hư nhưng luôn được truyền tụng từ trước đến nay như là một sử liệu đáng tin cậy, bởi hành động của vua Duy Tân trong cuộc vận động khởi nghĩa đã minh chứng hùng hồn điều đó. Tinh thần ấy, khí phách ấy tạo nên vị trí vĩnh hằng của bậc minh quân trong lịch sử và trong lòng dân tộc:

https://tieulun.hopto.org

"Mặt trời vẫn mọc đằng đông
Lăng minh quân vẫn dựng trong lòng người
Bao triều vua phế đi rồi
Người yêu nước chẳng mất ngôi bao giờ!"(1)

* * *

Nối tiếp và phát huy truyền thống đấu tranh yêu nước chống ngoại xâm của tiền nhân, mà trực tiếp nhất là khí thế đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt của phong trào Duy Tân và Kháng thuế (1906 - 1908), cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ (1914 - 1916) đã đắp bồi thêm những giá trị mới cho miền đất nghèo khó, khắc nghiệt mà dũng cảm, kiên cường, luôn "đứng mũi chịu sào" trước những biến động lớn lao của đất nước, của thời cuộc. Những giá trị truyền thống quý báu ấy chắc chắn sẽ tiếp tục được kế thừa và nâng lên tầm cao mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

---

(1) Nguyễn Duy, "Tưởng niệm" (thơ), báo *Văn nghệ*, tháng 4/1987.

https://tieulun.hopto.org

13

100 NĂM PHÁT HUY HÀO KHÍ LẪM LIỆT XƯA (1916 - 2016)

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916 khi còn trong trứng nước đã bị kẻ thù dập tắt bằng những hành động tàn bạo của quân đội và bộ máy cai trị thực dân Pháp. Nhưng liền đó, những cuộc nổi dậy theo con đường khởi nghĩa vũ trang, những cờ nghĩa của các lực lượng lãnh đạo đương thời tiếp tục nổ ra. Đặc biệt là từ khi có ngọn cờ cách mạng vô sản phất lên, nhiều phong trào đấu tranh vũ trang xuất hiện, tập hợp nhiều lực lượng quần chúng tham gia, trên địa bàn Nam Ngãi và các tỉnh Trung kỳ cũng như trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

* * *

https://tieulun.hopto.org

Tiếp nối tinh thần và nỗ lực trong các cuộc khởi nghĩa

Khi chiến tranh thế giới còn đang tiếp diễn, thời cơ thuận lợi cho các dân tộc đứng lên đấu tranh còn đang chờ đợi, các yếu nhân còn lại của Việt Nam Quang Phục hội hay bất cứ thành viên nào còn lại của tổ chức yêu nước này vẫn nuôi chí quật khởi.

Ở Thái Nguyên năm 1917, Lương Ngọc Quyến (Ủy viên quân sự của Việt Nam Quang Phục hội bị bắt năm 1914) và Đội Cấn (binh sĩ được giao canh giữ tù nhân) bí mật liên lạc, phối hợp tổ chức lực lượng, chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy chống Pháp.

Theo kế hoạch, lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa là binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, lực lượng hỗ trợ tích cực là các tù nhân, biến cuộc nổi dậy binh biến thành cuộc khởi nghĩa trên phạm vi toàn tỉnh. Lãnh đạo tổ chức khởi nghĩa đã phân công: Đội Cấn là Đại Đô đốc Thái Nguyên Quang Phục quân, Lương Ngọc Quyến là Quân sư; từ đó công việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương và khá hiệu quả; nhật kỳ khởi nghĩa cuối cùng được ấn định là dịp lĩnh lương của binh lính, ngày 31/8/1917[1].

---

(1) Hà Minh Hồng, *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858 - 1975)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 66.

https://tieulun.hopto.org

Đêm 30 rạng ngày 31/8/1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn, binh sĩ khởi nghĩa phá đề lao, giải phóng tù nhân. Lực lượng khởi nghĩa được tăng lên nhanh chóng và khẩn trương tỏa đi đánh chiếm các mục tiêu. Sáng 31/8/1917 quân khởi nghĩa làm chủ tỉnh lỵ. Một bản "Tuyên ngôn thứ nhất Đại hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 14" do Lương Ngọc Quyến soạn thảo, đã phát đi cho quân khởi nghĩa và dân chúng biết: "Thời cơ đã đến... và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên. Lá cờ 5 sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, ta tuyên bố Thái Nguyên độc lập"(1).

Ngay sau đó quân khởi nghĩa tập trung vào củng cố thắng lợi, được quần chúng nhân dân tham gia hỗ trợ, chỉ hai ngày có lực lượng 600 quân với 200 cây súng để bước vào những trận chiến đấu quyết liệt từ ngày 2 đến 5/9/1917. Do lực lượng chênh lệch khi địch từ các nơi kéo về ngày càng đông; Quân sư Lương Ngọc Quyến đã hy sinh trong trận chiến đấu cố thủ ở tỉnh lỵ; Đội Cấn và nghĩa quân còn lại vừa đánh vừa rút lui. Lực lượng khởi nghĩa phải chiến đấu trên chặng đường dài từ Thái Nguyên sang Vĩnh Yên, Phúc Yên và lên Yên Thế suốt mấy tháng trời. Đội Cấn bị thương nặng và ông tự sát để khỏi lọt vào tay giặc; một số nghĩa binh hy sinh dũng cảm; lực lượng mai một dần, đến tháng

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 66.

https://tieulun.hopto.org

1/1918 khởi nghĩa Thái Nguyên nổ những tiếng súng cuối cùng[1].

Thế là từ một cuộc binh biến, chuyển thành cuộc nổi dậy của quần chúng theo đường lối của Việt Nam Quang Phục hội, khởi nghĩa Thái Nguyên lần đầu tiên có sự phối hợp giữa hai lực lượng tù chính trị phạm và binh sĩ yêu nước Việt Nam trong quân đội Pháp. Nó khẳng định ý chí chiến đấu quật cường của các tầng lớp nhân dân yêu nước, bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thể bị đè bẹp, ngược lại, nó luôn luôn biết tận dụng mọi cơ hội để nổi dậy. Bằng chứng là từ sau khởi nghĩa Thái Nguyên, tuy không còn cuộc vận động khởi nghĩa hay mưu khởi nào nổ ra, nhưng ở nhiều địa phương trong cả nước vẫn còn nhiều tổ chức bí mật, âm ỷ nuôi dưỡng những ngọn lửa hờn căm quân cướp nước, hễ có điều kiện lại mưu tính những hoạt động chống đối chính quyền thuộc địa và tay sai.

Sau chiến tranh thế giới, những chuyển biến trong nền kinh tế - xã hội thuộc địa tiếp tục diễn ra, những tầng lớp giai cấp mới Việt Nam ra đời, mâu thuẫn trong xã hội thuộc địa trở nên gay gắt. Nhất là khi cuộc khủng hoảng kinh tế của thế giới nổ ra, phong trào dân tộc ở thuộc địa Việt Nam lại bước vào thời kỳ phát triển mới đòi dân sinh dân chủ, chống chế độ thuộc địa, chống nguy cơ phát xít, chống chiến tranh đế quốc.

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 67.

https://tieulun.hopto.org

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời giương cao ngọn cờ cách mạng vô sản, đông đảo quần chúng công nông đã có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản để tổ chức những cao trào cách mạng, trong đó bên cạnh những hình thức đấu tranh công khai hợp pháp như bãi công, mít tinh, biểu tình, bãi thị, bãi khóa, còn có nhiều hình thức đấu tranh bán công khai và bất hợp pháp - đó là các cuộc nổi dậy của quần chúng công nông tấn công vào hệ thống chính quyền địch ở các địa phương. Tập trung và phát triển đến đỉnh cao của những cuộc đấu tranh của bạo lực quần chúng ngay từ những năm 1930 - 1931 là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Từ những cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1930 ở Vinh - Bến Thủy (Nghệ An), chuyển thành những cuộc biểu tình khổng lồ hàng ngàn người, thậm chí hàng vạn người trong các tháng 8 và 9/1930 ở nhiều nơi của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Đặc biệt là cuộc biểu tình của hơn 8.000 nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12/9/1930, đã bị quân Pháp đàn áp dã man tại ga Yên Xuân. Sự tàn bạo của kẻ thù chỉ càng làm cho nhân dân sôi sục, nông dân các vùng nông thôn được công nhân các nhà máy, xí nghiệp ở Vinh - Bến Thủy ủng hộ, đã biểu dương sức mạnh đoàn kết, lòng căm thù, ý chí quyết đấu tranh đòi tự do cuộc sống, họ càng tập hợp đông hơn và xông lên, tấn công vào hệ thống chính quyền địch ở cơ sở.

https://tieulun.hopto.org

Trước khí thế "xông lên chọc trời" của quần chúng cách mạng, chính quyền thực dân phong kiến ở nhiều nơi của Nghệ An và Hà Tĩnh bị tan rã, hoặc tê liệt, bỏ chạy. Trong tình hình đó, các chi bộ đảng và tổ chức Nông hội Đỏ ở các thôn, xã đứng ra quản lý, điều hành mọi hoạt động trong địa phương, thay thế vào vị trí các cơ sở chính quyền địch đã bỏ trống. Dựa theo những hiểu biết sơ lược về chính quyền Xô viết ở nước Nga, qua các tài liệu và báo chí của Đảng[1], người ta gọi các tổ chức vừa dựng lên là các *Xô viết*. Mặc dù còn sơ khai nhưng các Xô viết ở Nghệ An, Hà Tĩnh thực chất là một chính quyền cách mạng của công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo, thông qua Đảng tiên phong, đã có nhiều cố gắng sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội.

Địch đã không từ một biện pháp nào, kể cả các biện pháp quân sự, kinh tế, xã hội và lừa mị để đánh phá cách mạng. Đến giữa năm 1931, các Xô viết Nghệ - Tĩnh lần lượt thất bại. Nhưng Xô viết Nghệ - Tĩnh và cả cao trào cách mạng 1930 - 1931 vẫn là minh chứng hùng hồn cho truyền thống yêu nước, lòng dũng cảm kiên cường, sức sống mãnh liệt và sức sáng tạo phi thường của dân tộc Việt Nam. Nó khẳng định trong thực tế: Đường lối cách mạng, uy tín và năng lực lãnh

(1) Như cuốn *Nhật ký chìm tàu* của Nguyễn Ái Quốc kể về 3 thanh niên bị chìm tàu, được cứu nạn và đưa về Liên Xô. Họ đã chứng kiến những ưu việt của chính quyền Xô viết.

https://tieulun.hopto.org

đạo của Đảng của giai cấp vô sản Việt Nam, từ đó quần chúng đông đảo đã làm nên "những trận chiến đấu rung trời chuyển đất những năm 1930 - 1931 trong đó công - nông đã vung ra nghị lực cách mạng phi thường của mình"(1).

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra (1939), thời cơ chiến lược cho các dân tộc vùng lên lại một lần nữa xuất hiện, đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nữa được chuẩn bị và nổ ra một cách oanh liệt.

Nhanh nhất là ở Bắc kỳ, cuộc *Khởi nghĩa Bắc Sơn* là cuộc khởi nghĩa vũ trang nổ ra sớm ngay khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai mới bắt đầu và tác động trực tiếp đến Đông Dương, tương tự như trong thời cơ của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916. Trước tình cảnh "một cổ hai tròng" áp bức, mâu thuẫn dân tộc ngày càng bức bách, các tầng lớp nhân dân yêu nước cùng lực lượng cách mạng ở các địa phương đã đứng lên đấu tranh - Ngày 27/9/1940 quần chúng nhân dân Bắc Sơn (Bắc Ninh) có sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa tấn công đồn châu lỵ Mỏ Nhài và đánh chiếm châu lỵ Bắc Sơn, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân và tay sai ở Bắc Sơn. Pháp - Nhật đã câu kết với nhau phản công lại

---

(1) Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 39.

https://tieulun.hopto.org

quân khởi nghĩa, nhưng Đảng bộ và nhân dân Bắc Sơn duy trì lực lượng khởi nghĩa, xây dựng vùng rừng núi Bắc Sơn thành căn cứ địa, lập đội du kích Bắc Sơn để tiếp tục đánh Pháp đuổi Nhật.

Tiếp theo tinh thần quật khởi của Bắc Sơn và để chớp lấy thời cơ chiến tranh khi thực dân Pháp chuẩn bị đưa binh sĩ Việt Nam đi chết thay cho chúng, Xứ ủy Nam kỳ đã ráo riết chuẩn bị và phát động cuộc *Khởi nghĩa Nam kỳ*. Đây là cuộc khởi nghĩa quy mô toàn xứ Nam kỳ, tương tự như cuộc vận động khởi nghĩa toàn xứ Trung kỳ năm 1916 vậy, nhưng ngọn cờ lãnh đạo của Xứ ủy Đảng Cộng sản Đông Dương đã có khả năng tập hợp lớn lực lượng rộng rãi, có khả năng thực hiện phối hợp chặt chẽ các địa phương trong toàn xứ và có cả kế hoạch phối hợp với hành động với Bắc kỳ và Trung kỳ. Tại Hội nghị Xuân Thới Đông tháng 9/1940, những công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa đã được ráo riết hơn. Hội nghị đã quyết định lấy lá cờ hình chữ nhật màu đỏ có ngôi sao vàng năm cánh ở giữa làm biểu tượng cho ý chí đấu tranh kiên quyết giành tự do và độc lập. Hội nghị còn cử người ra Trung ương xin ý kiến chỉ đạo để khởi nghĩa có thêm sự phối hợp của cả nước. Với quyết tâm nổi dậy khởi nghĩa, mặc dù kế hoạch tổ chức đã bại lộ và quân Pháp chuẩn bị đàn áp, nhưng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ vẫn nổ ra đêm 23/11/1940[1].

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 117 - 118.

https://tieulun.hopto.org

Từ đêm ấy đến cuối tháng 12/1940, nhiều địa phương Nam kỳ đã nổi dậy mà lực lượng đông đảo nhất là quần chúng nông dân vũ trang thô sơ. Một số nơi quân khởi nghĩa tấn công vào các huyện lỵ và đồn bót địch như Hóc Môn, Vũng Liêm, Tam Bình, Chợ Mới; một số nơi khác ở U Minh, Đồng Tháp Mười quân khởi nghĩa sau khi nổi dậy đã lập đội du kích, xây dựng căn cứ địa. Kẻ thù đã tập trung lực lượng chống đỡ và phản kích lại cuộc khởi nghĩa, nhưng các lực lượng cách mạng còn lại vẫn kiên trì hoạt động, giữ gìn xây dựng cơ sở chờ đón thời cơ mới.

Lực lượng binh sĩ yêu nước Việt Nam trong quân đội Pháp, một thành phần từng xuất hiện trong cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân và Duy Tân năm 1916. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phong trào của binh sĩ yêu nước Việt Nam cũng có nhiều hoạt động đấu tranh quyết liệt: tham gia biểu tình ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Mỹ Tho, tuyệt thực ở Sài Gòn, Quảng Trị, Vĩnh Yên, mang súng bỏ đồn trại chạy vào rừng ở Tây Ninh, tỏ thái độ chống chiến tranh ở Thủ Dầu Một... Tiếp đó ngày 13/1/1941, binh sĩ ở đồn Chợ Rạng (Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nổi dậy chiếm đồn rồi đánh sang đồn Đô Lương và kéo quân về Vinh. Cuộc binh biến lập tức bị đàn áp khốc liệt, nhưng binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp - một lực lượng mới

https://tieulun.hopto.org

của phong trào dân tộc, càng thấy rõ hơn bộ mặt của kẻ thù dân tộc[1].

Ngay khi chiến tranh thế giới nổ ra, Đảng Cộng sản Đông Dương tại họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VI tại Bà Điểm (Gia Định) tháng 11/1939 đã xác định "*Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập*"[2].

Đáp ứng kịp thời yêu cầu đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam; từ đó một quá trình chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang dưới sự lãnh đạo của Việt Minh được bắt đầu. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII tại Pắc Bó (Cao Bằng) tháng 5/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định: "*Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang*", theo cách thức là "*với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi, mở đường cho một cuộc tổng khởi ngghĩa to lớn*"[3].

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, 2005, tr. 118.

(2) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 536.

(3) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 129 - 132.

https://tieulun.hopto.org

Từ đó thực lực cách mạng được từng bước xây dựng và phát triển, trước hết là ở Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ; những điều kiện bên trong của phong trào giải phóng dân tộc đã ngày càng lớn dần lên, trong khi đó Chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng diễn biến ngày càng có lợi cho cách mạng các dân tộc với thắng lợi của phe Đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít. Ở Đông Dương, Nhật - Pháp vừa lo cấu kết với nhau chống phá cách mạng, vừa lo đối phó hất cẳng nhau khi quân đồng minh chuẩn bị đánh sang Viễn Đông. Đêm 9/3/1945 Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp, độc quyền chiếm lấy Đông Dương.

Theo dõi sát mối quan hệ Nhật - Pháp khi có dấu hiệu đảo chính, ngày 9/3/1945 Ban Thường vụ Trung ương đã họp mở rộng tại Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), nhận định những điều kiện cho cuộc khởi nghĩa ở Đông Dương đang đi đến chín mùi một cách mau chóng và một cao trào cách mạng nổi dậy. Ngày 12/3/1945 kết thúc Hội nghị lịch sử này, bản Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" đã ra đời, hướng các Đảng bộ địa phương, các lực lượng cách mạng và yêu nước một phương pháp phân tích tình hình, phán đoán thời cơ và kịp thời hành động. Một cao trào "Kháng Nhật cứu nước" đã bùng nổ tại các tỉnh từ Bắc bộ đến Trung bộ.

Tại Trung kỳ, ngày 11/3/1945 các tù nhân Ba Tơ nổi dậy phá đề lao, chiếm đồn trại, lập đội du kích Ba

https://tieulun.hopto.org

tơ, cùng quần chúng nhân dân bên ngoài khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc *khởi nghĩa Ba Tơ* đã châm ngòi cho phong trào khởi nghĩa từng phần nổ ra khắp các địa phương khi thời cơ chín muồi đã đến. Ở vùng đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ, với khẩu hiệu "Phá kho thóc cứu nạn đói", hàng triệu đồng bào vùng lên phá kho tích trữ thóc của Pháp, Nhật. Ở Bắc kỳ, khởi nghĩa Đông Triều (8/6/1945) đã lan truyền ngọn lửa khởi nghĩa ra toàn vùng Đông Bắc...

Từ những cuộc khởi nghĩa từng phần, khi nghe tin Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, ngày 13/8/1945 Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Hội nghị toàn quốc quyết định phát động Tổng khởi nghĩa. Thế là cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 nổ ra, từ các trung tâm đô thị lớn Hà Nội (19/8), Huế (23/8), Sài Gòn (25/8), kéo theo các địa phương khác trên cả ba xứ Bắc - Trung - Nam, quần chúng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Việt Minh đã chớp thời cơ ngàn năm có một, nổi dậy khởi nghĩa, chỉ 15 ngày đã giành chính quyền trên cả nước.

Tiếp tục tinh thần quật khởi trong 30 năm chiến tranh cách mạng

Sau Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng lúc phải đối phó với muôn vàn khó khăn phức tạp; kinh tế bị tàn phá, đói và dốt đang

https://tieulun.hopto.org

hoành hành như giặc, đặc biệt là thù trong giặc ngoài đang có mặt khắp nơi trên đất nước; tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" đang đe dọa toàn bộ sự nghiệp và thành quả cách mạng. Ngày 23/9/1945, quân Pháp tấn công ta ở Sài Gòn, buộc Nam bộ phải phát động kháng chiến; ngày 19/12/1946 toàn quốc phải đứng lên; cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh đã diễn ra từ đó với quyết tâm "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Trong "*Chín (9) năm kháng chiến thánh thần; Gậy tầm vông đánh tan quân bạo tàn*" (thơ Tố Hữu), tinh thần quật khởi của nhân dân Trung kỳ và trên cả nước đã tiếp tục phát huy mạnh mẽ bằng những đóng góp sức người, sức của cho thắng lợi trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đặc biệt là mặt trận quân sự.

Ở Quảng Ngãi, đến cuối năm 1949 toàn tỉnh có 46.465 du kích xã, 10.060 dân quân tự vệ, 3.360 bạch đầu quân, 2.348 nữ dân quân, 1.865 du kích người dân tộc thiểu số, 2 đại đội dân quân tự vệ tập trung, mỗi huyện đồng bằng có 1 đại đội quân địa phương. Từ ngày 13/4/1952 đến 10/5/1952, lực lượng vũ trang địa phương Quảng Ngãi phối hợp với bộ đội chủ lực Liên khu V đập tan cuộc hành quân Laterit của thực dân Pháp (trên địa bàn các huyện miền Tây Quảng Ngãi), diệt hơn 600

https://tieulun.hopto.org

tên, bắt sống hơn 100 tên. Thắng lợi này góp phần phá tan âm mưu của địch hòng xâm chiếm vùng tự do Liên khu V. Hậu phương căn cứ địa Quảng Ngãi được củng cố vững mạnh, miền Tây Quảng Ngãi trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường Tây Nguyên, Nam Trung bộ[1].

Các tầng lớp nhân dân đóng góp nhiều vào các quỹ cho kháng chiến như "Quỹ mùa đông chiến sĩ", "Quỹ mua sắm vũ khí", "Quỹ nuôi du kích tập trung"... Năm 1947 nhân dân đóng góp vào các quỹ 6.456.981 đồng tín phiếu, 36.356 ang gạo; đóng góp nuôi bộ đội, dân quân 83.739 đồng, 1.505.000 ang lúa, 140 mẫu ruộng. "Quỹ đồng tâm kháng chiến" thu được 700.834 đồng. Chỉ một ngày 27/7/1947 hưởng ứng Ngày toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ, nhân dân đã ủng hộ 150.000 đồng tiền tín phiếu và hơn 1.000 ang lúa. Tuần lễ "Mùa đông chiến sĩ" năm 1948 đồng bào đóng góp 616.516 đồng. "Quỹ nuôi du kích tập trung" đến tháng 3/1949 có 9.200.000 đồng tín phiếu, 12.220 ang lúa, 121 mẫu ruộng. Tuần lễ ủng hộ nhân dân vùng bị tạm chiếm từ ngày 6 đến 13/12/1949 đóng góp 1.542.645 đồng tín phiếu. Ngày "Đồng tâm Đà Nẵng" thu được 16 tấn gạo, 500.000 đồng tín phiếu. Trong chiến dịch "Tất cả để phụng sự tiền tuyến", nhân dân Quảng Ngãi

---

(1) Địa chí Quảng Ngãi. http://www.quangngai.gov.vn.

https://tieulun.hopto.org

đóng góp 138.045.976 đồng tín phiếu vào quỹ đảm phụ chuyển mạnh sang tổng phản công[1].

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, 8 giờ sáng ngày 20/12/1946 tiếng súng kháng Pháp nổ vang nội thành Đà Nẵng. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt tại nhà sách Thái Thị Bôi, nhà Thông tin, Cổ viện Chàm, bót Đội Cung. Các chiến sĩ tự vệ, các phân đội bộ đội Vệ quốc bám trụ đánh địch, quyết giữ từng căn nhà, góc phố. Qua 3 ngày chiến đấu, quân và dân Đà Nẵng đã tiêu hao sinh lực địch, giam chân chúng, tạo điều kiện để phần lớn lực lượng của ta rút ra ngoài, chuẩn bị kháng chiến lâu dài... Sau khi chiếm được phía bắc sông Cẩm Lệ, địch ra sức tấn công vào phía nam. Với trang bị vũ khí tối tân hơn hẳn, địch đã phá vỡ tuyến phòng thủ của ta nằm phía nam sông Cẩm Lệ, Hội An, Điện Bàn, tiến lên chiếm Ái Nghĩa. Sau đó chúng tiếp tục vượt sông Thu Bồn, Vu Gia đánh chiếm Duy Xuyên và các xã phía tây Ái Nghĩa - Đại Lộc. Địch lập phòng tuyến từ Cửa Đại lên Đại Lộc: trên đất Duy Xuyên có 17 đồn bót; trên đất Đại Lộc có 7 đồn bót. Nhưng đến đây chúng không thể tiến thêm hơn nữa. Bộ đội ta chặn đánh địch ở Hương An, buộc chúng phải lui về Bà Rén; đánh tại Vĩnh Trinh buộc chúng co về Tân Phong; đánh Tân Phong buộc chúng co về Thu Bồn. Chiến tranh nhân dân phát triển rộng

---

(1) Địa chí Quảng Ngãi. http://www.quangngai.gov.vn.

https://tieulun.hopto.org

khắp trong các vùng bị chiếm ở Hòa Vang, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc. Chỉ tính riêng từ tháng 1 đến tháng 10/1948, lực lượng ta đã đánh 427 trận, diệt 870 tên, làm bị thương 355 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Từ năm 1949 đến 1954, ta mở nhiều chiến dịch đánh địch bằng đủ các thứ quân, gồm: lực lượng chủ lực của Liên khu V như Trung đoàn 108, Trung đoàn 803; các tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh và các đại đội tập trung của các huyện Hòa Vang, Duy Xuyên, Điện Bàn; du kích địa phương tấn công địch trong thành phố Đà Nẵng, thị xã Hội An, thị trấn Vĩnh Điện, Ái Nghĩa... khiến cho kẻ địch ngày càng hoang mang, co cụm cố thủ trong những căn cứ... Hàng nghìn thanh niên lên đường tòng quân nhập ngũ. Mỗi năm có hàng nghìn dân công vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ chiến trường. Nhiều người mang vác, đi bộ hàng tháng trời qua Ba Tơ, Giá Vụt (Quảng Ngãi) lên Kon Plông, Đắk Tô tiếp tế cho chiến trường Bắc Tây Nguyên; qua Đèo Le, Trung Phước, Đá Nhảy, Trung Man đến Đồng Xanh, Đồng Nghệ phục vụ chiến trường Hòa Vang - Đà Nẵng[1].

Cách mạng Việt Nam vừa giành thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chín năm chống chủ nghĩa thực dân Pháp, nay lại đứng trước kẻ thù mới, vừa lớn

---

(1) Phạm Thông, "Kháng chiến kiến quốc" ở Quảng Nam, http://baoquangnam.com.vn, ngày 18/12/2013.

https://tieulun.hopto.org

mạnh, vừa đầy tham vọng. Nửa nước ở miền Bắc được giải phóng và có lực lượng cách mạng của cả nước tập trung về; nửa nước ở miền Nam chưa được giải phóng, cách mạng lại bị mất thế và lực, quần chúng nhân dân đang tiếp tục bị khủng bố đàn áp.

Trong nước sôi lửa bỏng của tình hình cách mạng miền Nam thời kỳ đen tối, cuộc *khởi nghĩa Trà Bồng* (1959) bùng lên và làn rộng khắp miền Tây Quảng Ngãi, mở đầu cho quá trình chuyển thế chiến lược của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Ngày 28/8/1959, rừng núi Trà Bồng bừng bừng khí thế quật khởi. Mở đầu là hành động tẩy chay cuộc bầu cử do chính quyền địch tổ chức, sau đó từ những xô xát giữa quần chúng và binh lính địch ở xã Trà Phong, phong trào nổi dậy lan ra khắp các xã vùng núi Trà Bồng. Tiếng la hú cùng với cồng chiêng rộn lên gây khí thế, quần chúng nhân dân có cả đơn vị vũ trang 339 và các nhóm vũ trang, du kích vừa ra đời, kiên quyết nổi dậy diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ. Ủy ban nhân dân tự quản ra đời ở xã Trà Phong, sau đó lần lượt 16 xã của Trà Bồng đều lập chính quyền nhân dân cách mạng. Từ Trà Bồng, phong trào nổi dậy khởi nghĩa lan nhanh ra khắp miền rừng núi phía tây Quảng Ngãi. Đến cuối năm 1959, đã có 40 xã của tỉnh này được giải

https://tieulun.hopto.org

phóng, vùng căn cứ và vùng giải phóng của Quảng Ngãi mở rộng nối liền với Tây Nguyên[1].

Ngọn lửa Đồng khởi từ miền duyên hải Trung bộ đã nhanh chóng bén vào cánh đồng cỏ khô toàn miền Nam, nó sẽ bừng bừng cháy lên thiêu đốt chế độ độc tài phát xít. Ngày 17/1/1960, sóng nổi dậy đã cuộn lên ở các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh của huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre. Những cơn sóng thần của quần chúng nổi dậy tràn qua Cù lao Bảo, Cù lao Minh, cù lao An Hòa rồi tràn qua toàn Nam bộ. Từng đợt, từng cao điểm, những cuộc "Đồng khởi" đã dấy lên, cùng với bao hận thù quân Mỹ - Diệm. Từ Nam bộ, *phong trào Đồng khởi* dội trở ra Nam Trung bộ, Trung Trung bộ và Tây Nguyên. Đến cuối năm 1960 đã có 2/3 cơ cấu chính quyền địch ở cơ sở bị tan rã.

Cách mạng miền Nam từ đây bước vào thời kỳ mới, thời kỳ dùng chiến tranh cách mạng chống các chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ: Những năm 1961 - 1965 đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt"; những năm 1965 - 1968 đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" (trong khi miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất); những năm 1969 - 1972 đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (trong khi miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai với đỉnh

---

(1) Hà Minh Hồng, Sđd, tr. 182 - 183.

https://tieulun.hopto.org

cao là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không"). Sau Hiệp định Paris, mặc dù chính quyền và quân đội Sài Gòn vẫn tiếp tục thi hành Việt Nam hóa chiến tranh, nhưng chúng không thể kéo dài được lâu vì Mỹ đã cút thì "ngụy nhào".

Mùa xuân năm 1975, phối hợp với chiến trường Tây Nguyên giành thắng lợi to lớn, chiến trường duyên hải miền Trung đã tiến công và nổi dậy:

Ngày 19/3/1975 giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị.

Ngày 21/3/1975 bước vào chiến dịch tấn công Huế, địch vội rút bỏ Huế liền bị tấn công truy đuổi và giải phóng Huế ngày 26/3/1975.

Ngày 24/3/1975 giải phóng Tam Kỳ và toàn tỉnh Quảng Nam, cắt đứt đường bộ phía sau lưng căn cứ quân sự Đà Nẵng.

Ngày 29/3/1975 tiêu diệt hoàn toàn căn cứ liên hợp Đà Nẵng, gần 10 vạn binh lính Sài Gòn ở đây cùng với lực lượng địch từ các nơi khác dồn về đã bị đánh tan tành.

Ngày 31/3/1975 giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi từ đất liền đến Lý Sơn. Cùng ngày 31/3/1975 giải phóng Bình Định.

Ngày 1/4/1975 giải phóng Phú Yên.

Ngày 2/4/1975 giải phóng Khánh Hòa.

https://tieulun.hopto.org

Cả "khu V dằng dặc khúc ruột miền Trung" đã tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ, chấm dứt 117 năm bị cai trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Thời cơ tạo ra thời cơ, thắng lợi dồn dập đưa đến thắng lợi to lớn hơn; từ ngày 1/4/1975 chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã hình thành và bước vào trận cuối. Cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975* đã kết thúc thắng lợi với đỉnh cao là việc chính quyền và quân đội Sài Gòn đầu hàng không điều kiện ngày 30/4/1975, kết thúc toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cả 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975); mở ra thời kỳ mới cho lịch sử dân tộc - thời kỳ hòa bình thống nhất đất nước, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng, biết bao người con ưu tú của các tỉnh miền Trung đã ngã xuống cho nền độc lập tự do của Tổ quốc. Chỉ riêng Quảng Nam đã có hơn 65.000 liệt sĩ, 11.234 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hàng trăm tập thể, cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, hàng chục ngàn người là thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng[1].

---

(1) "85 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam". http://www.quangnam.gov.vn ngày 24/3/2015.

https://tieulun.hopto.org

Sức bật mới từ sau ngày thống nhất đất nước, theo tinh thần đổi mới, phát triển và hội nhập

Trên đất nước Việt Nam liền một dải, hòa bình thống nhất sau ngày 30/4/1975, cả nước cùng một nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhưng mỗi địa phương có một tiềm ẩn thế mạnh khác nhau; do đó sức bật và phát triển của các tỉnh, thành có những quá trình không giống nhau, nhất là các tỉnh duyên hải miền Trung có nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên và xã hội, nhưng lại có nhiều thuận lợi về sức mạnh truyền thống, vì vậy khả năng vươn lên theo ý chí và nghị lực mới trong thời bình cũng như trong bối cảnh kinh tế thị trường là không nhỏ.

Quảng Nam - Đà Nẵng từ sau ngày giải phóng 1975 thống nhất đất nước, là tỉnh đi đầu miền Trung trong khai hoang, phục hóa, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng thủy lợi phục vụ nông nghiệp; đồng thời sớm đẩy mạnh phát triển công nghiệp, một số ngành công nghiệp chủ yếu được chú trọng là cơ khí, khai khoáng, vật liệu xây dựng, dệt - may, hóa chất, khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy, hải sản, các ngành xuất nhập khẩu, giao thông vận tải... Nhờ đó địa phương tạo nên bước nhảy vọt về tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, đưa tỉnh từ bao đời thiếu hụt lương thực trở thành địa phương đủ lương thực[1].

(1) "85 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam". http://www.quangnam.gov.vn, ngày 24/3/2015.

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa Bình 10 năm giải phóng tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, đã tự giải quyết được nhu cầu lương thực và làm nghĩa vụ cho Nhà nước ngày càng tăng, đã căn bản hoàn thành giao đất giao rừng cho các Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất quản lý, kinh doanh; đẩy mạnh trồng cây gây rừng, phát triển nuôi tôm xuất khẩu. Phong trào "nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ" đã xây dựng nhiều công trình thủy lợi, giao thông nông thôn và văn hóa. Thương nghiệp Xã Hội chủ nghĩa đã nắm phần lớn hàng hóa, lương thực, thực phẩm, nông sản xuất khẩu và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Công cuộc cải tạo Xã Hội chủ nghĩa thu được kết quả rõ nhất là trong nông nghiệp[1].

Những năm 1989 - 1997, các tỉnh miền Trung chia tách trở lại. Đầu tiên là Nghĩa Bình tách ra thành Quảng Ngãi và Bình Định (1989), sau đó là Quảng Nam - Đà Nẵng tách ra thành Quảng Nam và Thành phố Đà Nẵng... Từ đó mở ra thời kỳ phát triển mới đối với Đảng bộ và nhân dân các địa phương trong công cuộc đổi mới. Sức bật mới từ công cuộc đổi mới - Truyền thống bất khuất kiên cường dũng cảm đứng lên chống thực dân đế quốc từ cuộc vận động khởi nghĩa Trung kỳ năm 1916 xưa, bước vào thế kỷ XXI đã và đang khơi dậy

(1) Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ IV (1986 - 1991). http://www.baobinhdinh.com.vn, ngày 27/9/2015.

https://tieulun.hopto.org

sức mạnh truyền thống bất khuất kiên cường không sợ gian khổ khó khăn.

Đà Nẵng trong đổi mới đã phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, năng động, sáng tạo, tập trung khai thác tiềm năng nội ngoại lực, khơi dậy nguồn lực trong dân, đầu tư xây dựng nhiều công trình trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố này. Cơ cấu kinh tế Đà Nẵng chuyển dịch từ "Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp", sang "Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp". Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 33,2 triệu đồng/người, gấp 7 lần so với năm 1997 và gấp 1,7 lần so với bình quân cả nước. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Đà Nẵng. Công cuộc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị được thực hiện quyết liệt với quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân Đà Nẵng, tạo nên những đổi thay đáng kể cả về tầm vóc, quy mô và diện mạo thành phố. Nhiều công trình trọng điểm có kỹ thuật hiện đại và tầm cỡ đã được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Đà Nẵng cũng quan tâm xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách linh hoạt, tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Từ năm 2005 - 2013, thành phố Đà Nẵng luôn xếp hạng "tốt" hoặc "rất

https://tieulun.hopto.org

tốt" về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI; từ năm 2009 - 2014, đây là địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT (ICT Index). Đà Nẵng còn là địa phương ban hành nhiều chính sách mang đậm tính nhân văn, nhiều giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, dần định hình nét văn hóa của thành phố, được nhân dân tin tưởng và ủng hộ. Chương trình "Thành phố 5 không", "Thành phố 3 có" nhằm hướng đến các mục tiêu an sinh bền vững. Năm 2003, thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành mục tiêu "không có hộ đói", năm 2009 hoàn thành mục tiêu "không có người mù chữ"(1).

Quảng Nam từ năm tái lập tỉnh đã lựa chọn đột phá ở lĩnh vực công nghiệp nhằm tạo động lực cho phát triển. Nhờ đó, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng bình quân 11,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP giảm từ 48% năm 1997 xuống còn dưới 17% vào cuối 2014; công nghiệp xây dựng và dịch vụ tăng lên trên 83%. GRDP bình quân đầu người từ 2,1 triệu đồng (năm 1997) lên 35 triệu đồng vào cuối năm 2014. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2014 đạt 650 triệu USD, tăng 108 lần so với năm 1997. Thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá chiến lược, tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp tích

(1) Huỳnh Đức Thơ, "Đà Nẵng - 40 năm xây dựng và phát triển (1975-2015)". http://www.danang.gov.vn.

https://tieulun.hopto.org

cực để cải thiện môi trường đầu tư, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển. Năm 2014 Khu kinh tế mở Chu Lai đã có 93 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký gần 1,5 tỷ USD, trong đó có 65 dự án đã đi vào hoạt động; Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc thu hút 53 dự án đầu tư, với 45 dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh; các khu, cụm công nghiệp khác của tỉnh thu hút được 174 dự án đầu tư với tổng vốn 4.280 tỷ đồng[1]. Truyền thống "Trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ" trong kháng chiến đang tạo nên sức bật mới để trở thành tỉnh đầu tàu trong khu vực trọng điểm kinh tế miền Trung.

Quảng Ngãi trong đổi mới và phát triển có kinh tế tăng trưởng cao nhiều năm liên tục, so với thời điểm tái lập tỉnh, quy mô tổng sản phẩm kinh tế tăng gần 200 lần, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 10%. Cùng với Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi và hàng chục dự án khác đã tạo bước đột phá ngoạn mục về phát triển công nghiệp của tỉnh. Quảng Ngãi trở thành tỉnh có môi trường đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn trong và ngoài nước. Đến hết quý II/2015, trên địa bàn tỉnh đã có hơn 300 dự án đầu tư có tổng vốn đăng ký trên 144.000 tỷ đồng, trong đó có 36 dự án

(1) "Quảng Nam vững bước trên con đường đổi mới". http://baochinhphu.vn, ngày 20/3/2015.

https://tieulun.hopto.org

FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 4 tỷ USD. Trong bảng xếp hạng PCI năm 2013 và 2014, Quảng Ngãi vươn lên nằm trong nhóm các tỉnh, thành có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc[1]. Tỉnh tập trung vào xây dựng 1 khu kinh tế, 3 khu công nghiệp tập trung và 16 cụm công nghiệp làng nghề; trong đó, Khu kinh tế Dung Quất đã được quy hoạch trở thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực - xây dựng thành một thành phố công nghiệp mở, trung tâm lọc hóa dầu quốc gia, trung tâm đô thị, công nghiệp và dịch vụ cảng biển của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, là đầu mối về giao thông vận tải, trao đổi hàng hóa và giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Đến cuối năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 62%, dịch vụ chiếm 24%, nông nghiệp chiếm 14% trong cơ cấu kinh tế. Chất lượng, năng lực cạnh tranh và môi trường đầu tư được cải thiện, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng, ngày càng hấp dẫn các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Từ một tỉnh nghèo, Quảng Ngãi vươn lên thành một trong 10 địa phương thu ngân sách cao, có điều tiết cho ngân sách Trung ương. Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 2.485USD[2].

---

(1) "Quảng Ngãi: Phát huy lợi thế - tạo đà tăng trưởng". http://www.vccinews.vn, ngày 16/9/2015.

(2) "Quảng Ngãi sau 38 năm giải phóng". http://ubmttq.quangngai.org.vn, ngày 27/3/2013.

https://tieulun.hopto.org

Năm 2016, tròn 100 năm sau cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của Thái Phiên, Trần Cao Vân và vua Duy Tân, trên các địa phương miền Trung, đã cùng cả nước hòa bình, thống nhất, thanh bình và phát triển, thay đổi nhanh chóng. Đặc biệt là hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, đang trở nên hấp dẫn không chỉ với dải đất miền Trung mà còn với cả nước, bởi sự phát triển nhanh, chuyển biến toàn diện, thu hút sự đầu tư xây dựng phát triển cả trong và ngoài nước.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI từ ngày 12 đến 14/10/2015 đã xác định mục tiêu: *phấn đấu đến năm 2020, Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại; phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm khoảng 2 - 2,5%/năm, có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới*[1]. Lãnh đạo tỉnh Quảng Nam đề ra 3 khâu đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư và nhấn mạnh đến khâu đột phá về nguồn nhân lực. Cùng với chăm lo phát triển công nghiệp, tỉnh đang tập trung nguồn lực thực hiện việc giảm nghèo nhanh, bền vững cho khu vực miền núi, phấn đấu đến năm 2020, các thành phố, thị xã không còn hộ nghèo; các huyện đồng bằng tỷ lệ hộ nghèo dưới 2%; các huyện trung du, miền núi ở mức dưới 7%. Quảng Nam xác

(1) Đại hội Đảng bộ Quảng Nam thông qua nhiều quyết sách đột phá. http://vtc.vn, ngày 14/10/2015

https://tieulun.hopto.org

định chọn năm 2016 là năm đột phá trong thực hiện cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá chiến lược, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển nguồn nhân lực. Bảo đảm phát triển kinh tế bền vững, tăng trưởng hợp lý. Thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền; an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Trong các nhiệm vụ đặt ra đó, Quảng Nam sẽ ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế[(1)].

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX từ ngày 4 đến 5/6/2015 xác định nhiệm vụ mục tiêu: "*sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại*" với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân từ 6 - 7%/năm; đến năm 2020, công nghiệp chiếm 60 - 61%; dịch vụ 28 - 29%; nông nghiệp 11 - 12% trong cơ cấu kinh tế; thu nhập bình quân đầu người khoảng 3.600 - 4.000USD/năm. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tập trung lãnh đạo thực hiện tốt 3 khâu đột phá: (1) Phát triển công nghiệp;

---

(1) "Kinh tế - xã hội Quảng Nam có nhiều chuyển biến tích cực". Phỏng vấn đồng chí Đinh Văn Thu - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. http://dangcongsan.vn, ngày 07/02/2016.

https://tieulun.hopto.org

(2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (trong đó chú trọng nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh); (3) Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị - công nghiệp hiện đại và 3 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, ưu tiên sáu huyện miền núi; (2) Phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo; (3) Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; cải cách hành chính, nhất là hành chính công[1].

* * *

100 năm nhìn lại, càng thấy rõ tinh thần và sự nghiệp cứu nước của cuộc vận động do vua Duy Tân và các lãnh tụ Thái Phiên, Trần Cao Vân lãnh đạo, càng tiếp tục được nêu cao và phát huy truyền thống yêu nước, dũng cảm, bất khuất, kiên cường, sáng tạo và năng động, không chịu làm nô lệ, không chịu bị áp bức, không chịu mãi nghèo khổ, phải vươn lên theo hào khí lẫm liệt xưa.

---

(1) "Huy động mọi nguồn lực, xây dựng Quảng Ngãi sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại". http://www.nhandan.com.vn ngày 18/10/2015.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC

https://tieulun.hopto.org

VUA DUY TÂN VÀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI[1]

Cách đấy một tuần lễ bái, vị quân-sư lại cùng với nhà cách-mệnh Thái Phiên khởi-hành ra Thuận-hoá để thực-hiện chương-trình đã hoạch-định từ lâu. Một buổi sớm chiếc xe hỏa dừng bánh tại đất thần-kinh, ở ngay trên bờ con sông Lợi-nông. Hai vị xuống một chiếc đò dọc đậu chờ sẵn dưới vòm cầu nhà ga, đợi cho tới lúc xế chiều mới có viên chánh-đội thân-binh Nguyễn quang Siêu tới yết-kiến. Họ ngồi lại bàn tính công việc, không mảy-may bận-tâm đến khách bộ-hành qua lại trên đường. Lúc mặt trời gần lặn, một anh hàng quà lấy tay đập vào chiếc tủ kính mang trên vai mà rao lên inh-ỏi:

---

(1) "Vua Duy Tân và Việt Nam Quang Phục hội" - Văn thơ Đất Quảng. http://www.hoason.org.

https://tieulun.hopto.org

- Ai mua bánh tam-ích, bánh mì không?

Họ ngước mắt lên bờ và trông thấy một tên lính giản bận áo vạt khách đương trèo lên trụ đèn để rót thêm dầu lạc, theo sau có một tên lính khác cũng mặc áo ngắn màu lá chàm đi tuần-tự hết trụ đèn nầy đến trụ đèn khác để châm ngọn lửa thiêng trên khắp chốn đế-đô. Họ biết rằng buổi chiều đã tàn và nhổ sào để tiến dần về phía Phu-văn-lâu. Đâu đây văng vẳng âm-thanh trầm-bổng trong làn gió chiều hiu-hắt vang-vọng ra tận ngoài khơi:

Chiều chiều ra đứng Văn-lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm.
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông,
Thuyền ai thấp-thoáng bên sông,
Ngâm câu mái đẩy, động lòng bốn phương.

Chen chúc giữa những căn nhà bềnh-bồng trong vạn Phú-cát, họ trải qua một đêm tương-đối yên-tĩnh, chỉ xáo-động bởi những tiếng phách của bọn ngư-phủ ở ngoài bến Thương-bạc. Rạng ngày mai, cải-trang làm thân-binh, tay xách đôi hia, vai mang bộ áo triều-phục, họ theo viên chánh-đội Nguyễn Quang Siêu mà vào cửa Ngọ-môn.

Trong lúc đó Hoàng-đế Duy Tân đã từ nơi cung-điện thâm-nghiêm vi-hành một mình trên con đường lát gạch. Nhà cách-mệnh Thái Phiên trông thấy trước liền nói:

https://tieulun.hopto.org

- Hoàng-thượng đã tới rồi, chúng ta phải bỏ dây xuống dưới mặt hồ mà ngồi cho ngay thẳng.

Nhà vua nhìn hai vị lãnh-tụ cải-trang ra thường-dân đương ngồi câu cá thì hỏi:

- Làm nghề có khá không mà phải bận tâm đến thế?

Hai nhà cách-mệnh đứng dậy, vòng tay lại và đáp:

- Chúng tôi là những người sinh-trưởng nơi thôn-dã, lần đầu tiên được trông thấy long-nhan, lòng chúng tôi hoan-hỉ, vui-mừng, nhưng ngặt vì mặt trời còn chiếu sáng nơi chốn thâm-cung, một trăm con mắt trong bóng tối đương chăm-chú nhà vua đương hạ-cố tới kẻ thần-dân, nên mặc dầu rất phấn-khởi, kẻ hạ-thần đành phải dồn ép mối cảm-xúc lại, không dám thổ-lộ ra bên ngoài, xin bệ-hạ rộng-lượng tha-thứ.

Nhà vua ung-dung đáp lại:

- Hai khanh cứ tự-nhiên ngồi làm phận-sự để Trẫm đứng xem trong giây-lát như vô-tình đi bách-bộ ngang qua mà gặp rồi nhân-tiện sẽ trình-bày câu chuyện cho khỏi bị người ta để ý.

Nhà cách-mệnh Trần Cao Vân liền đi sâu vào vấn-đề và tâu lên một cách rõ-ràng:

- Muôn tâu bệ-hạ, kẻ hạ-thần nầy vâng theo thánh-chỉ, từ nơi lậu-hạng băng-bộ ra đây là để trình-bày cho nhà vua thấy rõ tình-cảnh của dân-chúng ở ngoài kinh-

https://tieulun.hopto.org

khuyết. Kẻ hạ-thần nầy học theo Châu Trình, ra vào cửa Khổng, nhưng kiến-thức, kinh-nghiệm có hạn, đâu có dám đem mình ra cáng-đáng việc nước nhưng ngặt vì hoàn-cảnh nước nhà, dân-chúng thì mịt-mờ, các nhà trí-thức thì hoặc trùm chăn nơi đô-thị, hoặc đem tấm thân bảy thước ra phục-vụ cho bọn Tây-nô, nên kẻ hạ-thần phải hy-sinh quyết một phen vào sinh ra tử để cứu-vớt lấy sơn-hà trong cơn nghiêng-ngửa. Xin bệ-hạ trông thấu cho tấm-lòng nhiệt-thành của hạ-thần nầy thì hạ-thần mới dám nói hết sự thật.

Nhà vua đứng nhìn mấy con chim le le bay qua bay lại rồi nói:

- Trẫm đã hiểu thấu nông-nỗi nước nhà và tấm lòng vì dân vì nước của hai khanh, nên mới có mật-chỉ mời hai khanh ra mưu-tính đại-sự. Có điều gì ẩn-khuất hai khanh cứ nói thiệt.

Nhà cách-mệnh Trần Cao Vân vẫn ngồi tự-nhiên và tâu lên:

- Muôn tâu thánh-thượng, hiện nay dân-chúng đương rên-siết dưới sự áp-bức của hai chế-độ mà bên nào cũng ác-nghiệt tàn-bạo như nhau: một bên thì chính-phủ Bảo-hộ tổ-chức cơ-cấu để khai-thác miền Đông-dương béo-bở này và bóc lột dân-chúng bằng đủ cách. Một bên thì chính-phủ Nam-triều đã mất hết quyền-lợi và chỉ biết cúi đầu phục-tòng, càng

https://tieulun.hopto.org

ngày hàng quan-lại càng bạo-tàn, mục-nát thẳng tay nhũng-nhiễu đè-nén dân-lành. Hai bộ máy bảo-hộ và Nam-triều hiệp lại thì làm sao mà người Việt-nam ngóc đầu lên được. Hễ có kẻ nào đứng ra bênh-vực dân-chúng, đại-diện cho họ để trình-bày những nguyện-vọng thích-đáng như nhà cách-mệnh Phan Tây Hồ thì đã bị bọn thực-dân tìm cách hãm-hại. Còn kẻ nào ôm-ấp trong lòng những hoài-bão khác mà không dám thổ-lộ ra cũng bị bọn mật-thám theo dõi và bắt lên đoạn-đầu-đài như trường-hợp tiến-sĩ Trần Quí Cáp ở Khánh-hòa vì một bản án theo lối Tần Cối giết Nhạc Phi. Còn biết bao nhiêu trí-thức khác đã bị bọn thực-dân giết chết hoặc câu-lưu tại Côn-sơn, tại các miền ma-thiêng nước độc sau những vụ kháng-sưu ở Trung-việt. Vì vậy quảng-đại quần-chúng phải nhẫn-nại mà chịu đựng, thủ-khẩu như bình, đâu có phải họ ngu-dốt khờ điếc chi đâu. Niềm căm-phẫn bị dồn-nén càng nhiều, càng lâu thì sự phản-ứng về sau sẽ càng kinh-thiên động-địa. Cho nên sự im-lặng của dân-chúng bao giờ cũng là một bài học quí báu cho các nhà lãnh-đạo xin Bệ-hạ hiểu thấu điều ấy cho mới được.

Hoàng-thượng ngẫm-nghĩ một hồi lâu rồi hỏi:

- Muốn cứu-vãn tình-thế khanh nghĩ phải làm như thế nào?

Nhà cách-mệnh Trần Cao Vân giật mạnh chiếc cần tre, kéo con cá phát lác trắng như bạc lên bãi cỏ, để cho

https://tieulun.hopto.org

nó giãy đành-đạch cho tới khi đuối sức nằm yên trên mặt đất và tên thái-giám đi ngang qua cho thật xa, mới quay về phía nhà vua mà tâu:

- Muốn gỡ ván cờ nầy không phải chỉ có tài-năng của vua Đế-Thích mà làm được. Muốn thắng bọn Pháp xâm-lược đương bám vào Việt-nam như một con mực bể, chúng ta phải cần đến một yếu-tố rất quan-trọng đó là thời-cơ. Thời-cơ ngàn năm một thuở ấy là cuộc thế-giới chiến-tranh đương diễn-biến tại châu Âu vào thời-kỳ chót: một bên là phe đồng-minh chiến-đấu bên cạnh Anh Pháp và một bên là phe Hiệp-ước đứng cạnh nước Đức. Bắt đầu từ tháng hai năm nay, mặt trận Tây-an sôi-động trở lại, hai bên đều tập-trung lực-lượng tại vùng đông-bắc nước Pháp để đánh chiếm vùng đồng-bằng Verdum trước khi kết-thúc chiến-cuộc. Bây giờ thì còn hơi sớm để biết chắc-chắn bên nào sẽ thắng, nhưng dù sao đi nữa chúng ta cũng phải nắm lấy cơ-hội. Muốn giải-phóng quê-hương xứ-sở, chúng ta không có một đường lối nào ngoài việc tạm-thời dựa theo người Đức là kẻ thù không đội trời chung với người Pháp. Một khi chúng ta đã tổ-chức cuộc khởi-nghĩa đẩy lui được người Pháp ra ngoài lãnh-thổ của chúng ta, lúc đó dù nước Đức có bị thất-trận đi nữa, chúng ta cũng có đủ tính-cách pháp-lý và uy-tín để đặt mối bang-giao với nhiều nước khác trên hoàn-cầu để ngăn-chận sự trở lại của người Pháp. Nếu chúng ta không hành-động cho

https://tieulun.hopto.org

sớm thì trong vòng năm sáu tháng nữa, trận Verdum sẽ kết-liễu, cơ-hội sẽ không trở về với ta nữa. Hoàng-thượng lắng nghe những lời điều-trần ấy và thấy chủ-trương của phe cách-mệnh đúng-đắn, tin-tức thế-giới trùng-hợp với những tin-tức ngài biết được qua người phụ-đạo, ngài hỏi tiếp:

- Chính-sách ấy hợp với suy-nghĩ của Trẫm, nhưng hiện nay hai bên đều nỗ-lực để sớm chấm-dứt chiến-cuộc, chúng ta phải làm thế nào để một mặt tổ-chức nhân-dân, mặt khác bắt liên-lạc với người Đức cho kịp trong vòng đôi ba tháng được.

Nhà cách-mệnh Trần Cao Vân tâu:

- Muôn tâu Bệ-hạ, từ năm 1912, phe cách-mệnh đã tiên-đoán tình-hình, từ đó đã tổ-chức dân-chúng cho thành hàng ngũ chặt-chẽ rồi. Hiện nay Việt-nam Quang-phục hội đã gây được cơ-sở vững-chắc không những trong dân-chúng ở thôn-quê là bộ-phận nòng-cốt trong cuộc tranh-đấu mà lại còn gây được cơ-sở trong các ngành binh-chủng từ những đơn-vị khố xanh, khố đỏ đương đóng rải-rác từ Nam chí Bắc cho đến những đoàn lính mộ đương chuẩn-bị lên đường để chiến-đấu tại Pháp-quốc. Đây là những đơn-vị được tổ-chức và huấn-luyện kỹ-càng về chuyên-môn cũng như về đường-lối cách-mệnh và sẵn-sàng hưởng-ứng cuộc khởi-nghĩa của chúng ta. Mọi công-việc đã sắp đặt đâu vào đấy một cách kỹ-càng thận-trọng. Nói chung tình-hình dân-

https://tieulun.hopto.org

chúng đã chín muồi từ lâu và chỉ còn chờ mệnh-lệnh nhà vua là tiếng súng sẽ nổ và sẽ lan ra khắp toàn quốc. Khi bên trong đứng dậy phát-động cuộc đấu-tranh, các đơn-vị nghĩa-quân, vũ-trang bằng những thứ vũ-khí thô-sơ sẽ đánh những đồn trại lẻ-tẻ, sẽ chiếm đóng các quận-lỵ để hiệp-lực với quân-đội cách-mệnh mà làm chủ tình-thế ở từng địa-phương. Ở bên ngoài, việc vận-động sự viện-trợ của hai nước Đức và Áo về vật-chất cũng như tranh-thủ sự ủng-hộ trên diễn-đàn quốc-tế thì tổ-chức hải-ngoại của Việt-nam Quang-phục hội dưới sự lãnh-đạo của hai nhà cách-mệnh Phan Bội Châu và Nguyễn Thượng Hiền đã xúc-tiến từ lâu rồi. Hai nhà cách-mệnh ấy đã tiếp-xúc với các vị sứ-thần Đức tại Trung-hoa, tại Nhật-bản, tại Xiêm-la và ngay ở tại chính-quốc của họ ở Âu-châu nữa.

Trình-bày xong nhà cách-mệnh Trần Cao Vân kết-thúc:

- Phe cách-mệnh đã chuẩn-bị cuộc khởi-nghĩa rồi, bây giờ họ chỉ còn chờ mệnh-lệnh của Hoàng-thượng nữa mà thôi.

Hoàng-thượng có vẻ bằng lòng, nét mặt biểu-lộ sự cương-quyết hơn lúc nào hết. Ngài muốn trấn-an hai nhà cách-mệnh, trả-lời dứt-khoát:

- Từ nay trở đi, hai khanh sẽ nhận được sự ủng-hộ triệt-để của Trẫm, Trẫm sẽ ban mật-dụ để tiện việc

https://tieulun.hopto.org

thi-hành, hai khanh phải lo thi-hành cho gấp kẻo trễ mất cơ-hội.

Hai nhà cách-mệnh liền sụp quì xuống dưới đất, để làm lễ bái-mạng và tâu thêm:

- Từ nay trở đi, kẻ hạ-thần còn phải bôn-lưu nam bắc để trù-tính công-việc khởi-nghĩa do đó hạ-thần ít có dịp trở về kinh-sư bệ-kiến Hoàng-thượng. Nếu có việc gì cần chỉ-giáo, dám mong bệ-hạ cho gọi một trong ba người cử-nhơn Nguyễn Sụy, hoặc bác-sĩ Lê Đình Dương hoặc nhà chí-sĩ Phan Đình Tài để chỉ-giáo.

Nhà vua gật đầu và nhẹ-nhàng dời gót ngọc để trở về cung Càn-thành.

***

https://tieulun.hopto.org

NGƯỜI LÍNH VIỆT TRONG THẾ CHIẾN THỨ NHẤT[1]

Tài liệu được cho là liên quan đến đơn vị lính tập (Tiểu đoàn 16) từng có bộ phận tham gia cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 do Thái Phiên, Trần Cao Vân tổ chức, trước khi bị đưa sang chiến trường châu Âu trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Số lượng lính Việt Nam tham gia Thế chiến thứ nhất bao nhiêu? Theo Trang thông tin Blâmon của vùng Lorraine: Vào đầu năm 1916, một số tiểu đoàn bộ binh Đông Dương (với tổng số 43.430 lính tập) tham gia chiến tranh cùng nước Pháp. Số lượng lính thợ Đông Dương là 48.991, chủ yếu phân bổ cho các nhà máy vũ khí. Thông tin trên trang và những bức bưu ảnh những người lính Việt trong Thế chiến thứ nhất 1914 - 1917...

---

(1) Người lính Việt trong thế chiến thứ nhất (3) Việt nam hình ảnh xưa. http://tranthanhnhan1963g.blogspot.com, ngày 15/9/2013.

https://tieulun.hopto.org

……

10. Tiểu đoàn 16 lính bộ binh Đông Dương (Tuyển mộ thành lập năm 1916, giải thể 6/6/1919

Ngày 25/02/1917, một đơn vị 250 người lính gồm có 6 trung sĩ bản địa và 9 hạ sĩ đến khu vực Nancy đảm nhiệm phần việc xe máy. Ngoài đơn vị này, đến thời điểm giải thể ngày 06/6/1919 tiểu đoàn không hiện diện tại Lorraine.

Trong tài liệu lưu trữ của tiểu đoàn có thông tin sau: "Lưu ý về sự hình thành của tiểu đoàn 16 lính bộ binh Đông Dương:

Đặc điểm tiểu đoàn quân tình nguyện này là nó được xứ An Nam cung cấp sớm nhất (bắt đầu tuyển dụng năm 1916) và triều đình An Nam, do những sự kiện chính trị dẫn đến việc luận tội phản quốc đối với hoàng đế trẻ Duy Tân, đã hỗ trợ tiểu đoàn tuyển dụng dễ dàng hơn và nghiêm túc nhất có thể, ví dụ như đưa các thành viên gia đình hoàng tộc và họ hàng các quan chức cao cấp của triều đình tham gia, họ cũng đã cố gắng huy động càng nhiều càng tốt các học viên.

Cho dù có những lôi kéo từ các nhà cách mạng, các tân binh đã không bàn giao vũ khí họ được cung cấp trước đó một vài ngày, ngoại trừ vài trường hợp cá biệt bị đàn áp, các lính tập không tham gia vào các phong trào chống Pháp hay chống triều đình. Người ta đánh

https://tieulun.hopto.org

giá cao tinh thần của các lính tập khi có trục trặc vào thời điểm khởi hành sang nước Pháp tháng 5/1916, lịch khởi hành được công bố nhiều lần trước đó rồi bị hoãn lại, đã dẫn đến việc phát trước phần thứ hai khoản tiền thưởng đăng lính. Lính tập xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc và những gia đình quan lại tập hợp trong đại đội 1 dưới sự chỉ huy của đại úy Délétie, người đứng đầu phòng giáo dục ở An Nam, họ là hạt nhân trong vườn ươm cán bộ của tiểu đoàn".

https://tieulun.hopto.org

Lính tập Tiểu đoàn 16 đang làm công tác tuyên huấn

Lính tập Tiểu đoàn 16 diễn kịch

https://tieulun.hopto.org

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC NHÂN VẬT LÃNH ĐẠO TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

https://tieulun.hopto.org

Vua Duy Tân lúc lên ngôi

https://tieulun.hopto.org

Vua Duy Tân trên đảo La Réunion

Vua Duy Tân trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai

https://tieulun.hopto.org

Tượng Thái Phiên ở nhà thờ tộc Thái

Trần Cao Vân (1866 - 1916)

https://tieulun.hopto.org

Phan Thành Tài (1878 - 1916)

Chí sĩ Lê Cơ (1870 - 1918)

https://tieulun.hopto.org

Traduction d'un papier qui,paraît-il,serait le testament que THÁI-PHIÊN aurait écrit avec le bout carbonisé d'une allumette,un peu avant le départ pour le lieu d'exécution. Ce papier aurait été remis par Thái-Phiên à LÔ-Chêu-Hàng actuellement détenu à la prison du HỘ-Thành.

Secret

Les Chinois servant d'intermédiaires pour envoyer des fonds aux étudiants annamites émigrés en Chine et au Siam sont:

Di ngôn của Thái Phiên (dịch sang tiếng Pháp)

GOUVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

DIRECTION DES AFFAIRES POLITIQUES ET INDIGÈNES

Classement Situation politique de l'Indochin

Série Rapports trimestriels

Dossier 2ème trimestre - 1916

Les brevets furent établis et remis pour être distribués aux titulaires. On arrêta les termes de la proclamation à adresser un peuple dès que le coup de force projeté serait accompli. Le texte en aurait été rédigé par Thai-Phiên, et soigneusement revu et corrigé par Wai-Nhi.Un exemplaire de cette proclamation a été retrouvé à Faifo.On y lit entre autres choses les déclarations suivantes:

"Le.....

Tài liệu số 42 ANOM_GGI_66530

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam Dân quốc Quang phục quân -
Quân dụng ngân phiếu - Bách viên

Chùa Cổ Lâm (Đại Lộc, Quảng Nam),
nơi Trần Cao Vân ẩn tu và viết Trung Thiên dịch

https://tieulun.hopto.org

Mộ Thái Phiên và Trần Cao Vân

Mộ Lê Ngung
(thôn Thành Thiện, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi)

https://tieulun.hopto.org

Gian thờ Lê Ngung tại nhà thờ ông
(thôn Phước Hòa, xã Bình Thanh Tây)

Bìa sách Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX của *PGS. TS. Ngô Văn Minh.*

https://tieulun.hopto.org

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Phôn Clausevit, *Bàn về chiến tranh* (Phần I), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1981.
2. Cao Đắc Vinh (Sưu tầm), "Một "nghĩa cử Cần vương", để tưởng nhớ vua Hàm Nghi". https://tunhan.wordpress.com.
3. Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Hương khoa lục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
4. Chương Thâu (Sưu tầm và biên soạn), *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000.
5. D. G. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
6. "Đại hội Đảng bộ Quảng Nam thông qua nhiều quyết sách đột phá". http://vtc.vn, ngày 14/10/2015.
7. "Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ IV (1986 - 1991)". http://www.baobinhdinh.com.vn, ngày 27/9/2015.

https://tieulun.hopto.org

8. Đại Thạch Lê Ước, "Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài". Tập san *Sử Địa*, số 11 năm 1968 (Đại học Sư phạm Sài Gòn).

9. Đảng bộ Tam Kỳ, *Tam Kỳ, đất nước con người và những truyền thống yêu nước trước khi có Đảng* (Sơ thảo), 1988.

10. Đào Nhật Kim, "Võ Thượng Khải và cuộc vận động khởi nghĩa Duy Tân 1916 ở Phú Yên". http://www.baophuyen.com.vn.

11. *Địa chí Quảng Ngã* (Phần II: Các phong trào yêu nước chống Pháp từ 1885 đến 1930). http://www.quangngai.gov.vn.

12. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.

13. Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử cận hiện đại Việt Nam - Một số vấn đề nghiên cứu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998.

14. Đỗ Thị Minh Thúy - Nguyễn Hồng Sơn, *Phong trào Duy Tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển bách khoa và Viện Văn Hóa, Hà Nội, 2010.

15. Đoàn Trung Còn (Dịch), *Tứ thư*, trọn bộ 4 tập, Đại học, Nxb. Thuận Hóa, 2011.

16. Dương Kinh Quốc, *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử 1858 - 1918*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.

https://tieulun.hopto.org

17. Hà Minh Hồng, *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858 - 1975)*, Nxb. Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

18. Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, Minh Tân xuất bản, Paris, 1952.

19. Hồ Ngận, *Quảng Nam Xưa và Nay*. Bản đánh máy do con trai của tác giả là Giáo sư Hồ An giữ, tại số 184 đường Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng.

20. Hồ Song, "Vụ dân biến ở miền Trung Việt Nam đầu năm 1908", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (203) 1999.

21. Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*, Nam Á, Paris, 2002.

22. Hoàng Hiền, *Vua Duy Tân*, Nxb. Thuận Hóa, 1996.

23. Hoàng Trọng Thược, *Hồ sơ vua Duy Tân*, Mõ Làng, Paris, 1993.

24. Hồng Lâm, "Trần Huỳnh. Tổng Lãnh binh một đạo quân Duy Tân khởi nghĩa năm 1916". Đặc san *Tiên Phước 30 năm xây dựng và phát triển*. 2006.

25. "Huy động mọi nguồn lực, xây dựng Quảng Ngãi sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại". http://www.nhandan.com.vn ngày 18/10/2015.

26. Huỳnh Đức Thơ, Đà Nẵng - 40 năm xây dựng và phát triển (1975 -2015). http://www.danang.gov.vn.

https://tieulun.hopto.org

27. Huỳnh Thúc Kháng, *Vụ kháng thuế ở Trung kỳ năm 1908*, Nxb. Ích Tri, Huế, 1946.

28. "Kinh tế - xã hội Quảng Nam có nhiều chuyển biến tích cực" - Phỏng vấn đồng chí Đinh Văn Thu - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. http://dangcongsan.vn, ngày 07/02/2015.

29. Lại Nguyên Ân (Sưu tầm và biên soạn), *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1936*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

30. Lâm Quang Thự, *Quảng Nam - Địa lý Lịch sử Nhân vật*, Ban liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974.

31. Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.

32. Lê Thành Khôi (Chủ biên), *Histoire du Xxè sìecle - L'Asie du Sud-Est*, Sirey, Paris, 1970.

33. Lênin Toàn tập, tập 27, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980 - Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1996.

34. Lưu Anh Rô, "Ngàn thu tiết rỡ". http://www.baoquangnam.com.vn.

35. Lưu Anh Rô, "Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân", Tạp chí *Non nước*, Đà Nẵng, số 220, 2016.

https://tieulun.hopto.org

36. Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, Nxb. Đà Nẵng, 2012.

37. *Người lính Việt trong Thế chiến thứ nhất*. http://www.baomoi.com

38. Nguyễn Bá Trác, *Quảng Ngãi tỉnh chí, Nam Phong tạp chí 1933*, bản đánh máy, lưu trữ tại Thư viện Tổng hợp Quảng Ngãi.

39. Nguyễn Đắc Xuân, "Vua Duy Tân dang dở tình nước tình nhà". Đăng trên *Gác Lộc Thọ* - Người cầm bút xứ Huế, tháng 6/2008.

40. Nguyễn Duy - *Tưởng niệm* (thơ), báo Văn Nghệ, tháng 4/1987.

41. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

42. Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989.

43. Nguyễn Phước Tương, "Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục Hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916". Đăng trên Website Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

44. Nguyễn Phước Tương, *Phủ Hà Đông - Tam Kỳ, những phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. 100 năm phủ lỵ Tam Kỳ (1906 - 2006).

https://tieulun.hopto.org

45. Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* (Bộ mới), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

46. Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

47. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.

48. Nguyễn Quốc Hùng, *Cuộc cách mạng 10 ngày làm rung chuyển thế giới - Những giá trị xuyên thế kỷ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012.

49. Nguyễn Sinh Duy, *Quảng Nam những vấn đề lịch sử*, Nxb. Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

50. Nguyễn Thế Anh, *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân.* Tủ sách sử học của Bộ Văn hóa giáo dục và thanh niên, Sài Gòn, 1973.

51. Nguyễn Thị Đảm, *Bàn thêm về tên gọi của sự kiện lịch sử vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ*, Tạp chí *Huế xưa và nay* số 9 (10), 2006.

52. Nguyễn Trương Đàn, *Tìm hiểu di ngôn của Thái Phiên*, http://www.baodanang.vn.

53. Nguyễn Trương Đàn, *Vua Duy Tân 1916*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2014.

https://tieulun.hopto.org

54. Nguyễn Văn Hòa, "Tư tưởng của Phan Bội Châu về nội lực", Tạp chí *Triết học*, số 3 (202), 2008.

55. Nhiều tác giả, *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nxb. Tri thức, 2008.

56. Phạm Thông, *Kháng chiến kiến quốc ở Quảng Nam*, http://baoquangnam.com.vn ngày 18/12/2013.

57. Phạm Văn Sơn, *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam (Việt sử tân biên)* quyển VII, Sài Gòn, 1972.

58. Phạm Văn Sơn, *Việt Nam cách mạng cận sử* (*Việt sử tân biên)*, quyển V, Sài Gòn, 1963.

59. Phan Bá Lương, "Về vai trò của ông Phan Thành Tài trong phong trào Duy Tân và cuộc khởi nghĩa Bính Thân 1916". http://www.hophan.net (Hội đồng gia tộc họ Phan - Bảo An).

60. Phan Bội Châu, *Niên biểu* (Phạm Trọng Điềm, Tôn Quang Phiệt dịch). Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

61. Phan Bội Châu, *Tự phán*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000.

62. Phan Canh, Đào Đức Chương, *Thi ca Việt Nam thời Cần Vương (1885 - 1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997.

63. Phan Châu Trinh, *Trung kỳ dân biến thủy mạt ký*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1973.

https://tieulun.hopto.org

64. Phan Huy Lê, "Phong trào Đông Du trong giao lưu văn hóa Việt - Nhật", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 12, 2005.

65. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Nxb. Khai Trí, 1961.

66. Phan Khôi, *Đôi điều nên biết về Nho giáo*, Văn thư lưu trữ mở Wikisource.

67. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Lược sử Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.

68. Quang Dũng, Hiếu Thảo, "Sứ giả tiền tệ người Mỹ và tờ quân dụng phiếu Phan Bội Châu". www.antg.cand.com.vn.

69. "Quảng Nam vững bước trên con đường đổi mới". http://baochinhphu.vn, ngày 20/3/2015.

70. "Quảng Ngãi sau 38 năm giải phóng". http://ubmttq.quangngai.org.vn, ngày 27/3/2013.

71. "Quảng Ngãi: Phát huy lợi thế - tạo đà tăng trưởng". http://www.vccinews.vn, ngày 16/9/2015.

72. Tạp chí *Xưa và Nay*, "100 năm phong trào Duy Tân ở miền Trung", số 148/2003.

73. Thạch Phương, *Đất Quảng - Những sự kiện đáng nhớ*, Nxb. Đà Nẵng, 2008.

https://tieulun.hopto.org

74. Thang Văn Phúc, "Giới thiệu một số tư tưởng chính trị của triết học Khổng giáo về chính quyền nhà nước", *Thông tin lý luận*, số 3 (192), 1994.

75. Thiện Sinh, "Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa", Tạp chí *Bách khoa*, số 123 năm 1962.

76. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. Đà Nẵng, 2005.

77. Tô Đình Cơ, *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866 - 1916)*, Sở VHTT Bình Định, 1995.

78. Tôn Thất Bình, *Kể chuyện các vua Nguyễn*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2008.

79. Tống Phước Phổ, "Nguyễn Hiển Dĩnh, một nhà sáng tác, đạo diễn rất lỗi lạc trong nghệ thuật tuồng". Trong sách *Nguyễn Hiển Dĩnh nhà hoạt động sân khấu tuồng lỗi lạc*, Sở Văn hoá Quảng Nam - Đà Nẵng, 1987.

80. Trần Đức Thanh Phong, *Kỷ niệm 100 năm phong trào Đông Du*, Tân Văn, Đông Kinh, Nhật Bản, 2005.

81. Trần Trúc Tâm, *Chí sĩ Trần Cao Vân*, Nxb. Đà Nẵng, 1999.

82. Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập 1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

https://tieulun.hopto.org

83. Trần Viết Ngạc, *Lá quốc kỳ Việt Nam đầu tiên đã tung bay ở Thái Nguyên năm 1917.* http://www.chimviet.free.fr/lichsu.

84. Trần Xuân An, *Về tấm ảnh Phan Bội Châu và Cường Để chụp chung.* http://www.giaovn.blogspot.com.

85. Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 6, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

86. Văn Tạo (Chủ biên), *Lịch sử quân sự Việt Nam,* tập 9: Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng tháng Tám 1945, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

87. Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn,* tập 2, Houston, TX Văn hóa, 2000.

88. Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng hào kiệt của dân tộc Việt Nam*, tập 5, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

89. Vũ Văn Tỉnh, "Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 140 - 1971.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

"100 năm trước, trên dải đất Trung kỳ đã diễn ra một sự kiện bi hùng có tiếng vang to lớn, để lại dấu ấn không phai mờ trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc...

100 năm sau, với lòng ngưỡng mộ và trân trọng một trong những trang sử đáng tự hào ở những thập niên đầu của thế kỷ XX, chúng tôi muốn phục dựng những nội dung cơ bản của chuỗi sự kiện để lại nhiều dấu ấn hào hùng ấy với tên gọi Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916."

Trích Lời nói đầu

ISBN: 978-604-58-5338-2
9 786045 853382
Giá: 70.000đ
www.sachweb.vn

https://tieulun.hopto.org